



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - Số 605 / Kỳ I - 9/2021



**CHIẾN LƯỢC
TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM**
ĐẨY MẠNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TƯ NHÂN



**KIỂM SOÁT GIÁ ĐẢM BẢO
NGUỒN CUNG HÀNG HÓA
TRONG MÙA DỊCH COVID 19**



**NGÀNH Y TẾ DÒN TỔNG LỰC
CHO TRẬN CHIẾN PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19**



**HOẠT ĐỘNG M&A TOÀN CẦU
TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 9/2021 (605) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hợp trực tuyến thống nhất nội dung điều tra lĩnh vực tài khoản quốc gia trong Điều tra doanh nghiệp năm 2022

2. Hội nghị công bố Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về nhân sự lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng

3. Các địa phương đảm bảo tiến độ thực hiện Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 giai đoạn II

KINH TẾ - XÃ HỘI

6. Tình hình kinh tế - xã hội 8 tháng năm 2021

10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 8 năm 2021

11. Chiến lược tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư tư nhân

Thu Hường

14. Hợp tác xã bắt nhịp thị trường công nghệ số

Tiến Long

17. Thách thức xuất khẩu gạo những tháng cuối năm 2021

Minh Đạt

19. Kiểm soát giá đảm bảo nguồn cung hàng hóa trong mùa dịch Covid 19

Trúc Linh

23. Ngành y tế dồn tổng lực cho trận chiến phòng, chống dịch Covid-19

Quang Vinh

25. Tiếp tục xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030

TS. Đặng Quang Trung

28. Vai trò của người nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp

TS.Cao Thị Hà

32. Nông thôn, nông nghiệp Hải Phòng sau 10 năm đổi mới

Hoàng Xuân An

36. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

38. Hệ thống thống kê quốc gia trong cuộc cách mạng dữ liệu

ThS. Lê Thị Thanh Huyền

QUỐC TẾ

41. Hoạt động M&A toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ

Bích Ngọc

HÀ GIANG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

44. Sức vươn lên của một thành phố trẻ

Trịnh Long

45. Giảm nghèo - chương trình trọng tâm trong phát triển kinh tế xã hội ở huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang

Thành Nam

47. Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn: Không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng khám chữa bệnh

Đình Đình

48. Những chuyển biến tích cực trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân trên Cao nguyên đá Đồng Văn

Hùng Minh

50. Đồng Văn: Tự hào vươn lên từ những khó khăn

51. Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh - Mang những dịch vụ y tế tốt nhất đến với người dân

Minh Hùng

53. Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ: Nơi người bệnh gửi gắm niềm tin

Giá: 24.000 đ

HỢP TRỰC TUYẾN THỐNG NHẤT NỘI DUNG ĐIỀU TRA LĨNH VỰC TÀI KHOẢN QUỐC GIA TRONG ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Chiều ngày 13/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp trực tuyến thống nhất nội dung điều tra lĩnh vực tài khoản quốc gia trong Điều tra doanh nghiệp năm 2022. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì cuộc họp. Tham dự cuộc họp có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị có liên quan thuộc TCTK.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 áp dụng điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

Điều tra toàn bộ được thực hiện đối với các đối tượng thuộc các đơn vị điều tra toàn bộ nhằm thu thập thông tin cơ bản về thông tin định danh, ngành nghề sản xuất kinh doanh, lao động, kết quả sản xuất kinh doanh. Các đơn vị điều tra toàn bộ sẽ thực hiện điền thông tin phiếu 2/DN.

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với một bộ phận đơn vị điều tra nhằm mục đích mở rộng nội dung điều tra, phục vụ tính các chỉ tiêu chuyên ngành, giúp nâng cao chất lượng điều tra nhất là đối với các câu hỏi phức tạp, chuyên sâu. Các đơn vị điều tra mẫu sẽ thực hiện điền thông tin phiếu 1/DN và các phiếu chuyên ngành.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 sử dụng 12 loại phiếu điều tra, cụ thể: (1) Phiếu số 1/DN: Phiếu thu thập thông tin năm 2021 đối với doanh nghiệp điều tra mẫu; (2) Phiếu số 2/DN: Phiếu thu thập thông tin năm 2021

đối với doanh nghiệp; (3) Phiếu số 1.2/DN-CN: Kết quả hoạt động công nghiệp năm 2021 (áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động công nghiệp); (4) Phiếu số 1.3/DN-XD: Kết quả hoạt động xây dựng năm 2021 (áp dụng cho doanh nghiệp có hoạt động xây dựng); (5) Phiếu số 1.4/DN-VTKB: Kết quả hoạt động dịch vụ vận tải, kho bãi năm 2021 (áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động dịch vụ vận tải, kho bãi); (6) Phiếu số 1.5/DN-LT: Kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú năm 2021 (áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động dịch vụ lưu trú); (7) Phiếu số 1.6/DN-LH: Kết quả hoạt động dịch vụ lữ hành năm 2021 (áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động dịch vụ lữ hành); (8) Phiếu số 1.7/DN-TCTD: Kết quả hoạt động dịch vụ tài chính năm 2021 (áp dụng cho doanh nghiệp/chi nhánh thuộc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính và chi nhánh ngân hàng nước ngoài); (9) Phiếu số 1.10/DN-VĐT: Vốn đầu tư thực hiện năm 2021 (áp dụng cho doanh nghiệp trong năm 2021 có thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định... phục vụ hoạt động SXKD); (10) Phiếu số 1.11/DN-NL: Sản xuất kinh doanh

và tiêu dùng năng lượng trong doanh nghiệp năm 2021 (áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra về tiêu dùng năng lượng); (11) Phiếu số 1.12/DN-DVGC: Kết quả hoạt động gia công hàng hóa với đối tác nước ngoài năm 2021 (áp dụng cho doanh nghiệp có hoạt động gia công, lắp ráp hàng hóa trực tiếp cho nước ngoài); (12) Phiếu số 1.13/DN-FATS: Tình hình thực hiện góp vốn điều lệ năm 2021 (áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài).

Tại cuộc họp, các đại biểu tham dự tập trung thảo luận và làm rõ các nội dung trong phiếu điều tra doanh nghiệp năm 2022, gồm: loại hình doanh nghiệp, quyền chi phối, công ty hợp danh, thông tin người lao động, chỉ tiêu doanh thu, tài sản cố định...

Kết luận cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương ghi nhận và đánh giá cao các nội dung được thiết kế trong phiếu Điều tra doanh nghiệp năm 2020, cũng như ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị, Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT tiếp thu ý kiến đề xuất và tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan để làm rõ các thuật toán, tính toán, chỉnh sửa nội dung đưa vào phiếu điều tra cho hợp lý, phản ánh đúng thực tiễn nhằm tiến tới hoàn thiện phiếu điều tra doanh nghiệp năm 2020/.

Thu Hương

HỘI NGHỊ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ VỀ NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO CỤC THỐNG KÊ TỈNH CAO BẰNG

Sáng ngày 27/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về công tác cán bộ đối với chức danh lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến tham dự và chủ trì tại điểm cầu TCTK.

Tại điểm cầu Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, thừa ủy quyền của Tổng cục trưởng TCTK, bà Phạm Thị Phương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng đã công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Vinh, Trưởng phòng, Phòng Thu thập thông tin thống kê, Cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng kể từ ngày 01/9/2021.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Lãnh đạo TCTK, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chúc mừng cá nhân ông Nguyễn Mạnh Vinh cùng tập thể lãnh đạo, công chức và người lao động Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng. Phó Tổng cục trưởng cho biết, việc luân chuyển, điều động công chức, đặc biệt là công chức lãnh đạo nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ tiếp tục phát huy kinh nghiệm công tác thông qua nhiều môi trường, đồng thời tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ lãnh đạo ngành Thống kê trong thời gian tới.

Phó Tổng cục trưởng cũng nhấn mạnh, năm 2021 và những năm tiếp theo ngành Thống kê nói chung, Cục Thống kê Cao Bằng nói riêng triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng, trong bối cảnh dịch COVID đang diễn ra hết sức phức tạp, khó lường. Do vậy, Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng cần nghiêm túc triển khai, thực hiện tốt các cuộc điều tra thống kê; các nhiệm vụ chính trị đã được Lãnh đạo Tổng cục, Lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND, HĐND giao phó, không để xảy ra đứt gãy trong thực hiện nhiệm vụ.

Về triển khai thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị tập thể Lãnh đạo Cục và cấp ủy có đánh giá công tâm, khách quan năng lực lãnh đạo cấp phòng, chi cục, cũng như công chức để bố trí sắp xếp phù hợp với vị trí việc làm theo mô hình tổ chức mới.

Phát biểu nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Nguyễn Mạnh Vinh cảm ơn sự tin tưởng của lãnh đạo TCTK, lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng và hứa sẽ cố gắng hết mình; nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực quản lý; tận tâm, tận lực với công việc, cùng tập thể ban lãnh đạo Cục Thống kê Cao Bằng đoàn kết phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao./.

Thu Hòa

TẬP HUẤN TRỰC TUYẾN SỬ DỤNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO

Thực hiện kế hoạch công tác năm 2021 của Tổng cục Thống kê (TCTK), chiều ngày 26/8/2021, tại Hà Nội, Văn phòng TCTK đã phối hợp với Công ty cổ phần Misa tổ chức tập huấn trực tuyến sử dụng phần mềm quản lý hội nghị, hội thảo (Misa Event) cho các Cục Thống kê tiến hành thử nghiệm (Bao gồm: Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, Phú Thọ, Hưng Yên và Bình Định). Ông Nguyễn Bình, Chánh Văn phòng TCTK chủ trì buổi tập huấn.

Phát biểu khai mạc buổi tập huấn, ông Nguyễn Bình, Chánh Văn phòng TCTK cho biết, đây là một trong những hoạt động nằm trong kế hoạch triển khai hoàn thiện Hệ sinh thái đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, hoạt động của TCTK. Trong thời gian qua, TCTK đã triển khai được nhiều công việc liên quan đến mảng quản lý, điều hành như: Điều hành phân công công việc qua E-office, chữ ký điện tử và nhiều hoạt động khác...

Với phần mềm tổ chức hội nghị, hội thảo, đến nay, TCTK phối hợp với công ty Misa đã xây dựng xong phần mềm và cẩm nang hướng dẫn sử dụng thí điểm phần mềm. Trước mắt, phần mềm này sẽ được triển khai thực hiện thí điểm tại 4 Cục Thống kê (Lai Châu, Phú Thọ, Hưng Yên, Bình Định). Tới đây, khi phần mềm này được ứng dụng trong toàn ngành sẽ giúp cho các đơn vị thuộc TCTK, lãnh đạo các Cục Thống kê địa phương có thể khởi tạo cuộc họp, quản lý cuộc họp, điều hành, tương tác trong cuộc họp, báo cáo thống kê, báo cáo nhanh các chỉ tiêu liên quan tới cuộc họp.

Trong buổi tập huấn, các đại biểu tham dự đã được thực hành các thao tác xử lý phần mềm trên máy tính dưới sự hướng dẫn của đại diện công ty cổ phần Misa.

Buổi tập huấn đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp và phản hồi của các đại biểu tại các điểm cầu, các đại biểu đều cho rằng việc xây dựng và từng bước đưa vào triển khai thực hiện phần mềm sẽ mang lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức hội nghị, hội thảo tại mỗi địa phương, cũng như tại cơ quan TCTK đảm bảo công tác chuyên môn, tuyên truyền của toàn Ngành./.

P.V



HỢP TỔ CÔNG TÁC XÂY DỰNG QUY TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Chiều ngày 24/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp tổ công tác xây dựng quy trình điều tra thống kê. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có đại diện lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ thuộc TCTK; Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT; Viện Khoa học Thống kê.

Phát biểu chỉ đạo cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, theo Quyết định 811/QĐ-TCTK về việc thành lập Tổ công tác xây dựng quy trình điều tra thống kê, Tổ xây dựng quy trình điều tra thống kê có những nhiệm vụ chính gồm: Nghiên cứu, xây dựng quy trình điều tra thống kê; Xây dựng kế hoạch chi tiết nhiệm vụ thực hiện; Dự thảo Quyết định quy trình điều tra thống kê trình cấp có thẩm quyền ban hành. Đây là một trong những công việc rất quan trọng để phân việc, phân vai và phân trách nhiệm rõ, đảm bảo cho việc điều tra thống kê được thực hiện thuận tiện và tốt nhất.

Tại cuộc họp, đại diện Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT đã trình bày chi tiết nội dung về Dự thảo quy trình điều tra thống kê 8 bước, gồm: (1) Xác định nhu cầu thông tin thống kê; (2) Chuẩn bị thu thập thông tin; (3) Tổ chức thu thập thông tin; (4) Xử lý và tổng hợp kết quả điều tra; (5) Phân tích và dự báo; (6) Công bố và phổ biến thông tin; (7) Tư liệu hóa; (8) Đánh giá chất lượng quy trình điều tra.

Về cơ bản, các nội dung Dự thảo quy trình điều tra thống kê 8 bước giống quy trình 8 bước đã trình bày tại cuộc họp vào tháng 5/2021 trước đó đã được sửa đổi theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo TCTK và tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan.

Cũng trong cuộc họp, các đại biểu tham dự tập trung thảo luận, rà soát chi tiết và đề xuất ý kiến về các nội dung Dự thảo quy trình điều tra thống kê 8 bước.

Kết luận cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến ghi nhận và đánh giá cao các nội dung trong Dự thảo quy trình điều tra thống kê 8 bước cũng như các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự.

Phó Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát và góp ý bằng văn bản để Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT tổng hợp và tiến hành triển khai các công việc tiếp theo, nhằm hoàn thiện Dự thảo quy trình điều tra thống kê 8 bước trong thời gian tới./

Trúc Linh

CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 GIAI ĐOẠN II

THÁI NGUYÊN

Sau 5 tháng triển khai, cuộc Tổng điều tra kinh tế 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã cơ bản hoàn thành theo đúng kế hoạch, đảm bảo yêu cầu và tiến độ đề ra.

Trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021, toàn tỉnh Thái Nguyên triển khai điều tra thu thập thông tin khoảng 75 nghìn đơn vị, trong đó giai đoạn I thực hiện điều tra thu thập thông tin 5500 đơn vị, giai đoạn II thực hiện gần 70 nghìn đơn vị.

Tiếp tục thực hiện giai đoạn II, công tác điều tra thu thập thông tin đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng được các địa phương tích cực triển khai. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn II của cuộc Tổng điều tra đã được BCĐ Tổng điều tra kinh tế các cấp của tỉnh Thái Nguyên thực hiện tốt, cụ thể:

Công tác rà soát địa bàn, cập nhật danh sách nền đơn vị điều tra

Thực hiện hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương, công tác rà soát, cập nhật danh sách nền cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng của tỉnh Thái Nguyên





được triển khai thực hiện bài bản. Căn cứ vào danh sách ban đầu do Tổng cục Thống kê cung cấp, cơ quan Thường trực BCĐ Tổng điều tra tỉnh (Cục Thống kê) đã hướng dẫn triển khai công tác rà soát, cập nhật danh sách nền cho Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế các huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là BCĐ Tổng điều tra cấp huyện) để chỉ đạo BCĐ Tổng điều tra kinh tế các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện. Theo kết quả rà soát, cập nhật, toàn tỉnh có 2.450 địa bàn điều tra với 68,4 nghìn sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng của toàn tỉnh là 627 cơ sở.

Công tác tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên

Căn cứ vào hướng dẫn của BCĐ Trung ương và quy mô số đơn vị điều tra của từng địa phương, BCĐ Tổng điều tra kinh tế tỉnh đã hướng dẫn BCĐ Tổng điều tra cấp huyện tuyển chọn điều tra viên. Công tác tuyển chọn điều tra viên đã được BCĐ Tổng điều tra cấp huyện thực hiện xong trước ngày 15/6/2021. Số lượng điều tra viên tham gia điều tra trong giai đoạn II của toàn tỉnh là 329 người. Trong đó, dưới 35 tuổi có 160 người (chiếm 48,6%), từ 35 đến 50 tuổi có 153 người (chiếm 46,5%); trên 50 tuổi có 16 người (chiếm 4,8%). Về trình độ, số người có trình độ từ trung cấp trở lên có 312 người (chiếm 94,8%).

Lực lượng giám sát viên của trong giai đoạn II chủ yếu là lực lượng tổ thường trực giúp việc BCĐ cấp huyện và lực lượng cán bộ của ngành Thống kê.

Tập huấn luyện nghiệp vụ điều tra

Từ ngày 17/6 đến ngày 25/6/2021, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế các huyện, thành phố, thị xã (viết tắt BCĐ Tổng điều tra kinh tế cấp huyện) đã tổ chức 12 lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Công tác tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng được Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các huyện, thành phố, thị xã thực hiện nghiêm túc, lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, thị xã quan tâm. Tất cả 12 lớp tập huấn cho điều tra viên đều có thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh dự và chỉ đạo. Tại các lớp tập huấn nghiệp vụ, các đồng chí lãnh đạo UBND huyện đã quán triệt rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và quyết tâm thực hiện thành công cuộc Tổng điều tra theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Các lớp tập huấn nghiệp vụ của cấp huyện đã đảm bảo đúng lịch thời gian tập huấn, nội dung tập huấn và chương trình hội nghị theo đúng hướng dẫn của BCĐ Tổng điều tra Trung ương; cơ sở vật chất như hội trường, đường truyền Internet... được chuẩn bị tốt. Lực lượng giảng viên của các lớp tập huấn do Tổ Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh đảm nhiệm.

Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền Tổng điều tra giai đoạn II cơ bản được thực hiện tốt, đa dạng dưới nhiều hình thức, thông qua hệ thống truyền hình, báo, loa phát thanh... nên hầu hết chủ cơ sở sản xuất kinh doanh đã nắm được tinh thần của Tổng điều tra kinh tế năm 2021, tạo điều kiện thuận lợi cho điều tra viên thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai thu thập thông tin tại địa bàn điều tra.

Tổ chức Lễ ra quân tổng điều tra

Thực hiện Công văn số 897/TCTK-TTDL ngày 25/6/2021 của Tổng cục Thống kê về tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra kinh tế năm 2021, BCĐ Tổng điều tra kinh tế tỉnh đã chọn xã Yên Lãng, huyện Đại Từ để tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Tại buổi lễ ra quân, BCĐ

Tổng điều tra kinh tế tỉnh đã triển khai thực hiện theo các nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thống kê; thành phần tham dự đầy đủ, đồng chí Cục trưởng Cục Thống kê, Phó ban Thường trực BCĐ tỉnh, đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện, Trưởng ban chỉ đạo TĐT kinh tế huyện Đại Từ dự, chỉ đạo và quán triệt mục đích, ý nghĩa của cuộc Tổng điều tra.

Trong ngày đầu tiên triển khai thu thập thông tin tại địa bàn (01/7/2021), BCĐ Tổng điều tra kinh tế các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã chỉ đạo lực lượng điều tra viên đồng loạt ra quân triển khai thu thập thông tin và rút kinh nghiệm điều tra.

Công tác kiểm tra, giám sát

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp tỉnh, cấp huyện rất chú trọng công tác kiểm tra, giám sát công tác điều tra thu thập thông tin. Lực lượng giám sát viên các cấp có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đi cơ sở, đến hộ dự phỏng vấn điều tra để giám sát, giúp đỡ điều tra viên điều tra ngay từ những ngày mới bắt đầu triển khai Tổng điều tra; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, uốn nắn những sai sót hệ thống; nắm bắt tình hình thực hiện Tổng điều tra tại các địa phương.

Ngoài công tác kiểm tra tại địa bàn, hàng ngày lực lượng giám sát viên của cấp tỉnh, cấp huyện tích cực vào Trang tác nghiệp để kiểm tra tiến độ, chất lượng phiếu điều tra nếu phát hiện sai sót, nhắc nhở điều tra viên kịp thời.

Hệ thống thông tin truyền thông, cung cấp tài khoản điều tra

Theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh giao cho Sở Thông tin và Truyền Thông đảm bảo hệ thống truyền thông thông suốt trong quá trình triển khai thu thập thông tin của cuộc Tổng điều tra, nên trong quá trình triển khai



thu thập thông tin của giai đoạn II, điều tra viên không bị sự cố về đường truyền, công tác cập nhật thông tin và đồng bộ phiếu điều tra cơ bản thuận lợi.

Trước thời điểm điều tra, BCĐ Tổng điều tra kinh tế tỉnh cập nhật, cung cấp tài khoản điều tra cho điều tra viên, giám sát viên.

Công tác thu thập thông tin tại địa bàn

Đến nay công tác thu thập thông tin đối với các cơ sở điều tra cơ bản hoàn tất, ngoài trừ 02 địa bàn là khu chợ của huyện Phú Bình do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chưa triển khai thu thập thông tin. Qua quá trình điều tra thu thập thông tin tại địa bàn cho thấy, nhìn chung các điều tra viên đều nhiệt tình, trách nhiệm, thực hiện tốt quy trình thu thập thông tin. Hầu hết các điều tra viên đều giới thiệu về mục đích, ý nghĩa của cuộc Tổng điều tra, chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh đã phối hợp tốt với điều tra viên trong việc cung cấp thông tin. Tiến độ điều tra được các điều tra viên thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn của BCĐ tỉnh. Nhìn chung điều tra viên đã biết kết hợp quan sát quy mô sản xuất kinh doanh của hộ và thông tin trả lời của chủ cơ sở để điền thông tin vào phiếu điều tra.

Đến nay, công tác Tổng điều tra kinh tế 2021 của tỉnh Thái Nguyên đã cơ bản hoàn thành, đạt trên 99%, về đích trước thời gian 5 ngày so với kế hoạch của Trung ương quy định./.

TH (Tổng hợp từ nguồn của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên)

THANH HÓA

Công tác triển khai thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận:



Về công tác chuẩn bị

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2021 tỉnh Thanh Hóa xây dựng các Kế hoạch và hướng dẫn tổ chức thực hiện Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh với đầy đủ nội dung, thời gian thực hiện công việc phù hợp với thực tế của tỉnh. Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế tỉnh đã tham mưu để Chủ tịch UBND tỉnh ban hành chỉ thị 05/CT-UBND ngày 09/3/2021 về việc tổ chức thực hiện cuộc Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính sự nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đây là một trong những văn bản quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để BCĐ các cấp triển khai cuộc Tổng điều tra trên địa bàn.

Về công tác tuyên truyền Tổng điều tra

BCĐ tỉnh bám sát kế hoạch và hướng dẫn của BCĐ Trung ương, chỉ đạo các cấp phối hợp các cơ quan truyền thông trên địa bàn thực hiện tốt công tác tuyên truyền Tổng điều tra tại địa phương.

Công tác tuyên truyền tại BCĐ tỉnh: Cục Thống kê đã phối hợp với các cơ quan Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa thực hiện các chuyên mục phóng sự, phỏng vấn và viết bài, đưa tin về mục đích, ý nghĩa, thời gian tiến hành Tổng điều tra trong suốt cả 2 giai đoạn từ 01/3/2021

đến 30/7/2021; cung cấp khẩu hiệu, tài liệu hỏi và đáp Tổng điều tra đến các Ban Chỉ đạo các cấp để đưa tin, tuyên truyền bằng hệ thống phát thanh, truyền thanh địa phương; các video liên quan phát trên bảng Led tại trụ sở Cục Thống kê Thanh Hóa...

Công tác tuyên truyền tại BCĐ huyện và xã: Ngoài các pano, áp phích, khẩu hiệu về tuyên truyền Tổng điều tra; Đài phát thanh các huyện và xã thực hiện tốt phát trên loa, đài địa phương về tài liệu hỏi đáp Tổng điều tra kinh tế giai đoạn I (từ 01/3 đến 30/5/2021) và giai đoạn II (từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/7/2021).

Về công tác tuyển chọn điều tra viên

Công tác tuyển chọn đội ngũ điều tra viên được tiến hành nghiêm túc, kỹ lưỡng, bảo đảm đủ số lượng và chất lượng, phù hợp với từng khối điều tra.

Số lượng điều tra viên điều tra khối cá thể và tôn giáo, tín ngưỡng là 1.078 ĐTV/176.786 cơ sở cá thể, tôn giáo; bình quân 164 cơ sở/1 ĐTV. Số điều tra viên được trưng tập ở các khối điều tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng theo quy định.

Về công tác tập huấn nghiệp vụ

Thực hiện kế hoạch của BCĐ Tổng điều tra kinh tế Trung ương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế

và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tỉnh Thanh Hóa tham gia tiếp thu và triển khai đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ cho thành viên BCD, thành viên Tổ Thường trực, giám sát viên và điều tra viên các cấp.

Về công tác thu thập thông tin

Thực hiện Công văn 987/TCTK-TTDL ngày 25/6/2021 về việc tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra kinh tế năm 2021, sáng ngày 01/7/2021, BCD tỉnh Thanh Hóa tổ chức Lễ ra quân Tổng điều tra giai đoạn II tại xã Trường Sơn, huyện Nông Cống với các thành phần BCD các cấp theo quy định, cùng các cơ quan truyền thông như Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa và Đài phát thanh huyện Nông Cống dự và đưa tin.

Đến hết ngày 30/7/2021, trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc điều tra tại cơ sở, với 179.771 cơ sở cá thể, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Số cơ sở không còn tại ĐB/không liên hệ được/không còn SXKD là 2.253 cơ sở, chiếm 1,25% so tổng số danh sách điều tra; số cơ sở đã hoàn thành là 177.518, đạt tỷ lệ 98,75% và 907 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Số cơ sở không còn tại: 02 cơ sở, chiếm 0,22% so tổng số danh sách điều tra; số cơ sở đã hoàn thành là 905 đạt tỷ lệ 99,78%.

Về công tác nghiệm thu và bàn giao phiếu điều tra

Thực hiện Kế hoạch chung của Ban Chỉ đạo tỉnh và hướng dẫn số 172/HD-TCTK ngày 13/8/2021, Tổ Thường trực giúp việc Ban chỉ đạo tỉnh đã xây dựng kế hoạch và hướng dẫn Ban Chỉ đạo các cấp tổ chức nghiệm thu và duyệt dữ liệu Tổng điều tra theo 3 cấp như sau:

- BCD cấp xã nghiệm thu toàn bộ phiếu điều tra của điều tra viên cấp xã và các biểu tổng hợp nhanh kết quả điều tra trên địa bàn xã, phường, thị trấn: thời gian từ ngày 01/8 - 15/8/2021.

- BCD cấp huyện, thị xã, thành phố nghiệm thu toàn bộ phiếu điều tra của điều tra viên cấp huyện và các tài liệu của Ban Chỉ đạo cấp xã xong trước ngày 15/9/2021.

- BCD cấp tỉnh nghiệm thu toàn bộ phiếu điều tra của điều tra viên cấp tỉnh và các tài liệu của Ban Chỉ đạo cấp huyện xong trước ngày 30/9/2021.

Với quyết tâm cao Ban Chỉ đạo tỉnh Thanh Hóa tập trung chỉ đạo Ban Chỉ đạo các cấp hoàn thành công tác nghiệm thu dự kiến sớm hơn so với kế hoạch và hoàn thành đồng bộ công tác Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên địa bàn tỉnh để bàn giao tài liệu cho BCD Trung ương trước ngày 15/10/2021./.

Nguyễn Mạnh Hiệp

Quyền Cục trưởng, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

1. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Do đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát diễn biến phức tạp trên cả nước, nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội đã làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.

a) Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/8, cả nước gieo cấy được 1.409,1 nghìn ha lúa mùa, bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.037,3 nghìn ha, bằng 99,4%; các địa phương phía Nam đạt 371,8 nghìn ha, bằng 94,4%. Hầu hết lúa được gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất, trà lúa sớm đang trong giai đoạn già đòng, trổ bông; trà lúa chính vụ đang trong giai đoạn ôm đòng sinh trưởng và phát triển tốt.

Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 1.955,9 nghìn ha, tăng 10,8 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước. Diện tích lúa hè thu tăng chủ yếu ở các địa phương thuộc Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, do thời tiết thuận lợi.

Tính đến trung tuần tháng Tám, cả nước thu hoạch được 999,4 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 51,1% diện tích gieo cấy và bằng 97,9% cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi lợn và gia cầm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều chợ đầu mối, chợ truyền thống tạm ngưng hoạt động, chi phí sản xuất tăng, khâu lưu thông bị gián đoạn, lượng vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao, tăng nguy cơ thua lỗ. Các doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi theo chuỗi liên kết vẫn đảm bảo tiêu thụ, giá bán được duy trì với mức ổn định. Ước tính đến thời điểm cuối tháng Tám, tổng số lợn của cả nước tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm 2020; số gia cầm tăng 4,2%. Tổng số trâu giảm 3,8% so với cùng thời điểm năm 2020; tổng số bò tăng 1,8%.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 8 tháng năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 143,4 nghìn ha, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 56,2 triệu cây, tăng 1,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 11.085,2 nghìn m³, tăng 5,1%; sản lượng củi khai thác đạt 12,9 triệu ste, giảm 0,5%.

Ước tính 8 tháng năm 2021, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.726,8 ha, tăng 45,0% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 963 ha, tăng 66,8%; diện tích rừng bị chặt, phá là 763,8 ha, tăng 24,6%.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 8 THÁNG NĂM 2021

c) Thủy sản

Tính chung 8 tháng năm 2021, sản lượng thủy sản ước tính đạt 5.692,5 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.987,7 nghìn tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.704,8 nghìn tấn, tăng 0,8% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.581,0 nghìn tấn, tăng 0,9%).

2. Sản xuất công nghiệp

Tính chung 8 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù cao hơn tốc độ tăng 2,2% của cùng kỳ năm 2020 nhưng thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng 9,5% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7%, đóng góp 5,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,6%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2%, làm giảm 1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19: (1) Đồng Tháp giảm 10,9%; (2) Khánh Hòa giảm 7,9%; (3) Bến Tre giảm 6,9%; (4) Thành phố Hồ Chí Minh giảm 6,6%; (5) Trà Vinh giảm 4%; (6) Bà Rịa-Vũng Tàu giảm 3%...

Một số địa phương có chỉ số IIP 8 tháng năm 2021 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: (1) Ninh Thuận tăng 34,1%; (2) Nghệ An tăng 23,1%; (3) Hải Phòng tăng 20,6%;

(4) Bắc Ninh tăng 9,8%; (5) Quảng Ngãi tăng 9%; (6) Hưng Yên tăng 8%; (7) Quảng Ninh tăng 7,4%; (8) Bắc Giang tăng 6,5%; (9) Đồng Nai tăng 4,4%; (10) Bình Dương tăng 4,3%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/8/2021 giảm 10,6% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 4,3%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 9,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 12%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt giãn cách liên tiếp đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là các địa phương phía Nam. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 8 tháng năm 2021 là 85,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có 24 nghìn doanh nghiệp (chiếm 28,1% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường), tăng 6,6%. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 43,2 nghìn doanh nghiệp, chiếm 50,5% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Tính chung 8 tháng năm 2021, cả nước có 81,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là gần 1.133,4 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 598,9 nghìn

lao động; giảm 8% về số doanh nghiệp, giảm 7,5% về vốn đăng ký và giảm 13,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng đạt 13,9 tỷ đồng, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.539,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của gần 30,1 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 8 tháng năm 2021 là gần 2.672,8 nghìn tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó, còn có 32,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 8 tháng năm 2021 là 114 nghìn doanh nghiệp.

4. Đầu tư

Tính chung 8 tháng năm 2021, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 244,9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,1% kế hoạch năm và giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Vốn Trung ương quản lý đạt 41,6 nghìn tỷ đồng, bằng 49,6% kế hoạch năm và tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn địa phương quản lý đạt 203,3 nghìn tỷ đồng, bằng 51,5% kế hoạch năm và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/8/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 19,12 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 1.135 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 11,33 tỷ USD, giảm 36,8% về số dự án và tăng 16,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước;

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng năm 2021, ước tính đạt 11,58 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,31 tỷ USD, chiếm 71,7% tổng vốn đầu tư thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,44 tỷ USD, chiếm 12,4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,09 tỷ USD, chiếm 9,4%.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 8 tháng năm 2021 có 40 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 150,1 triệu USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm trước;...Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 575 triệu USD, tăng 74,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 8 tháng có 20 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó Hoa Kỳ là nước dẫn đầu với 302,8 triệu USD, chiếm 52,7% tổng vốn đầu tư;...

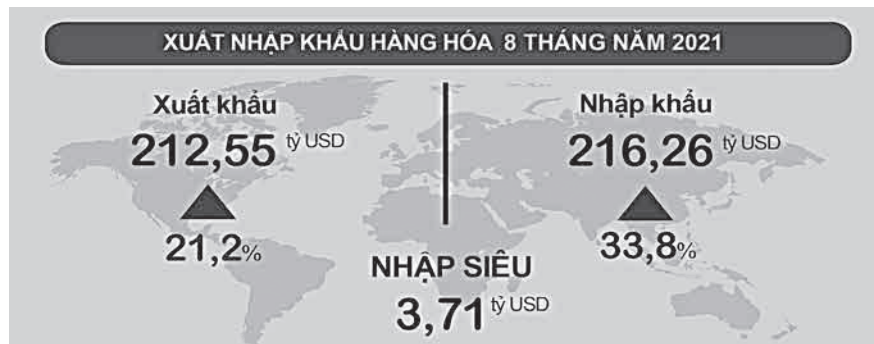
5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước:

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/8/2021 đạt 947,1 nghìn tỷ đồng, bằng 70,5% dự toán năm (thu ngân sách Trung ương đạt 67,3%; thu ngân sách địa phương đạt 74,4%). Cụ thể: Thu nội địa đạt 770,9 nghìn tỷ đồng, bằng 68% dự toán năm; Thu từ dầu thô đạt 23,4 nghìn tỷ đồng, bằng 101,1% dự toán năm; Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 152,1 nghìn tỷ đồng, bằng 85,2% dự toán năm.

Chi ngân sách Nhà nước:

Tổng chi ngân sách Nhà nước lũy kế từ đầu năm đến thời điểm 15/8/2021 đạt 864,1 nghìn tỷ đồng, bằng 51,2% dự toán năm, trong đó: Chi thường xuyên đạt



614,7 nghìn tỷ đồng, bằng 59,3%; chi đầu tư phát triển 177,6 nghìn tỷ đồng, bằng 37,2%; chi trả nợ lãi 67,3 nghìn tỷ đồng, bằng 61,2%.

6. Thương mại, chỉ số giá, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 8 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.044,5 nghìn tỷ đồng, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 6,2%.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 8 tháng năm 2021 ước tính đạt 2.499,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,1% tổng mức và giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 254,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,4% tổng mức và giảm 19,8%; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng mức và giảm 61,8%; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 286 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng mức và giảm 13,6%.

b) Xuất nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng 8 năm 2021, dịch Covid-19 khiến nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước phải tiếp tục thực hiện giãn cách, đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính vẫn đạt ở mức cao: 428,81 tỷ USD, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 8 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 212,55 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 55,69 tỷ USD, tăng 10,5%, chiếm 26,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 156,86 tỷ USD, tăng 25,5%, chiếm 73,8%.

Trong 8 tháng năm 2021 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 8 tháng, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước tính đạt 2,29 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến ước tính đạt 189,28 tỷ USD, tăng 22,5% và chiếm 89,1%. Nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 15,4 tỷ USD, tăng 14,9% và chiếm 7,2%. Nhóm hàng thủy sản đạt 5,58 tỷ USD, tăng 7,1% và chiếm 2,6%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 62,2 tỷ USD, tăng 32,5% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 32,7 tỷ USD, tăng 19,8%. Thị trường EU đạt 26,1 tỷ USD, tăng 14,5%. Thị trường ASEAN đạt 18,4 tỷ USD, tăng 23,3%. Hàn Quốc

đạt 13,9 tỷ USD, tăng 9,9%. Nhật Bản đạt 13,5 tỷ USD, tăng 8,6%.

Nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 8 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 216,26 tỷ USD, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 76,05 tỷ USD, tăng 29,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 140,21 tỷ USD, tăng 36,4%.

Trong 8 tháng năm 2021 có 33 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 88,7% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 8 tháng năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 204,16 tỷ USD, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 94,4% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu. Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 12,1 tỷ USD, tăng 24% và chiếm 5,6%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 72,5 tỷ USD, tăng 47,1% so với cùng kỳ năm trước.

8 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 3,71 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,69 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,36 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 16,65 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 8 tháng năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.926,7 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 80,1 tỷ lượt khách.km, giảm 25,9%.

Vận tải hàng hóa 8 tháng đạt 1.069,3 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 216,5 tỷ tấn.km, tăng 0,9%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tính chung 8 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 105 nghìn lượt người, giảm 97,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 68,8 nghìn lượt người, chiếm 65,5% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và giảm 97,7% so với cùng kỳ năm trước;...

Trong 8 tháng năm nay, khách đến từ châu Á đạt 90,6 nghìn lượt người, chiếm 86,2% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm 96,7% so với cùng kỳ năm trước. Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 9,3 nghìn lượt người, giảm 98,6%; khách đến từ châu Mỹ đạt 3,5 nghìn lượt người, giảm 98,5%; khách đến từ châu Úc đạt 832 lượt người, giảm 99,2%; khách đến từ châu Phi đạt 867 lượt người, giảm 92,9%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Công tác an sinh xã hội

Bên cạnh việc tích cực triển khai gói hỗ trợ 26 nghìn tỷ đồng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có những chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo đời sống cho người dân thông qua các các văn bản như: Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 về các giải pháp cấp bách, phòng chống dịch Covid-19; Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 16/8/2021, chỉ đạo Bộ Tài chính xuất cấp 4.117,8 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh: Bình Phước, Bạc Liêu, Sóc Trăng; Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021, xuất cấp 130,2 nghìn tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ người dân 24 tỉnh, thành phố gặp khó khăn do Covid-19.

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch Covid-19,

ngoài việc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngân sách địa phương đã trích 1.791 tỷ đồng và nhận hỗ trợ từ Bộ Thông tin và truyền thông gói hỗ trợ "Tấm lòng mùa dịch, san sẻ yêu thương" hỗ trợ thêm cho người dân trong mùa dịch.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Tại Việt Nam, số ca mắc mới tăng nhanh, đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và các tỉnh phía Nam. Tính đến sáng ngày 28/8/2021, Việt Nam có 410.366 trường hợp mắc, trong đó 198.614 trường hợp đã được chữa khỏi và 10.053 trường hợp tử vong. Có 8 địa phương đã qua 14 ngày không ghi nhận trường hợp nhiễm mới trong nước: Quảng Ninh, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lai Châu, Hoà Bình, Yên Bái, Hà Giang, Kon Tum.

c) Tai nạn giao thông

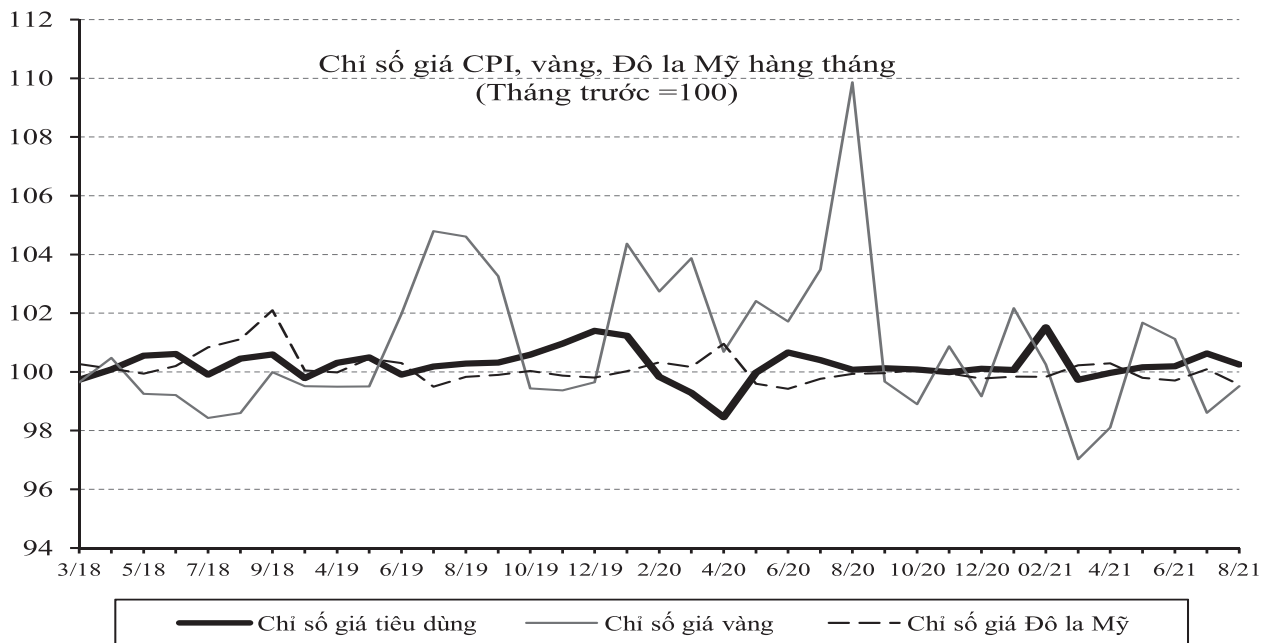
Tính chung 8 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 7.647 vụ tai nạn giao thông, làm 3.892 người chết, 2.543 người bị thương và 2.783 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 16,6%; số người chết giảm 10,4%; số người bị thương giảm 7,5% và số người bị thương nhẹ giảm 30%.

d) Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 8 tháng năm nay, thiên tai làm 56 người chết và mất tích, 95 người bị thương; 501 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 11,2 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại; 8 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 75,6 nghìn ha lúa và 37,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 913,1 tỷ đồng, giảm 86,5% so với cùng kỳ năm trước./.

Trích Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và tám tháng năm 2021 - TCTK

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 8 năm 2021



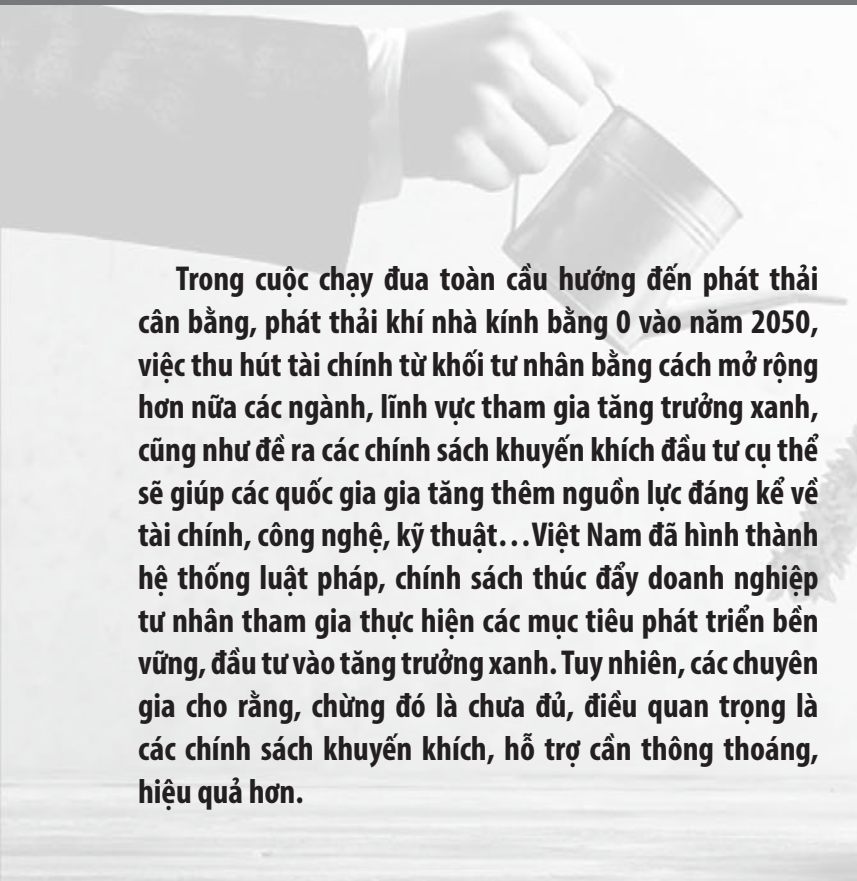
Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 8 NĂM 2021 SO VỚI				8 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 8 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 7 năm 2021	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,79	102,82	102,51	100,25	101,79
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,56	101,15	101,97	100,74	100,86
1- Lương thực	108,99	105,09	103,31	100,69	105,41
2- Thực phẩm	111,37	100,11	101,83	100,97	99,62
3- Ăn uống ngoài gia đình	109,26	102,10	101,76	100,19	102,02
II. Đồ uống và thuốc lá	103,73	101,92	101,59	100,22	101,63
III. May mặc, mũ nón, giày dép	102,22	100,89	100,43	99,97	100,86
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	105,83	104,34	103,35	100,00	101,98
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,30	100,57	100,60	100,00	100,54
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	102,39	100,16	100,12	100,02	100,20
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,42	100,02	100,01	100,00	100,05
VII. Giao thông	102,31	113,63	111,65	99,94	107,59
VIII. Bưu chính viễn thông	98,06	99,15	99,37	99,95	99,27
IX. Giáo dục	107,28	103,98	100,49	100,04	104,08
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,70	104,25	100,38	100,00	104,44
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	98,55	99,08	99,62	99,97	98,86
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	104,85	101,24	100,89	100,00	101,59
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	136,25	96,98	98,35	99,51	113,80
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	98,97	99,08	99,33	99,56	99,18

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI VIỆT NAM: ĐẨY MẠNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TƯ NHÂN

Thu Hường



Trong cuộc chạy đua toàn cầu hướng đến phát thải cân bằng, phát thải khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050, việc thu hút tài chính từ khối tư nhân bằng cách mở rộng hơn nữa các ngành, lĩnh vực tham gia tăng trưởng xanh, cũng như đề ra các chính sách khuyến khích đầu tư cụ thể sẽ giúp các quốc gia gia tăng thêm nguồn lực đáng kể về tài chính, công nghệ, kỹ thuật... Việt Nam đã hình thành hệ thống luật pháp, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đầu tư vào tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng, chừng đó là chưa đủ, điều quan trọng là các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cần thông thoáng, hiệu quả hơn.



Kết quả đạt được và những mục tiêu mới

Được triển khai tại Việt Nam từ năm 2012, tăng trưởng xanh được cụ thể hóa thông qua “Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050” (Chiến lược tăng trưởng xanh) với các nhiệm vụ chiến lược là giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững.

Qua 8 năm triển khai Chiến lược, nhận thức của nhân dân, cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh đã được nâng lên rõ rệt, từng bước thay đổi hành vi sản xuất, sinh hoạt và có nhiều hành động thiết thực đóng góp vào thực hiện tăng trưởng xanh; xuất hiện nhiều mô hình sản xuất và tiêu dùng tiết kiệm, an toàn, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên; cảnh quan,

môi trường sống của người dân ngày càng thay đổi theo hướng tích cực hơn, đặc biệt tại các xã nông thôn mới.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng xanh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật: Đã có 8 Bộ và 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch hành động để triển khai Chiến lược thời kỳ 2011-2020. Từ các Kế hoạch hành động trên,

nội dung tăng trưởng xanh đã được nghiên cứu, tích hợp vào nhiều Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, các luật, nghị định, thông tư trong từng lĩnh vực cụ thể, tạo hành lang pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược thời kỳ 2011-2020.

Một số mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chính của Chiến lược tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 đã đạt được kết quả khả quan như: Các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được triển khai rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực, lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng giảm 12,9% so với phương án phát triển bình thường; tiêu hao năng lượng tính trên GDP giảm bình quân 1,8%/năm; tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp có nhận thức về sản xuất sạch hơn đã tăng từ 28% năm 2010 lên 46,9% năm 2020; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 42%; dư nợ tín dụng xanh đạt gần 238 nghìn tỷ đồng năm 2018 (tăng 235% so với năm 2015)...

Theo các chuyên gia kinh tế, Việt Nam là quốc gia chịu tác động nặng nề bởi biến đổi khí hậu, tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, thiên tai, dịch bệnh và các yếu tố rủi ro từ bên ngoài đang tăng lên. Nền kinh tế ngày càng trở nên dễ bị tổn thương, đặc biệt đối với các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội... do đó tăng trưởng xanh đang trở thành xu hướng ngày càng mạnh mẽ trên thế giới và là con đường tất yếu trong sự nghiệp phát triển của Việt Nam. Đặc biệt, thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh còn giúp Việt Nam thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế, bao gồm cả những cam kết trong các FTA thế hệ mới.

Từ những căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Chiến lược quốc gia



về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" là cần thiết, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường năng lực chống chịu, giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của nền kinh tế trước các cú sốc khác nhau, phát huy năng lực, nâng cao tính bình đẳng về khả năng tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả của sự phát triển đối với mỗi người dân.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2050 đặt mục tiêu, đến năm 2030, tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP giảm từ 1,0-1,5%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15-20%; kinh tế số chiếm 30% GDP; tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao trong tổng xuất khẩu đạt trên 60%...

Đến năm 2050, tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP giảm từ 1,5%-2%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 25-30%; kinh tế số chiếm 50% GDP; tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao trong tổng xuất khẩu đạt trên 80%...

Để đạt được những mục tiêu trên, giải pháp xuyên suốt mà chiến lược đưa ra là xây dựng

và hoàn thiện thể chế; truyền thông, nâng cao nhận thức và khuyến khích thực hiện; phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh; huy động nguồn lực; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng lối sống xanh, bền vững; quản lý chất thải và tài nguyên nước; thúc đẩy hợp tác quốc tế...

Trong đó, hoàn thiện thể chế là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu cần được thực hiện ngay. Để làm được điều này, Bộ KH&ĐT cho rằng, cần xây dựng khung pháp lý và chính sách, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn tiêu chí xanh cho các chương trình, dự án sản phẩm và dịch vụ. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng giảm phát thải gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

Cùng với đó, tích hợp các nội dung nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, các ngành, đặc biệt là ở những vùng dễ bị tổn thương. Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và chính sách đồng bộ, tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế đối với

hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước và khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội trong công tác giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện chiến lược. Xây dựng, hoàn thiện các công cụ pháp lý, bộ tiêu chí thống kê, cơ sở dữ liệu về tăng trưởng xanh, các quy định, hướng dẫn theo hướng tăng cường tính ràng buộc pháp lý trong triển khai thực hiện.

Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư tư nhân

Chiến lược tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Trên thực tế Chiến lược tăng trưởng xanh đòi hỏi nguồn lực rất lớn để thực hiện các dự án đầu tư cho đổi mới công nghệ, quy hoạch, phát triển hạ tầng cơ sở... nhằm phục vụ việc triển khai thực hiện Chiến lược. Trong khi đó, nguồn lực trong nước, đặc biệt là ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh là rất hạn chế. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, Quỹ phát triển Liên hợp quốc về huy động nguồn vốn cho biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, nguồn vốn đầu tư công của Việt Nam cho việc chống biến đổi khí hậu và các mục tiêu tăng trưởng xanh hiện chỉ chiếm 0,1% GDP.

Tính toán sơ bộ ban đầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Thế giới cho thấy, để thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh đến năm 2030, dự kiến cần khoảng 30 tỷ USD, trong đó ngân sách nhà nước chỉ có thể đáp ứng tối đa 30% nguồn lực và cần tới 70% từ các nguồn khác, trong đó chủ yếu là khu vực tư nhân. Theo đó, nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung vào các chương trình đầu tư giao thông công cộng của ngành giao thông

cho các thành phố lớn, các đường cao tốc; Các chương trình, dự án hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực, thể chế chính sách giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hỗ trợ đầu tư tư nhân, dự án thí điểm. Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chương trình mục tiêu cho biến đổi khí hậu và giai đoạn 2016-2020 ước tính phân bổ khoảng 15.800 tỷ đồng, trong đó 30% cho tăng trưởng xanh. Có thể nói, nguồn lực công đang bị phân tán cho rất nhiều mục tiêu ưu tiên khác nhau nên phần dành cho tăng trưởng xanh hiện rất hạn hẹp.

Trong khi đó, nguồn đầu tư tư nhân cho tăng trưởng xanh mang tính quyết định, đảm bảo thành công trong thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh, bao gồm: Các dự án đầu tư của doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước, hộ sản xuất, hộ gia đình. Tổng vốn đầu tư cho mục tiêu này hiện đạt gần 2,5 tỷ USD, chủ yếu tập trung vào năng lượng tái tạo và một phần hiệu quả năng lượng. Các chuyên gia kinh tế nhận định, trong bối cảnh nguồn đầu tư công ngày càng hạn hẹp và phải trang trải cho nhiều nhu cầu chi tiêu công cấp bách, vai trò của tư nhân ngày càng được đánh giá cao trong việc xanh hóa nền kinh tế Việt Nam, bởi trên 40% GDP được đóng góp từ khu vực tư nhân. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, đầu tư công không phải là nguồn vốn chủ đạo đối với nỗ lực thực hiện chống biến đổi khí hậu hay tăng trưởng xanh. Tại Hàn Quốc, vốn đầu tư công được sử dụng như nguồn vốn kích thích để tạo sự tin tưởng cho nguồn vốn tư nhân với quy mô rộng hơn.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, theo các chuyên gia, tăng trưởng xanh và bền vững sẽ là "vắc xin" để doanh nghiệp

bảo vệ chính mình, giúp trụ vững hơn và tìm được cơ hội thoát khó. Thậm chí, việc "sản xuất xanh" còn tạo cơ hội để doanh nghiệp tranh thủ được sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý dành cho doanh nghiệp.

Để thúc đẩy khu vực tư nhân đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng xanh và bền vững tại Việt Nam, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) đã cung cấp khoản cho vay dài hạn trị giá 100 triệu USD cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông (OCB). Mục đích của khoản tín dụng này là hỗ trợ mở rộng cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là thúc đẩy tài trợ cho các dự án thân thiện với khí hậu tại Việt Nam, tạo ra những lựa chọn mới cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn tín dụng xanh thông qua việc nâng cao hiệu quả nền tảng ngân hàng công nghệ số và phát triển các sản phẩm theo nhu cầu của phân khúc này.

Theo Giám đốc toàn cầu Khối Đầu tư khí hậu của IFC, đại dịch Covid-19 đã làm đảo lộn cuộc sống và các nền kinh tế trên toàn cầu, song nó cũng mang đến cơ hội hiếm có để các chính phủ nhìn nhận lại định hướng phát triển của nền kinh tế đang được tái thiết và phân bổ các nguồn lực vốn hạn chế cho phù hợp và hiệu quả. Vì vậy, cần tái thiết với trọng tâm chiến lược là các giải pháp thông minh với khí hậu sẽ giúp tạo ra các cơ hội việc làm và thu hút đầu tư, hỗ trợ quá trình chuyển dịch sang quỹ đạo tăng trưởng kinh tế carbon thấp. Để hỗ trợ OCB khai thác tiềm năng tài trợ khí hậu này, 1/2 khoản tài trợ của IFC, tương đương 50 triệu đô la Mỹ sẽ được dành cho các dự án thân thiện với môi trường, mang lại lựa chọn mới cho các doanh nghiệp đang tìm kiếm nguồn tín dụng xanh.

(Xem tiếp trang 46)

HỢP TÁC XÃ BẮT NHỊP THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ SỐ

Tiến Long

Dịch COVID-19 xảy ra kéo theo nhiều hệ lụy khiến chuỗi cung ứng đứt gãy, nhiều địa phương phải giãn cách xã hội và không ít doanh nghiệp rơi vào tình trạng bế tắc. Trong bối cảnh này, nhiều hợp tác xã (HTX) đã nhanh chóng bắt nhịp và thay đổi để thích ứng với thị trường thông qua việc đẩy mạnh bán hàng trên các sàn thương mại điện tử, hay qua các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Instagram...

Đây là tín hiệu đáng mừng cho thấy sự chủ động của các HTX trong việc đổi mới để bắt nhịp với thị trường công nghệ số.



Thay đổi để thích ứng

Trong hai năm gần đây, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã làm thay đổi tư duy, nhận thức của người tiêu dùng về mua sắm trực tuyến. Theo nghiên cứu của Nielsen, tỷ lệ mua sắm trực tuyến tại Việt Nam trong năm 2020 đạt tới 32%, tăng cao so với tỷ lệ 18% của năm 2019. Không những thế, tần suất mua hàng qua thương mại điện tử cũng tăng từ 1,2 lần năm 2019 lên 2,1 lần năm 2020.

Các chuyên gia dự báo, trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực xây dựng nền kinh tế số, với sự phát triển về công nghệ thông tin, mua sắm trực tuyến sẽ tiếp tục là xu thế chủ đạo, do đó, một trong những hướng đi hiệu quả, bền vững để các HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng và thích ứng với thị trường chính là ứng dụng công nghệ số. Và để có thể thích nghi với những tác động của thị trường, đặc biệt là dịch

Covid-19, không ít HTX đã tự tìm cho mình những giải pháp nâng cao năng lực chống chịu và giảm thiểu thiệt hại, trong đó việc ứng dụng thương mại điện tử vào việc mở rộng đầu ra cho nông sản là giải pháp ưu tiên hàng đầu.

Tiêu biểu như HTX chôm Java Tân Khánh (Vĩnh Long) đang sản xuất trên diện tích 28,5 ha. HTX đã ứng dụng khoa học công nghệ để giúp chôm chôm ra rải vụ quanh năm. Sản xuất trên diện tích lớn và có sản phẩm quanh năm đồng nghĩa với việc thị trường tiêu thụ phải ổn định. Chính vì vậy, HTX đã linh hoạt tìm kiếm thị trường thông qua mạng xã hội, fanpage và sàn thương mại điện tử. Từ năm 2020 đến nay, dù gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, các sản phẩm của HTX vẫn đều đặn xuất ra thị trường. Thành viên sử dụng Facebook, Zalo để đăng tải hình ảnh, video về quá trình nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch chôm chôm hoặc thông tin về nguồn gốc cây trồng.

Đặc biệt, thông qua sàn giao dịch điện tử, HTX đã liên kết và ký hợp đồng tiêu thụ ổn định cho thành viên thông qua doanh nghiệp. Như vậy, từ khi tham gia các trang thương mại điện tử, sản phẩm của HTX Chôm chôm Java Tân Khánh được thị trường đón nhận tích cực hơn, đối tượng khách hàng của HTX ngày càng được mở rộng, số lượng hàng hóa sản xuất, tiêu thụ cũng tăng đáng kể dù dịch Covid-19 đang xảy ra.

Hợp tác xã Organic CPA chia sẻ, để theo kịp xu hướng mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trong bối cảnh dịch COVID-19, bên cạnh phương thức truyền thống, hợp tác xã đã từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm cà phê, mật ong... qua hình thức online. Theo đó, hợp tác xã đã từng bước quảng bá sản phẩm tại các sàn thương mại điện tử Shopee, Sendo, ocopgialai hay đăng tải thông tin giới thiệu sản phẩm qua Fanpage và Website của hợp tác xã. Điều này không những giúp khách hàng cập nhật thông tin về hợp tác xã nhanh hơn mà còn có thể dễ dàng so sánh giá cả với các sản phẩm cùng loại của đơn vị khác. Ngoài ra, hợp tác xã còn đẩy mạnh tương tác trên trang mạng xã hội Facebook để tìm kiếm thêm nguồn khách hàng mới.

Nghiên cứu của Liên minh HTX Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại 174 HTX ở 24 tỉnh thành phố và 34 Liên minh HTX tỉnh, thành phố ghi nhận, 76,8% số HTX tham gia khảo sát đã áp dụng số hóa để trao đổi thông tin và ra quyết định tập thể; 47,4% HTX thay đổi phương thức kinh doanh như chuyển đổi hình thức bán hàng truyền thống sang online kết hợp giao hàng tận nơi; 37,4% HTX sử dụng công nghệ

thông tin trong đào tạo, tuyên truyền tư vấn chuyên môn, chính sách...

Theo các chuyên gia, mặc dù dịch Covid-19 ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh nhưng đây cũng là cơ hội để các HTX, người dân ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh theo hướng thương mại điện tử để vượt qua thách thức. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, chắc chắn thương mại điện tử sẽ ngày càng phát triển và dần thay thế các hình thức mua bán trực tiếp.

Tạo đà phát triển

Gần đây, sau những tín hiệu đáng mừng trong việc thúc đẩy tiêu thụ vải thiều Bắc Giang và Thanh Hà của một số HTX trên sàn thương mại điện tử, các trang mạng xã hội như facebook, zalo... một loạt các nông sản của người dân và HTX ở các tỉnh thành đã triển khai chiến dịch thâm nhập vào thị trường bán hàng online đầy tiềm năng này. Nhờ vậy, mặc dù trong bối cảnh nhiều địa phương dân cách xã hội song người tiêu dùng vẫn dễ dàng tìm được những đặc sản yêu thích như: bơ Đắk Lắk, mận Sơn La, khoai lang tím Vĩnh Long... chỉ thông qua một động tác "nhấp chuột". Đây chính là tính năng tuyệt vời của thương mại điện tử, chỉ cần bắt kịp công nghệ số, sẽ không có khoảng cách, mọi sản phẩm đều có cơ hội đến với người tiêu dùng, và mọi người tiêu dùng đều có cơ hội tiếp cận, lựa chọn sản phẩm yêu thích.

Theo ghi nhận của các ngành chức năng, chỉ trong vòng 6 ngày lên sàn phiên chợ nông sản trực tuyến trên Sendo (từ ngày 21 đến ngày 26/6), gần 200 tấn các loại nông sản đã có nơi tiêu thụ. Điều này chứng minh người nông dân,

HTX hoàn toàn có thể làm chủ trên sân chơi thương mại điện tử. Mở ra hướng đi mới, giải quyết vấn đề tiêu thụ nông sản cũng như giá tăng giá trị hàng hóa cho người nông dân.

Đơn cử như HTX trái cây Tây Buôn Hồ (thị xã Buôn Hồ, Đắk Lắk), năm 2021, tuy dịch bệnh diễn biến phức tạp nhưng vẫn được coi là một năm bội thu của các thành viên vì nhờ HTX, trái cây Tây Buôn Hồ kết nối với doanh nghiệp tìm đầu ra, những trái bơ đặc sản đã đến tay người tiêu dùng thông qua phiên chợ trực tuyến và các kênh mua bán online. Đặc biệt, sau khi kết thúc phiên chợ nông sản trực tuyến, các thành viên của HTX đã học được cách chuẩn bị thông tin sản phẩm, chụp hình, đăng thông tin giới thiệu nông sản trên mạng xã hội nên nhiều khách hàng biết đến sản phẩm của HTX đã tiếp tục đặt hàng trên facebook, zalo...

Theo nhận định của các chuyên gia, bán hàng trực tuyến thông qua các sàn thương mại điện tử, các trang mạng xã hội, bán hàng online giúp cắt giảm các khâu trung gian. Đặc biệt, khi liên kết với các doanh nghiệp để bán hàng online, người dân, HTX còn được đào tạo, làm quen với quy trình hậu sản xuất chuyên nghiệp hơn.

Theo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch kinh doanh đã tạo điều kiện cho các HTX quảng bá sản phẩm, hàng hóa; triển khai giao dịch với các đối tác, khách hàng dễ dàng so với giao dịch truyền thống. Từ đó, các HTX tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ... góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, để bắt nhịp xu thế công nghệ số, các hợp tác xã rất cần sự trợ lực từ các cấp, các ngành để nâng cao cơ sở hạ tầng

kỹ thuật cũng như trình độ khoa học kỹ thuật ứng dụng thương mại điện tử vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Số liệu của Trung tâm Khoa học Công nghệ và Môi trường - Liên minh HTX Việt Nam cho thấy, hiện nay, 100% các HTX vận tải, HTX chợ, HTX tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ đã trang bị máy tính và sử dụng các phần mềm quản lý như kế toán, thư điện tử, lưu trữ dữ liệu... Tuy nhiên, mới chỉ có khoảng 20% số HTX có website giới thiệu quảng bá sản phẩm, dịch vụ và khoảng 40% HTX ứng dụng thương mại điện tử phục vụ hoạt động mua bán sản phẩm. Điều này cho thấy, đối với nhiều HTX, thương mại điện tử vẫn còn sơ khai. Nguyên nhân chủ yếu do trình độ nhân sự quản lý HTX còn hạn chế, chưa có nhân sự chuyên sâu về xúc tiến các hoạt động thương mại điện tử, nguồn lực về cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc chưa đảm bảo.

Thấy được vai trò của thương mại điện tử trong việc phát triển kinh tế tập thể, Liên minh HTX Việt Nam đã và đang tích cực tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực hoạt động cho HTX. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các Bộ ngành, doanh nghiệp huy động nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia triển khai hỗ trợ các HTX ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất theo chuỗi và đưa nông sản lên các sàn thương mại điện tử như sendo, lazada, shopee...

Gần đây, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã phối hợp với các tổ chức có liên quan xây dựng Cổng Thông tin tri thức hợp tác xã với 2 tên miền trithuctx.vn và coophub.vn. Đây được xem là giải pháp thiết thực hỗ trợ cho hợp tác xã bắt nhịp xu thế thị trường để nâng cao năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

Cùng với đó, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam còn kết nối các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ hợp tác xã cung cấp dịch vụ đào tạo trực tuyến; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ năng kinh doanh và tiếp cận thị trường trong nước cho cán bộ quản lý ở các hợp tác xã trên địa bàn cả nước.

Tuy nhiên, theo các chuyên gia, hoạt động hỗ trợ về thương mại điện tử trong khu vực kinh tế hợp tác, HTX cần được chú trọng hơn nữa để tương xứng với tiềm năng nhằm mở rộng phạm vi giao thương hàng hóa giữa các vùng miền và đẩy mạnh xuất khẩu. Để làm được điều này, cần phải có giải pháp đồng bộ từ chính sách hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật đến đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động thương mại điện tử cho các HTX một cách phù hợp và thiết thực./.

Cơ hội gia tăng thị trường xuất khẩu gạo

Là một trong những nhóm hàng xuất khẩu đóng góp giá trị vài tỷ USD/năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2021 được đánh giá có nhiều cơ hội gia tăng thị phần. Năm 2021, thông qua các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đã được ký kết như: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) và Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU) đã mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gạo, qua đó giúp gạo Việt Nam có cơ hội bứt phá và được biết đến nhiều hơn, xuất khẩu gạo dần mở rộng sang các thị trường tiêu dùng gạo cao cấp, gạo đặc sản, với giá trị ngày càng gia tăng. Ngoài ra, với mức thuế ưu đãi trong các hiệp định FTA, gạo Việt Nam có thêm lợi thế cạnh tranh và cơ hội tăng trưởng tại thị trường EU, Anh và các nước thuộc EAEU.

Cơ cấu gạo xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch sang các loại gạo thơm, gạo chất lượng cao với giá bán và giá trị gia tăng cao hơn. Cụ thể, trong nửa đầu năm 2021, lượng gạo thơm xuất khẩu (Jasmine, DT8, KDM...) đã tăng khoảng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 1,16 triệu tấn và chiếm gần 39% tổng khối lượng gạo xuất khẩu (3,03 triệu tấn) của cả nước. Đặc biệt có khoảng 38,3 nghìn tấn gạo ST24 và 2,7 nghìn tấn gạo ST25 đã được xuất khẩu trong nửa đầu năm nay, tăng vọt 11,5 lần và 154,7 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, gần 90% lượng gạo ST 24 (khoảng 34 nghìn tấn) được xuất khẩu sang Trung Quốc và 95% (2,5 nghìn tấn) gạo ST25 xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Cùng với việc chuyển dịch cơ cấu gạo xuất khẩu, người nông dân và các thương nhân xuất khẩu gạo cũng ngày càng quan tâm hơn tới việc nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc và hướng tới đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường khó tính như: EU, Hàn Quốc, Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, những năm qua với việc đẩy mạnh triển khai mạnh mẽ tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo đã làm thay đổi quy trình canh tác lúa theo hướng nâng cao chất lượng thay vì tăng sản lượng. Hiện ngành hàng lúa gạo Việt Nam đã có những thành tựu, hoàn toàn thích ứng với điều kiện cạnh tranh lành mạnh, song phẳng với các nước trồng lúa gạo trên thế giới. Mới đây, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã đưa ra dự báo, năm 2021,



Thách thức xuất khẩu gạo NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2021

Minh Đạt

Những tháng đầu năm 2021, nhu cầu lương thực, thực phẩm tại nhiều quốc gia tăng cao đem đến kỳ vọng cho xuất khẩu gạo Việt sẽ tiếp tục tăng. Tuy nhiên, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ở trong nước và trên thế giới khiến xuất khẩu gạo Việt Nam những tháng cuối năm 2021 gặp nhiều thách thức, cần có hướng đi bền vững.

Ấn Độ tiếp tục là nhà xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, dự kiến xuất 15,5 triệu tấn, tăng 940.000 tấn so với năm 2020. Trong khi đó, Việt Nam duy trì giữ vị trí thứ hai với dự kiến xuất 6,4 triệu tấn,

tăng 233.000 tấn. Đứng thứ ba là Thái Lan dự kiến xuất 6,1 triệu tấn, tăng gần 400.000 tấn.

Trong chính sách xuất khẩu gạo, ngày 26/1/2021, Bộ NN&PTNT đã phê duyệt "Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2025 và 2030". Theo đề án mục tiêu cụ thể đến năm 2025 Việt Nam giữ diện tích đất lúa 3,6-3,7 triệu ha, diện tích gieo trồng 7-7,2 triệu ha, sản lượng lúa 40-41 triệu tấn; xuất khẩu khoảng 5 triệu tấn gạo; tỷ lệ gạo xuất khẩu có thương hiệu trên 20%. Đến năm 2030 giữ diện tích đất lúa 3,5 triệu ha, linh hoạt diện tích gieo trồng, đảm bảo tối thiểu sản lượng 35 triệu tấn lúa/năm; xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo; tỷ lệ gạo xuất khẩu có thương hiệu trên 40%. Mục tiêu của đề án đã cho thấy chiến lược của ngành gạo đang giảm dần

từ lượng sang chất nhằm tập trung nâng cao giá trị và thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế. Trên thực tế, chủ trương này cũng đang được các thương nhân xuất khẩu gạo hưởng ứng tích cực chuyển dần tỷ trọng các loại gạo trắng sang gạo thơm chất lượng cao, có giá trị tốt hơn, đồng thời tập trung vào những thị trường có nhu cầu cao hơn về gạo chất lượng cao như: EU, Mỹ, Nhật Bản...

Trước đó năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo, thay thế cho Nghị định số 109/2010/NĐ-CP, có nhiều điểm mới thể hiện tư duy đổi mới trong quản lý của Chính phủ, Bộ Công thương về kinh doanh xuất khẩu gạo như: Loại bỏ quy định về địa bàn đầu tư xây dựng, quy mô

kho chứa, cơ sở xay xát chế biến thóc, gạo; khuyến khích thương nhân đầu tư sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng gạo có chất lượng, giá trị cao; thương nhân có thể thuê kho chứa, cơ sở xay xát, chế biến thóc, gạo để đáp ứng điều kiện kinh doanh... Sự thay đổi này là bước tiến mới về thể chế theo hướng mở, tạo thuận lợi cho thương nhân khi gia nhập thị trường xuất khẩu gạo

Ngoài ra, Bộ Công Thương sẽ chủ trì, phối hợp cùng các bộ, ngành, Hiệp hội Lương thực Việt Nam triển khai và hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện hiệu quả các FTA đã ký kết để tận dụng tối đa cơ hội mở rộng khai thác các thị trường như: Hàn Quốc, EU... Bộ cũng sẽ thực hiện các giải pháp về cơ chế chính sách, tháo gỡ rào cản kỹ thuật và thương mại, nội luật hóa các cam kết quốc tế, thủ tục hải quan, logistics... giúp doanh nghiệp xuất khẩu gạo khai thác tốt thị trường

Các đơn vị chức năng đã xây dựng lô-gô gạo Việt Nam và đưa vào sử dụng cùng với quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, ban hành các tiêu chuẩn quốc gia TCVN về gạo trắng, gạo thơm, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN về xay xát. Đến nay, gạo Việt Nam đã bắt đầu có tiếng trên thị trường thế giới, trong đó gạo ST 25 của Việt Nam đạt giải cao nhất tại cuộc thi "gạo ngon nhất thế giới" năm 2019.

Thách thức xuất khẩu gạo những tháng cuối năm 2021

Thiếu container vận chuyển, giá cước vận tải nội địa cao cùng với việc đầu tháng 8 do phải tuân thủ những quy định về giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 là những khó khăn mà ngành lúa gạo

đang phải đối mặt. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo đã có đơn hàng nhưng do thực hiện giãn cách nên thiếu nhân lực, hàng ứ ứ tại cảng chưa thể xuất khẩu. Tuy nhiên, theo các thương nhân xuất khẩu gạo, đây chỉ là khó khăn nhất thời còn về tổng quan tổng nhu cầu gạo trên thị trường thế giới sẽ tăng trong khi nguồn cung từ các quốc gia xuất khẩu gạo lớn như Ấn Độ, Thái Lan sẽ giảm, đây là cơ hội để gạo Việt đẩy mạnh xuất khẩu những tháng cuối năm 2021.

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), năm 2021, sản lượng gạo nhập khẩu toàn cầu ước đạt 44,79 triệu tấn, tăng 1% so với năm 2020. Trung Quốc sẽ vẫn là nước nhập khẩu gạo nhiều nhất trong năm 2021 với 2,9 triệu tấn, đứng thứ hai là EU với 2,45 triệu tấn và thứ ba là Philippines với 2,2 triệu tấn. Đây đều là những thị trường xuất khẩu chính của gạo Việt Nam.

Đánh giá về triển vọng thị trường xuất khẩu gạo những tháng cuối năm cho thấy các thị trường xuất khẩu gạo truyền thống của Việt Nam ở khu vực Đông Nam Á như: Philippines, Indonesia và Malaysia đang phải đối mặt với dịch bệnh Covid-19 nên dự báo hoạt động xuất khẩu gạo sẽ khó khăn hơn. Hiệp hội Lương thực Việt Nam dẫn nguồn tin của Reuters, cho biết: Indonesia sẽ tạm dừng nhập khẩu gạo trong 1 năm do tồn kho nội địa đủ đáp ứng nhu cầu. Bên cạnh đó, sản lượng thu hoạch năm 2021 của Indonesia dự báo cao hơn năm 2020, đạt 33 triệu tấn. Không chỉ vậy một trong những thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam là Philippines cũng

đã có những động thái thay đổi trong giảm thuế nhập khẩu gạo. Điều này tạo cơ hội cho gạo Việt tăng xuất khẩu vào thị trường Philippines nhưng cũng khiến lợi thế xuất khẩu gạo của Việt Nam với các đối thủ cạnh tranh bị giảm sút. Cụ thể, Philippines thực hiện chính sách giảm thuế nhập khẩu gạo từ 40-50% xuống 35% là mức thuế suất ưu đãi mà Việt Nam đã được hưởng trước đó thì nay mức giảm thuế này đã tạo thêm lợi thế cho Ấn Độ và Pakistan để các nước này đưa ra mức giá cạnh tranh hơn.

Tuy nhiên, Ấn Độ đang có tiến độ xuất khẩu gạo chậm lại, trong khi đó xuất khẩu gạo của Thái Lan dự báo sẽ chỉ ở mức 5,2-5,5 triệu tấn trong năm nay, tức giảm gần nửa triệu tấn so với dự kiến đầu năm. Việc Thái Lan quyết định cắt giảm lượng gạo xuất khẩu là do giá xuất khẩu thấp, hạn hán, mất mùa và đồng Baht mất giá. Đây cũng được coi là lợi thế cho gạo Việt Nam.

Trước những thách thức xen lẫn cơ hội của thị trường xuất khẩu gạo, để gia tăng kim ngạch xuất khẩu, từ đầu năm đến nay, giá gạo Việt Nam cũng đã liên tiếp được điều chỉnh giảm nhiều đợt, tổng các đợt giảm khoảng 15%. Ngoài ra, cạnh tranh trong xuất khẩu gạo trắng đã khiến nhiều thương nhân xuất khẩu gạo Việt ngày càng có xu hướng chú trọng tới phân khúc các loại gạo thơm, gạo chất lượng cao để vừa gia tăng giá trị lại có thị trường ổn định hơn. Việc chuyển dịch cơ cấu loại gạo xuất khẩu có chất lượng cao hơn được kỳ vọng sẽ giúp xuất khẩu gạo Việt Nam tiếp tục khởi sắc trong những tháng cuối năm 2021./.

KIỂM SOÁT GIÁ ĐẢM BẢO NGUỒN CUNG HÀNG HÓA TRONG MÙA DỊCH COVID 19

Trúc Linh

Các đợt bùng phát dịch Covid -19 liên tiếp đã khiến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu tăng khá mạnh. Các chuyên gia kinh tế dự báo, từ nay đến cuối năm, giá cả hàng hóa vẫn có chiều hướng gia tăng, gây sức ép lên mặt bằng giá chung và tiềm ẩn nhiều tác động tới nền kinh tế. Tuy nhiên, các giải pháp điều hành giá thận trọng và chủ động của Chính phủ sẽ góp phần kiểm chế ảnh hưởng của việc tăng giá đến đời sống, sản xuất; đồng thời đảm bảo thực hiện mục tiêu chỉ số lạm phát cả năm 2021 của Việt Nam là 4% như Quốc hội và Chính phủ đề ra.

Nhiều loại hàng hóa biến động mạnh

Theo nhóm nghiên cứu Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội), tính đến tháng 6/2021, giá hàng hóa phi nhiên liệu, bao gồm nguyên vật liệu nông nghiệp thô và nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp tăng 38,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp tăng 68,6%, giá nguyên vật liệu nông nghiệp thô tăng 28,44%. Giá các nguyên vật liệu tăng chủ yếu do nguồn cung bị cắt giảm và nhu cầu mua sắm, tích trữ nhu yếu phẩm của người dân tăng cao nên tại một số thời

điểm chưa kịp đáp ứng đủ. Thêm vào đó, yếu tố tăng cường kiểm soát hàng hóa, con người do dịch bệnh cũng làm giá cước vận tải biển vào cuối tháng 6/2021 đã tăng khoảng 8 lần so với cùng thời điểm năm 2020.

Ở trong nước, dưới các tác động của thị trường thế giới, trong 6 tháng đầu năm, các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất công nghiệp, các mặt hàng là đầu vào sản xuất nông nghiệp như phân bón mặt hàng cho ngành xây dựng như sắt thép hay các chi phí khác như phí vận chuyển container... đều tăng giá, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, phí container vận chuyển hàng hóa tăng vọt. Theo Cục Hàng hải Việt Nam, giá cước vận tải biển bằng container bắt đầu tăng mạnh từ tháng 10/2020, đặc biệt là trên các tuyến đi châu Âu, Bắc Mỹ; trong đó có thời điểm tăng gấp 5 đến 7 lần cuối năm trước.

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam cho biết, chi phí logistics tăng cao đã tác động không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường thế giới. Doanh nghiệp đang đứng trước tình trạng thua lỗ trầm trọng và đình trệ sản xuất do giá thành sản xuất tăng cao và không xuất khẩu được hàng hóa.

Trong 6 tháng đầu năm, giá cước vận chuyển tăng kéo theo giá các loại nguyên liệu sản xuất phân bón tăng, dẫn đến giá các loại phân bón tăng khoảng từ 20-30%. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam (VFA), giá nguyên liệu đầu vào trong sản xuất nông nghiệp tăng sẽ kéo theo tăng giá thành sản xuất nông nghiệp. Điều này gây gánh nặng không nhỏ với người nông dân, nhất là khi ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến giá nhiều loại nông sản giảm mạnh, đầu ra bấp bênh.

Giá hàng hóa tăng không chỉ ở nhóm nguyên, nhiên vật liệu

cho sản xuất mà ở cả các mặt hàng sinh hoạt thiết yếu hàng ngày cho gia đình, tăng từ 10-20%, thậm chí cá biệt một số mặt hàng còn tăng lên tới 35-40%. Giá các loại dịch vụ ăn uống ngoài gia đình cũng tăng 5-7%. Giá đầu vào các mặt hàng cho thức ăn gia súc, gia cầm tăng từ 20-70%...

Theo các chuyên gia, vấn đề gây quan tâm là sự biến động giá của các loại nguyên, nhiên liệu, trong đó phải kể đến giá thép, với mức tăng trung bình khoảng 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (Bộ Tài chính) cho biết, giá thép tăng cao gây ảnh hưởng lớn đến ngành công nghiệp sản xuất vật liệu phụ trợ và tiến độ các công trình, dự án. Đặc biệt là các dự án đầu tư công, các dự án đầu tư vốn ngân sách phải áp dụng đơn giá vật liệu theo thông báo của các sở xây dựng tỉnh, thành phố. Trong khi đó, các thông báo này lại thường không được cập nhật kịp thời theo biến động giá. Thực tế, có nhiều doanh nghiệp phải quyết định tạm hoãn thi công để chờ quyết định bù giá vật tư, dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện vốn đầu tư công.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giá các loại vật liệu xây dựng tăng là một trong những nguyên nhân khiến giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm nay chỉ đạt trên 29%, thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, việc hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại hai thành phố lớn Hồ Chí Minh và Hà Nội lại khiến giá nhiều mặt hàng thực phẩm tăng khá mạnh. Giá một số hàng hóa lương thực, thực phẩm tươi sống như rau xanh, thịt



tại các chợ dân sinh tăng cao. Theo các tiểu thương, việc lấy hàng hiện nay rất khó khăn do phải có nhiều loại giấy tờ, thủ tục. Người bán hàng phải test COVID-19 cùng các chi phí bảo hộ, sát khuẩn... khiến giá thành hàng hóa tăng từ đầu mỗi chợ nông sản đến chợ bán lẻ.

Bộ Công thương cho biết, trong những ngày đầu tiên thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15 và 16 của Thủ tướng Chính phủ, việc cung ứng hàng hóa cho người dân gặp một số khó khăn do vướng mắc trong khâu lưu thông phân phối hàng hóa, đã xảy ra hiện tượng thiếu hàng cục bộ, giá thực phẩm tươi sống tăng cao tại một số điểm bán hàng, tại một vài địa phương, nhất là tại 19 tỉnh thành phía Nam. Tuy nhiên, sau đó, hiện tượng này đã nhanh chóng được xử lý, thị trường ổn định và sức mua cũng dần trở lại như những ngày bình thường. Hiện tại, nguồn cung hàng hóa dồi dào, các bộ, ngành, địa phương đang phối hợp đảm bảo cung cấp đầy đủ lương thực, thực phẩm cho người dân để yên tâm phòng chống dịch.

Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, việc lạm phát duy trì

mức thấp trong nửa đầu năm 2021 là điều kiện thuận lợi để tạo dư địa kiểm soát lạm phát cả năm đạt mục tiêu. Song cũng không nên chủ quan, vì giá cả thị trường những tháng cuối năm có thể còn biến động do dịch bệnh biến phức tạp, khiến áp lực lạm phát tiếp tục tăng từ nay đến cuối năm.

Đảm bảo nguồn cung, ổn định giá cả

Trước diễn biến phức tạp, khó lường của dịch COVID-19, một trong những vấn đề cấp thiết quan trọng là làm sao đảm bảo nguồn cung ứng hàng hóa, nhất là trong những trường hợp dịch diễn biến phức tạp hơn. Bộ Công Thương cho biết, Bộ đã có phương án đảm bảo cung ứng hàng hóa trong mọi tình huống. Toàn ngành và các hệ thống phân phối lớn đã có các phương án chuẩn bị cho 5 cấp độ của dịch bệnh. Bên cạnh đó, Bộ thường xuyên trao đổi với Sở Công Thương các địa phương, các doanh nghiệp phân phối lớn trên cả nước để rà soát, cập nhật các phương án cung ứng hàng hóa thiết yếu theo sát diễn biến của dịch bệnh, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu trên địa bàn,



trong đó, chú trọng vào mặt hàng lương thực thực phẩm và các mặt hàng có nhu cầu cao trước diễn biến mới của dịch COVID-19.

Bộ Công Thương cũng đề nghị các hệ thống phân phối lớn có phương án dự trữ và cung ứng hàng hóa nhu yếu phẩm kịp thời phục vụ nhu cầu của nhân dân theo từng cấp độ dịch bệnh, nhất là các mặt hàng thiết yếu như: lương thực, thực phẩm, nước uống, khẩu trang và căn cứ vào điều kiện cụ thể nhu cầu thực tế và kinh nghiệm của địa phương để xác định số lượng, chủng loại dự trữ, phương án dự trữ, phương án vận chuyển hàng khi có yêu cầu và kịp thời cho khu vực bị cách ly.

Đồng thời, Bộ cũng hướng dẫn tổ chức hoạt động cho các điểm bán hàng nhu yếu phẩm như chợ, điểm bán hàng của các doanh nghiệp phân phối theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ, nhằm vừa đảm bảo cung ứng thường xuyên liên tục các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, vừa bảo đảm phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 ảnh hưởng đến giá cả thị trường, Bộ Tài chính với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá, đồng thời, phối hợp với các bộ, ngành đánh giá, dự báo tình hình giá cả và tính toán các kịch bản, giải pháp điều hành báo cáo Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo, quán triệt triển khai đồng bộ, đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra.

Theo đó, trong 6 tháng đầu năm, các mặt hàng do Nhà nước định giá được giữ ổn định nhằm tạo điều kiện cho công tác kiểm soát lạm phát ngay trong nửa đầu năm 2021. Một số hàng hóa dịch vụ quan trọng thiết yếu tiếp tục được đề xuất giảm giá để hỗ trợ nền kinh tế như mặt hàng điện. Chính phủ tiếp tục thực hiện chủ trương giữ ổn định giá điện bán lẻ bình quân để đảm bảo hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp. Mặt khác, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công thương để trình Chính phủ phương án giảm giá điện đợt 3. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 55/NQ-CP về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 3 cho khách hàng sử dụng điện như các cơ sở lưu trú du lịch, các cơ sở đang thực hiện cách ly, khám bệnh tập trung, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19. Ước tính, số tiền hỗ trợ giảm đợt 3 khoảng 1.200 - 1.300 tỷ đồng.

Đối với mặt hàng xăng dầu, trước mức tăng 17,01% của 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công thương cập nhật diễn biến giá thế giới, thường xuyên

đánh giá tác động giá xăng dầu trong nước đối với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Đồng thời, liên bộ căn cứ diễn biến tình hình kinh tế - xã hội và các giải pháp điều hành vĩ mô của Chính phủ để điều hành giá xăng dầu trong nước phù hợp. Trong đó, Quỹ Bình ổn giá được điều hành theo hướng ngừng trích lập và tăng chi sử dụng để hạn chế mức tăng giá xăng dầu trong nước trước biến động tăng của giá thế giới. Trong 6 tháng đầu năm 2021, 12 văn bản điều hành xăng dầu đã được ban hành, trong đó giá xăng có 9 lần tăng, 1 lần giảm và 2 lần giữ ổn định; giá dầu có số lần điều chỉnh tăng ít hơn (7 - 8 lần tùy loại).

Đối với mặt hàng thép xây dựng, từ đầu năm đến nay, giá thép trong nước có diễn biến chủ yếu là tăng giá. So với đầu năm 2021 thì giá bán hiện tăng khoảng 12 - 16% tùy theo từng chủng loại và nhà sản xuất. Diễn biến mặt hàng thép đã được cập nhật và báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá trong quý I/2021 và Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo thực hiện một số giải pháp. Hiện Bộ Công thương đang thành lập đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình sản xuất, cung cầu sản phẩm thép trên thị trường.

Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn rủi ro đối với công tác kiểm soát lạm phát đến từ tình hình thế giới như xu hướng đầu cơ, tích trữ các mặt hàng chiến lược có thể tạo áp lực lên giá một số nguyên vật liệu trên thị trường quốc tế, từ đó tác động đến thị trường trong nước qua kênh nhập khẩu; dịch bệnh diễn biến phức tạp có thể tác động làm tăng giá cục bộ một số mặt hàng tại một số địa phương bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Theo Cục Quản lý giá, việc kiểm soát CPI bình quân cũng

cần hướng đến việc kiểm soát cả CPI cùng kỳ tháng 12 nhằm tạo nền tảng thuận lợi cho việc kiểm soát lạm phát trong năm tới 2022.

Để thực hiện kiểm soát lạm phát theo chỉ tiêu Quốc hội giao, công tác quản lý, điều hành giá, kiểm soát lạm phát 6 tháng cuối năm 2021 cần tiếp tục thực hiện một cách thận trọng, linh hoạt. Bộ Tài chính sẽ tiếp tục chủ động, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo điều hành giá.

Cục Quản lý giá cho biết, ngay từ đầu năm 2021, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo điều hành giá đã phân tích có dự báo, trên cơ sở đó có kịch bản điều hành phù hợp, theo đó dự báo nguồn nguyên, nhiên vật liệu khan hiếm có khả năng tăng, như giá xăng dầu.

Trong thời gian tới, Bộ Tài chính tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường các hàng hóa thiết yếu, nguyên, nhiên vật liệu chiến lược trên thế giới; tính toán, dự báo tác động đến mặt bằng giá trong nước cũng như tác động tới sản xuất, kinh doanh nhằm có biện pháp cân đối cung - cầu kịp thời trong trường hợp giá cả tiếp tục có biến động mạnh. Mặt khác, cơ quan chức năng có biện pháp ngăn chặn các hoạt động đầu cơ, thao túng giá, các hành động "tát nước theo mưa" để trục lợi.

Theo ước tính của Bộ Công thương, trên cơ sở đánh giá dự báo xu hướng các mặt hàng quan trọng thiết yếu là trọng tâm của công tác quản lý, điều hành giá trong năm 2021, kết hợp với đánh giá về lạm phát cơ bản của Ngân hàng Nhà nước, nếu không có những yếu tố quá đột biến xảy ra, việc kiểm soát CPI bình quân cả năm 2021 ở mức khoảng 4% là vẫn trong tầm kiểm soát của Chính phủ, của Ban Chỉ đạo điều hành giá./.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, xác định rõ vai trò dẫn đầu trong cuộc chiến với dịch bệnh Covid-19, Bộ Y tế thời gian qua liên tục tổ chức các buổi họp trực tuyến với ngành y tế các địa phương để theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch bệnh, bàn về các giải pháp chống dịch. Đồng thời, ban hành nhiều văn bản gửi UBND và sở y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch; hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị Covid-19 đối với từng chủng vi rút Corona...

Công tác phòng, chống dịch bệnh lần này bước sang giai đoạn mới đầy khó khăn. Gánh vác trách nhiệm lớn lao của người thầy thuốc trên vai, hưởng ứng lời kêu gọi toàn ngành sẵn sàng lên đường hỗ trợ các địa phương chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế, toàn bộ lực lượng trong ngành y tế cả nước, gồm y tế Nhà nước, y tế tư nhân, các lực lượng quân dân y, các trường đào tạo ngành y, các lực lượng cán bộ y tế nghỉ hưu đã chung tay, tích cực tham gia cuộc chiến phòng, chống dịch bệnh. Mỗi cá nhân, tập thể trong ngành y đã dồn tâm - sức - lực với cường độ làm việc rất cao mỗi ngày để hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh và sớm đưa cuộc sống của người dân trở lại bình thường. Không chỉ chung sức, đồng lòng, trận chiến lần này còn nhận được sự chia sẻ những trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hậu cần từ nhiều cơ sở y tế tư nhân và sự đóng góp vật chất của nhiều cá nhân.

Trong công tác chuyên môn, để nhanh chóng khoanh vùng, dập dịch, xử lý kịp thời, triệt để các ổ dịch, sẵn sàng ứng phó tốt nhất với diễn biến của dịch bệnh Covid-19, toàn ngành y tế đã khẩn trương triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch; ưu tiên tối đa trang thiết bị bảo hộ, vật tư y tế hướng về các tâm dịch; mở rộng năng lực, tăng công suất thực hiện xét nghiệm. Theo thống kê của Bộ Y tế, từ 27/4 đến 30/8 cả nước đã thực hiện hơn 12,7 triệu mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 cho hơn 32,1 triệu lượt người.

Về điều trị, với quan điểm là hỗ trợ tối đa cho các địa phương có số bệnh nhân mắc Covid-19 ở mức cao, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Y tế, các bệnh viện tuyến đầu và cơ sở y tế tại các địa phương đã chi viện hỗ trợ nhân lực, thiết bị kỹ thuật điều trị bệnh nhân Covid-19 nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên giảm số ca bệnh nặng, hạn chế số tử vong, đặc biệt đối với các ca mắc có bệnh lý nền, người cao tuổi.

Để đáp ứng công tác điều trị, tại tất cả các tỉnh, thành có nhiều ca nhiễm đã gấp rút xây dựng, thành lập nhiều bệnh viện dã chiến để tiếp nhận, điều trị các bệnh nhân Covid-19. Riêng tại tâm dịch Hồ Chí Minh đã có hàng chục bệnh viện dã chiến được thiết lập, có công suất hàng nghìn giường bệnh. Hầu hết các cán bộ, nhân viên, y bác sĩ tại các bệnh viện dã chiến có chuyên môn tốt, được tập huấn kỹ phương pháp tiếp nhận, điều trị, chăm sóc bệnh nhân Covid-19. Do đó, công tác điều trị đạt nhiều kết quả, khả quan. Tính từ ngày 27/4/2021 đến sáng ngày 30/8, cả nước đã có trên 217 nghìn bệnh nhân được công bố khỏi bệnh.

NGÀNH Y TẾ DỒN TỔNG LỰC CHO TRẬN CHIẾN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

Quang Vinh

Từ cuối tháng 4/2021, làn sóng dịch bệnh Covid-19 lần thứ tư bắt đầu tấn công Việt Nam với những diễn biến phức tạp, ban đầu là các địa phương tập trung nhiều khu công nghiệp như: Bắc Ninh, Bắc Giang, sau đó lan sang các tỉnh phía Nam như Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Đặc biệt, sự xuất hiện của biến thể Delta có tốc độ lây nhanh và lan ra diện rộng trong thời gian ngắn đã khiến tình hình dịch bệnh trở nên nghiêm trọng hơn với số ca nhiễm mới lên đến chục nghìn ca mỗi ngày đã khiến hệ thống y tế trong nước đối mặt với những thách thức chưa từng có trong lịch sử. Trong đợt dịch lần thứ 4, tính từ ngày 27/4 đến sáng ngày 30/8, cả nước đã ghi nhận 431.072 ca nhiễm mới trong nước và con số này vẫn tiếp tục gia tăng đe dọa khả năng chống chịu của cả hệ thống y tế trong nước. Song, với sự quyết liệt chỉ đạo của Chính phủ, ngành y tế nước ta đã dồn tổng lực để cùng các bộ, ngành liên quan và các địa phương tham gia trận chiến lần này.

Tính trung bình mỗi ngày Việt Nam có hàng nghìn bệnh nhân khỏi bệnh được xuất viện.

Tuy nhiên, trước diễn biến khó lường của các chủng Covid mới, ngành Y tế đã chủ động xây dựng phương án đối phó, sẵn sàng cho “kịch bản xấu và xấu hơn”, theo đó tất cả các bệnh viện hạng hai, hạng ba (tuyến huyện và tương đương) các tỉnh, thành phố đã thiết lập hệ thống ô-xy trung tâm, kiểm soát lại toàn bộ quá trình thiết lập, chuẩn bị các giường cấp cứu, hồi sức tích cực để điều trị bệnh nhân nặng theo phân tầng điều trị.

Bên cạnh đó, Bộ Y tế phối hợp với Bộ Khoa học Công nghệ huy động đồng đội các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu ở Việt Nam và các doanh nghiệp

nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, chế tạo bộ KIT phát hiện SARS-CoV-2, xây dựng phác đồ điều trị đối với từng chủng virus; tiến hành nghiên cứu, sản xuất và thử nghiệm lâm sàng vắc xin phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19; sản xuất robot và máy thở phục vụ tình huống ứng phó với các cấp độ dịch bùng phát...

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công nghệ thông tin trong việc nâng cao năng lực phòng, chống dịch Covid-19, Bộ Y tế đã phối hợp cùng các bộ, ngành liên quan và doanh nghiệp xây dựng, phát triển và ứng dụng hàng loạt các ứng dụng như: Bản đồ vùng dịch sử dụng Vmap, phát hiện những người có nguy cơ lây nhiễm tại các điểm du lịch; Phần mềm khai báo y tế; Phần mềm đăng ký tiêm chủng; Nền tảng hỗ trợ truy vết; Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19; Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm tại các địa phương; Tính năng Zalo Connect trên Zalo hỗ trợ người gặp khó khăn trong dịch bệnh; ...

Mới đây nhất, ngày 08/8/2021, Bộ Y tế đã công bố kết nối Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa (Telehealth) tới 100% tuyến huyện. Với sự kiện này, 100% cơ sở y tế tuyến huyện đã được kết nối, góp phần xóa nhòa giới hạn giữa các tuyến, xử lý các ca bệnh khó. Đặc biệt, việc điều trị bệnh nhân COVID-19 sẽ được hội chẩn bởi các chuyên gia hàng đầu mà không nhất thiết phải chuyển lên tuyến trên. Đây là một trong những giải pháp hiệu quả trong việc hỗ trợ chẩn đoán, điều trị kịp thời, hạn chế quá tải ở các bệnh viện tuyến trên và giảm bớt tiếp xúc giữa bệnh nhân với bác sĩ. Cùng với đó, giúp các y, bác sĩ tại các vùng sâu, vùng xa yên tâm, tự tin hơn trong điều trị bệnh nhân nặng.

Đồng thời Bộ Y tế phối hợp cùng Bộ Thông tin và Truyền thông ra mắt Trung tâm công nghệ phòng, chống dịch Covid-19 Quốc gia. Trung tâm công nghệ đã phát triển và cung cấp các nền tảng công nghệ dùng chung, áp dụng thống nhất trên toàn quốc, đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ y tế trong phòng, chống dịch, bao gồm: khai báo y tế, kiểm soát vào ra các địa điểm công cộng, truy vết, xét nghiệm, tiêm chủng, giám sát cách ly, đo lường mức độ giãn cách xã hội và các nghiệp vụ khác theo yêu cầu thực tiễn phát sinh trong phòng chống dịch. Cùng với các Tổ công nghệ Covid-19 tại địa phương - với nòng cốt là lực lượng Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Y tế, Trung tâm sẽ hình thành nên mạng lưới triển khai công nghệ phòng, chống dịch xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương. Những kết quả trên đang tạo ra những bước phát triển quan trọng, đột phá trong công tác phòng, chống Covid-19 tại Việt Nam.

Cuộc chiến chống dịch bệnh chỉ có thể chiến thắng khi tỷ lệ tiêm chủng vắc xin đạt kết quả cao. Do đó, bên cạnh công tác phòng chống và điều trị Covid-19,

toàn ngành y tế cả nước chạy đua với thời gian, đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin theo nguyên tắc nhanh nhất, sớm nhất và an toàn nhất, nhất là tại các địa phương có số ca nhiễm mới mỗi ngày ở mức cao. Đặc biệt, nhằm tăng tốc độ, diện bao phủ tiêm vắc xin, ngành y tế nhiều địa phương đã linh hoạt tổ chức các điểm tiêm chủng lưu động tại các khu dân cư, cơ quan, đơn vị... tùy theo tình hình dịch bệnh. Theo dữ liệu Cổng thông tin tiêm chủng quốc gia tính đến 29/8, tổng số liều vắc xin đã được tiêm là gần 19,7 triệu liều.

Có thể nói phòng chống dịch Covid-19 là một trong những trận chiến khốc liệt nhất mà ngành y tế Việt Nam phải dốc toàn bộ sức lực để chiến đấu. Song với những biện pháp kích hoạt tối đa hệ thống phòng chống dịch, cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn dân, đặc biệt, với tinh thần quyết thắng của toàn thể các cán bộ, y, bác sĩ... Tin rằng, Việt Nam nhanh chóng kiểm soát được tình hình dịch bệnh hiện nay và ngăn chặn được những làn sóng Covid-19 bởi biến chủng mới đang có nguy cơ lan rộng trên toàn cầu./.





TIẾP TỤC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2030

TS. Đặng Quang Trung

Đại học Lao động - Xã hội

Kết quả thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”

Báo cáo kết quả sau 8 năm triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên được củng cố và phát triển nhanh chóng về số lượng, đa dạng về mô hình, hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân. Hiện cả nước có 17.459 cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó có 71 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; 619 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện; 10.469 trung tâm học tập cộng đồng; 5.642 trung tâm ngoại ngữ - tin học; 658 cơ sở, trung tâm thực hiện giáo dục kỹ năng sống.

Số lượng cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục tăng nhanh, đặc biệt là hệ thống trung tâm tin học, ngoại ngữ. Điều này đã hỗ trợ tích cực trong việc nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho học sinh,

“Xây dựng xã hội học tập” là một chủ trương, một công việc lớn, quan trọng của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-TTg đã khẳng định: Xây dựng một xã hội học tập là xây dựng một hệ thống giáo dục bảo đảm cho mọi công dân đều được học tập suốt đời, đồng thời, trong hệ thống đó có những chính sách và cơ chế tương ứng để bảo đảm cho mọi công dân góp sức phát triển các hình thức học tập thường xuyên trên mọi địa bàn dân cư... Sau 8 năm triển khai thực hiện, Đề án đã đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên để tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng xã hội học tập, đáp ứng xu hướng phát triển giáo dục mở, thời gian tới, cần triển khai mạnh mẽ, sâu rộng hơn; điều chỉnh phương pháp; thay đổi từ nhận thức đến hành động. Đảm bảo việc phát triển xã hội học tập là phát triển nguồn lực đặc biệt của quốc gia.

sinh viên, cán bộ công chức, giáo viên và mọi người dân theo hướng xã hội hoá.

Trong 4 mục tiêu chính, Đề án đã đạt được 2 mục tiêu lớn là “Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục”, “Học tập để hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn”. Theo đó, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 đạt 97,85%, trong đó số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 chiếm 99,3%, cao hơn 0,3% so với mục tiêu của Đề án; số học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống thông qua các môn học tại các cơ sở giáo dục đạt 64,6%, cao hơn 14,6% so với mục tiêu; cả nước có 51/63 tỉnh, thành phố đạt mục tiêu này.

63/63 tỉnh/thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1; trong đó 34/63 tỉnh/thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; các địa phương đã tổ chức xóa mù chữ cho trên 300 nghìn người trong độ tuổi 15-60.

63/63 tỉnh/thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1. Có 21/63 tỉnh/thành phố (33,3%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và 11/63 tỉnh/thành phố (17,5%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; 03 tỉnh (Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình) đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở mức cao nhất - mức độ 3.

Thành phố Hà Nội là địa phương hoàn thành cả bốn mục tiêu cơ bản của Đề án, trong đó có nhiều chỉ tiêu cao hơn tỷ lệ chung của cả nước. Cụ thể là: Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 đạt 99,97% (cả nước đạt 97,85%); số cán bộ, công chức tham gia các chương trình học tập nâng cao



trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đạt 100% (cả nước đạt 93,89%); số cán bộ, công chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 đạt 50% (cả nước đạt 43,53%); số cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định đạt 100% (cả nước đạt 94,22%)...

Kết quả nổi bật của Hà Nội trong thời gian qua là những nỗ lực trong việc nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh phát triển kinh tế. Theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, từ năm 2012 đến năm 2020, số lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao hoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất đạt 87% (cả nước đạt 69,78%); số công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương đạt 98% (cả nước đạt 66,97%)...

Đặc biệt, các chuyên gia cho rằng, kết quả lớn nhất khi thực hiện Đề án là việc đã hình thành được mô hình xã hội học tập ở cấp xã. Đây là bước đi chiến lược chỉ có ở Việt Nam. Trong khi các nước

xây dựng xã hội học tập ở cấp thành phố trở lên thì Việt Nam đã tiếp cận tới cấp nhỏ hơn là cơ sở và tạo động lực, huy động được người dân tham gia học tập. Cách làm riêng thú vị này đã được UNESCO và các quốc gia công nhận.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được Báo cáo cũng cho biết, quá trình thực hiện Đề án còn một số hạn chế. Trong đó, nhận thức về đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ở một số địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị... còn chưa đúng mức. Các hoạt động học tập suốt đời ở ngoài nhà trường chưa đa dạng, phong phú, điều kiện hoạt động còn nhiều khó khăn. Sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập còn hạn chế...

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030

Để tiếp tục đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030, mới đây, ngày 30/7/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt



Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Theo đó, quan điểm chỉ đạo trong Đề án chỉ rõ: Tiếp tục xây dựng xã hội học tập dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

Duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ và cộng đồng; xây dựng môi trường học tập suốt đời tại nơi làm việc đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và tác phong văn hóa nghề nghiệp.

Mục tiêu chung của Đề án là tiếp tục và tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đó là: 70% các tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 70% các tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; 50% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 100% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin; 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống; 70% các trường đại học có triển khai đại học số và xây dựng học liệu số; 70 % các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.

Đến năm 2030, 90% các tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; phấn đấu 100% các tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; 70% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 40% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; 70% người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin; 70% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống; 90% các trường đại học có triển khai đại học số và xây dựng học liệu số; 80% các cơ sở giáo dục triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đề án đưa ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đó là: Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về xây dựng xã hội học tập; Hoàn thiện cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời; Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa...

Bên cạnh đó, cần có chính sách thu hút, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào công tác xóa mù chữ; triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ giáo dục cho người dân tộc thiểu số và miền núi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Xây dựng và phát triển các mô hình học tập, ngành nghề đào tạo, các nghề đặc thù cần học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp quy hoạch của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến năm 2030.

Với các giải pháp tổng thể và chi tiết, Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” thể hiện quyết tâm, nhiệm vụ và mục tiêu tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập theo hướng hình thành hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông, bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận giáo dục suốt đời đạt chất lượng. Điều này góp phần thực hiện thành công khâu đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0./.



VAI TRÒ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ NÔNG NGHIỆP

TS.Cao Thị Hà
Học viện hành chính quốc gia

Chuyển đổi số trong nông nghiệp

Khái niệm nông nghiệp số là việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tích hợp sản xuất nông nghiệp từ vùng canh tác, nuôi trồng đến người tiêu dùng. Những công nghệ này có thể cung cấp cho ngành nông nghiệp các công cụ và thông tin để đưa ra quyết định sáng suốt hơn, cải thiện năng suất và hỗ trợ quản lý hiệu quả.

Hiện sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản nước ta được tổ chức theo 3 hình thức sản xuất chủ yếu, gồm: Hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp. Theo Tổng cục Thống kê, tại thời điểm 1/7/2020 cả nước có 9.123 nghìn đơn vị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó có trên 9.108 nghìn hộ sản xuất; 7.418 hợp tác xã; 7.471 doanh nghiệp. Đây là một trong những thành phần quan trọng trong chuyển đổi số nông nghiệp.

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp cũng đã quan tâm nhiều hơn đến các giải pháp chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào hầu hết các lĩnh vực của ngành. Đến nay,

Chuyển đổi số nông nghiệp là cơ hội để Việt Nam thay đổi mô hình sản xuất nhỏ lẻ, kém hiệu quả và thiếu liên kết chuỗi giá trị để thay vào đó là một nền nông nghiệp minh bạch dữ liệu và thông tin giúp nông nghiệp Việt Nam vươn xa và có trách nhiệm hơn với người tiêu dùng. Theo các chuyên gia, chuyển đổi số nông nghiệp thành công phải bắt đầu từ nông dân, coi người nông dân là người đầu tiên và là gốc để chuyển đổi số.

hầu hết các nhóm công nghệ số cơ bản trong nông nghiệp đều đã được triển khai hoặc bắt đầu được thử nghiệm tại nước ta. Cụ thể, trong lĩnh vực trồng trọt, công nghệ nền tảng internet vạn vật (IOT), dữ liệu lớn (Big Data) được ứng dụng thông qua các sản phẩm công nghệ số là phần mềm đã cho phép phân tích các dữ liệu về môi trường, loại cây và giai đoạn sinh trưởng của cây, qua đó giúp người tiêu dùng có thể truy xuất và theo dõi giai đoạn sinh trưởng của cây theo thời gian thực...

Lĩnh vực chăn nuôi, công nghệ IOT, công nghệ chuỗi khối (blockchain), công nghệ sinh học được áp dụng rộng ở trang trại chăn nuôi quy mô lớn.

Lĩnh vực lâm nghiệp, ứng dụng công nghệ DND mã mạch trong quản lý giống lâm nghiệp và lâm sản; công nghệ GIS và ảnh viễn thám để xây dựng các phần mềm phát hiện sớm và cảnh báo cháy rừng từ ảnh vệ tinh, phần mềm giám sát và phát hiện sớm mất rừng, suy thoái rừng...

Lĩnh vực thủy sản, chuyển đổi số mạnh mẽ với việc sử dụng thiết bị dò cá sử dụng sóng siêu âm, máy đo dòng chảy, điện thoại vệ tinh; máy thu lưới vây (đứng); hệ thống thu-thả lưới chụp, công nghệ GIS và hệ thống định vị toàn cầu (GPS) giúp quản lý đội tàu khai thác hải sản xa bờ. Trong nuôi trồng thủy sản, ứng dụng công nghệ nuôi thủy sản tuần hoàn (RAS), công nghệ biofloc, công nghệ nano cũng đang được ứng dụng ngày càng phổ biến. Ngoài ra, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đã được sử dụng trong nuôi tôm nhằm phân tích các dữ liệu về chất lượng nước; quản lý thức ăn

và sức khỏe tôm nuôi. Công nghệ tự động hóa trong khâu chế biến thủy sản, từ phân loại, hấp, đóng gói, dây chuyền sản xuất... giúp giảm chi phí sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Cùng với các giải pháp chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hầu hết các lĩnh vực, nhiều doanh nghiệp nông nghiệp đang thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp của mình. Tại một số doanh nghiệp, các trang trại sản xuất tập trung, quy mô tương đối lớn, các công nghệ số đang được áp dụng khá đồng bộ. Điển hình Tập đoàn Lộc Trời đang ứng dụng các công nghệ số cho vùng trồng lúa; mô hình "Canh tác lúa tốt nhất" của HTX Mỹ Đông phối hợp với Công ty Rynan Smart Fertilizers; các vùng sản xuất rau an toàn của VinEco, Công ty Cầu Đất Farm và Công ty TNHH Đà Lạt GAP...

Ngoài ra, sản xuất nông nghiệp Việt Nam đang bắt đầu thử nghiệm ứng dụng các công nghệ hiện đại khác như: Công nghệ máy bay không người lái để phun thuốc bảo vệ thực vật, bón phân; sử dụng robot để gieo hạt tự động, robot gặt các thiết bị cảm biến để thu thập và phân tích dữ liệu, sau đó đưa ra quyết định chăm sóc cây trồng phù hợp; sử dụng tế bào quang điện để sản xuất điện năng từ năng lượng mặt trời phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Với xu hướng sử dụng ngày càng nhiều các công nghệ số, nông nghiệp Việt Nam đang dần chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại. Thông qua chuyển đổi số đã mang đến những giá trị mới và bền vững cho sản xuất

nông nghiệp và cho thấy tầm quan trọng, tính cấp thiết của quá trình này. Không chỉ vậy, chuyển đổi số nông nghiệp đã giúp nông dân sản xuất với chi phí thấp nhất, nhưng bán ra với giá cao nhất. Người sản xuất được kết nối trực tiếp, đưa nông sản tới tay người tiêu dùng mà không qua khâu trung gian. Đồng thời, giúp mọi người kết nối với nhau dễ dàng hơn, thuận lợi hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình chuyển đổi số nông nghiệp trong thời gian qua vẫn còn những khó khăn như: Trình độ cơ giới hóa còn thấp, các công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp (cơ khí, chế biến sâu, dây chuyền kiểm nghiệm sản phẩm nông nghiệp...) chưa tương xứng; diện tích canh tác nhỏ; dự báo sản lượng các sản phẩm nông nghiệp vẫn chủ yếu bằng kinh nghiệm; các doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư vào chuyển đổi số chưa nhiều; chất lượng nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong nông nghiệp số còn hạn chế; nhận thức và kỹ năng sử dụng công nghệ số của người nông dân chưa cao.

Rõ ràng, tiềm năng chuyển đổi số trong nông nghiệp còn rất lớn. Công tác chuyển đổi số nông nghiệp đang nhận được sự ủng hộ của các cơ quan, bộ, ngành, doanh nghiệp. Sang đây mạnh chuyển đổi số nông nghiệp trong thời gian tới cần sự vào cuộc mạnh mẽ hơn nữa của các bộ, ngành liên quan. Những người hưởng lợi trực tiếp từ chuyển đổi số, từng doanh nghiệp, nông dân phải có trách nhiệm, tích cực tham gia vào xây dựng dữ liệu để tạo ra kho dữ liệu khổng lồ đáp ứng chuyển đổi số nông nghiệp.

Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp sẽ phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ,...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

Trong mục tiêu chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ sẽ tham gia vào



tất cả quá trình quản lý, giám sát nguồn gốc; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Bộ đặt mục tiêu xây dựng 80% cơ sở dữ liệu số về nông nghiệp, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) có sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng am hiểu về tri thức nông nghiệp, về các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản, chế biến... Người nông dân được tiếp cận bản đồ số nông nghiệp và được cung cấp dữ liệu mở của ngành phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

Vai trò của người nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp

Ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, phân phối nông sản đang trở thành xu thế tất yếu của

ngành nông nghiệp. Để chuyển đổi số nông nghiệp thành công cần thiết phải đồng hành cùng nông dân, hỗ trợ nông dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất. Người nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp không chỉ đóng vai trò chủ lực mà còn là nhóm cần được quan tâm nhất. Hàng hóa nông sản của Việt Nam trên thị trường hiện chủ yếu do người nông dân sản xuất ra. Phần lớn người nông dân hiện nay đang sử dụng thường xuyên thiết bị điện thoại di động. Do đó, áp dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp người nông dân sẽ là đối tượng dễ dàng và tiếp cận trực tiếp để đưa các công nghệ lĩnh vực khoa học kỹ thuật mới cũng như thúc đẩy kênh kết nối tiêu thụ sản phẩm đầu ra vào trong quy trình sản xuất các sản phẩm của ngành nông nghiệp.

Người nông dân sản xuất nông nghiệp truyền thống dự báo sản lượng các sản phẩm nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào dự báo bằng kinh nghiệm. Khi áp dụng công nghệ số và trở thành



những nông dân số để sản xuất họ có thể trông vào dữ liệu để có kế hoạch sản xuất phù hợp. Trong sản xuất, người nông dân số không chỉ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống mà còn mua cả dữ liệu để phục vụ sản xuất. Chuyển đổi số cho phép người nông dân số bán cả sự trải nghiệm cho người mua cả một quy trình chăm sóc sản phẩm ngay từ khâu chọn giống tới khi hình thành sản phẩm; và ngược lại, người mua cũng có thể giám sát quy trình chăm sóc sản phẩm mà họ sử dụng. Chuyển đổi số cho phép người nông dân số có thể so sánh giá ở nhiều nơi giúp họ khắc phục được tình trạng không còn bị ép giá.

Trong phân phối hàng hóa trên thị trường, bên cạnh phương thức phân phối hàng hóa truyền thống, nền tảng số cũng được xem là một trong những giải pháp hiệu quả, là cánh tay nối dài giúp 9 triệu hộ nông dân mở rộng thị trường tiêu thụ khắp 63 tỉnh, thành phố, gần với 100 triệu người tiêu dùng trong cả nước. Chuyển đổi số sẽ tạo ra nền tảng cho phép

người nông dân số và các ngành hàng kết nối với nhau mà không phụ thuộc vào vị trí địa lý.

Ứng dụng công nghệ số, ngoài việc mua giống, phân bón thì người nông dân số trong sản xuất phải biết tích hợp, kết nối thông tin dữ liệu về giá cả thị trường, tham gia mua bán tư liệu sản xuất và các sản phẩm nông sản trên các sàn giao dịch điện tử. Thông qua công nghệ số giúp vị thế của người nông dân Việt Nam ngày càng thay đổi. Trong đó, thay đổi cơ bản nhất là người nông dân đã bắt đầu làm chủ và ngày càng phát huy vai trò làm chủ của mình trong phát triển nông nghiệp số, người nông dân ngày càng được tiếp thu nhiều hơn các tiến bộ khoa học kỹ thuật do các cấp, các ngành, các phương tiện đem đến.

Thông qua chuyển đổi số, người nông dân số mang đến những giá trị mới và bền vững cho sản xuất nông nghiệp. Việc áp dụng các công nghệ số trong nông nghiệp tăng lên với tốc độ nhanh chóng làm thay đổi cách người nông dân quản lý cây trồng, vật nuôi của họ. Người nông dân ngày càng sử dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất cho hiệu quả năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn, đưa nền nông nghiệp Việt Nam dần chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại. Hiện, người nông dân Việt Nam và các nước châu Á đang quan tâm tới việc ứng dụng thiết bị bay không người lái (UAV/ Drone), mạng lưới internet vạn vật (IOT) vào sản xuất cũng như đưa nông sản lên sàn thương mại điện tử để tiêu thụ.

Đại dịch Covid-19 đang đẩy nhanh tốc độ ứng dụng các công nghệ mới, nền tảng số để giải quyết

tình trạng ứ ứ sản phẩm nông sản của người nông dân khi vào cao điểm thu hoạch sản phẩm nông sản, giúp người nông dân giữ giá sản phẩm, tránh bị thương lái ép giá. Người dân tại các địa phương khác trong nước và quốc tế có thể mua sản phẩm một cách thuận tiện, nhanh chóng kể cả trong bối cảnh hạn chế đi lại do dịch bệnh thông qua sàn thương mại điện tử. Đại dịch Covid-19 đã tạo ra bước ngoặt về chuyển đổi số trong thương mại nông sản, thay vì sản xuất và bán hàng truyền thống nhỏ lẻ, người nông dân số đã bắt đầu quen với việc đưa nông sản của mình lên sàn thương mại điện tử để bán với số lượng lớn và giá cả tốt hơn. Hiện, Cục Xúc tiến thương mại đã lên kế hoạch phối hợp với Vietnam Post triển khai chương trình hỗ trợ nông dân, chủ trang trại trên cả nước bán nông sản hàng hóa, nông sản thực phẩm an toàn theo hình thức trực tuyến.

Có thể thấy, bên cạnh việc tận dụng nền tảng trực tuyến để kết nối tiêu thụ nông sản, thì công nghệ thông tin còn giúp nông dân tiếp cận dữ liệu về khoa học - kỹ thuật mới, thay đổi quy trình sản xuất theo hướng hiện đại, tìm kiếm thị trường và quảng bá sản phẩm. Để thích ứng với chuyển đổi số, việc tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho người nông dân là yêu cầu cấp thiết cần được các cấp, các ngành quan tâm hơn nữa. Người nông dân ngoài chủ động học hỏi nâng cao vai trò của người nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp, có thể chủ động lên sàn, giao lưu với người mua, giới thiệu những đặc tính khác biệt của sản phẩm để có giá trị cao hơn./

NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG SAU 10 NĂM ĐỔI MỚI

Hoàng Xuân An

Phó trưởng phòng Phòng Thống kê Kinh tế
Cục Thống kê TP Hải Phòng

“Nông thôn Hải Phòng phải là “miền quê đáng sống” - Đó là yêu cầu mà Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc (khi đó là Thủ tướng Chính phủ) đặt ra khi phát biểu tại Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới của Hải Phòng ngày 15/10/2019.

Sau 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, diện mạo nông nghiệp, nông thôn Hải Phòng có những bước phát triển mạnh mẽ. Từ đồng ruộng đến làng mạc, thôn xóm, tất cả đều khoác lên mình một “tấm áo mới” khang trang, tươi sáng. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện. Cơ cấu sản xuất có sự chuyển dịch đúng hướng; nền nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, tiến tới nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp, dịch vụ nông thôn có sự phát triển đáng kể...

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời

Hải Phòng triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên phạm vi 139 xã thuộc 07 huyện, với dân số trung bình trên 1.070 nghìn người, chiếm 58% dân số thành phố (1,85 triệu người, năm 2010),

trên diện tích tự nhiên gần 126.000 ha, chiếm khoảng 82% diện tích đất thành phố.

Để đưa chương trình vào cuộc sống, những năm qua hàng loạt các Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hải Phòng được ban hành để từng bước cụ thể hóa trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc tháo gỡ khó khăn với quyết tâm thực hiện thành công đổi mới nông thôn, nông nghiệp nhằm nâng tầm và thu hẹp khoảng cách nông thôn với thành thị. Điển hình là Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 16/7/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XIV về xây dựng nông thôn mới Hải Phòng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 136/2016/NQ-HĐND ngày 22/8/2016 của Hội đồng

nhân dân thành phố, về hỗ trợ 100% giá trị quyết toán công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới; 100% xi măng làm đường giao thông nội đồng, thôn xóm; 100% lãi suất vốn vay ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư, cải tạo nước sạch nông thôn và Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017-2020.

Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, điều kiện sinh sống, lao động sản xuất của người dân khu vực nông thôn được cải thiện, nâng cao đáng kể.

Giai đoạn 2010-2020, cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn, thành phố đã đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn khang trang, hiện đại từng bước phát triển kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển

bền vững góp phần nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách với đô thị.

Theo kết quả Điều tra Nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020 của Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng, tính đến thời điểm tháng 7/2020, 100% số thôn, xã có điện lưới quốc gia, hệ thống hạ tầng điện nông thôn luôn được đầu tư, cải tạo, nâng cấp và xây mới, xóa bỏ việc cắt điện luân phiên tại khu vực nông thôn trong những tháng cao điểm. Cùng với đó 100% số thôn đã có đường ô tô đến UBND xã và 100% tuyến giao thông ô tô từ UBND xã đến trụ sở UBND huyện được nhựa và bê tông hóa (trừ 01 xã đảo trên biển). Giải pháp di chuyển an toàn và hiệu quả cho người dân nông thôn với các tuyến xe buýt liên tỉnh, liên huyện được hình thành với 21 xã có điểm dừng xe buýt, chiếm 15% tổng số xã. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao, thông tin liên lạc và các dịch vụ bưu chính, viễn thông ngày càng tiện ích, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của cư dân nông thôn với tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 4G, hệ thống loa truyền thanh đạt 100% khu vực dân cư.

Với chủ trương xã hội hóa giáo dục, hệ thống trường học các cấp ở khu vực nông thôn được xây mới và nâng cấp. Đến năm 2020, 100% số xã có các cơ sở giáo dục với tỷ lệ: Trường mẫu giáo, mầm non là 1,8; trường tiểu học 1,3 và trung học cơ sở là 1,1 cơ sở/xã. Đối với dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe, 100% xã có trạm y tế và được xây dựng khang trang, kiên cố, đảm bảo vệ sinh môi trường; trong đó 94,32% tổng số xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế và 83,3% số cơ sở có đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người dân.

Trong hơn 10 năm qua Thành phố đã xây dựng 37 hệ thống cấp nước tập trung quy mô trung bình và lớn tại khu vực nông thôn, với 11 hệ thống đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống (QCVN 01: 2009/BYT). Hiện nay, hệ thống công trình cấp nước sạch trong sinh hoạt đạt tỷ lệ 61% số xã, với 125 công trình cấp nước đang hoạt động. Đặc biệt, tỉ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sạch đến nay đã đạt 92,1% (trung ương quy định 65%)

Dịch vụ lưu thông hàng hóa qua các chợ khu vực nông thôn hàng năm được đảm bảo và tương đối ổn định với 85,11% tổng số xã có chợ. Hoạt động tài chính tín dụng cũng vì thế phát triển ngày càng lớn mạnh, các chi nhánh ngân hàng đã có mặt tại 36 xã, đạt tỷ lệ 25,53% và 26 quỹ tín dụng nhân dân hoạt động hiệu quả tại 25 xã, chiếm tỷ lệ 17,73%.

Cũng theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ, hiện có gần 51 nghìn hộ được vay vốn ưu đãi, chỉ riêng trong năm 2019 số vốn đã giải ngân cho vay ưu đãi các chương trình, dự án đạt 1.255,4 tỷ đồng, bình quân đạt 25 triệu đồng/hộ. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh đáp ứng đời sống ngày một nâng cao.

Kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển và chuyển dịch đúng hướng

Khu vực nông thôn của thành phố hiện có 350.966 hộ, trong đó 87.749 hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 25% (năm 2011 là 42,85%) còn lại là hộ phi nông, lâm nghiệp và thủy sản và có 496 hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tiêu chí trang trại; như vậy cơ cấu ngành nghề của hộ khu vực nông thôn đã có sự thay đổi

khá rõ nét theo hướng tích cực: Tỷ trọng hộ sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ ngày càng tăng, tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giảm.

Cụ thể Hộ nông nghiệp toàn Thành phố có 82,7 nghìn hộ, chiếm tỷ trọng 90,98% tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 2,58 điểm %; Hộ lâm nghiệp: chiếm 0,02% và giữ ở mức ổn định; Hộ thủy sản có 5,4 nghìn hộ chiếm tỷ trọng 6,04% giảm 0,37 điểm % so với năm 2011. Điều này đã phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất tại khu vực nông thôn đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế của Thành phố trong thời gian qua. Năm 2010 giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt trên 6,3 nghìn tỷ đồng chiếm 9,05% cơ cấu GRDP toàn Thành phố, sau 5 năm (2015) đạt trên 9,8 nghìn tỷ đồng chiếm 7,52% cơ cấu, giảm 1,5 điểm %; sơ bộ năm 2020 đạt 12,7 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 2 lần so với năm 2010) và cơ cấu chiếm 4,6% tổng GRDP toàn Thành phố, giảm 2,9 điểm %.

Trong giai đoạn gần đây, dưới tác động của tốc độ đô thị hóa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp liên tục giảm, dịch chuyển cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp diễn ra mạnh mẽ, tỷ trọng đầu tư từ xã hội vào nông nghiệp giảm; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhưng ngành nông, lâm, thủy sản vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm. Từ năm 2010 đến nay, giá trị sản xuất (GTSX) tăng bình quân 2,1%/năm; GRDP bình quân đạt 2,84%/năm. GTSX năm 2010 toàn ngành đạt trên 12,6 nghìn tỷ đồng với cơ cấu nội bộ nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản lần lượt là 75,01% - 0,36% và 24,24%; năm 2020 sơ bộ

đạt trên 24,7 nghìn tỷ với cơ cấu tương ứng là 55,95% - 0,17% - 33,61%. Như vậy sau 10 năm, cơ cấu trong nội bộ nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã chuyển dịch đúng hướng theo tiềm năng và lợi thế của địa phương, đó là tăng nhanh tỷ trọng ngành thủy sản, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt trong GTSX.

Để ngành trồng trọt phát triển cân đối bền vững với mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu, trước sức ép của đô thị hóa (diện tích gieo trồng bình quân mỗi năm giảm 2,23 nghìn ha) Thành phố thực hiện các chính sách tiếp sức cho nông dân như cung cấp tín dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch đồng ruộng theo hướng quy vùng sản xuất hàng hoá, đến nay năng suất lúa đạt 6,42 tấn/ha tăng 7% (tương ứng tăng 4 tạ/ha) so với năm 2010; giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt năm 2019 đạt 121,9 triệu đồng/ha, theo đúng mục tiêu Đại hội Đảng bộ thành phố đề ra.

Đối với ngành chăn nuôi, hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại đang dần thay thế mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ ở hộ gia đình, tiếp tục đẩy nhanh phát triển theo phương thức công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của từng vùng. Tổng trọng lượng thịt hơi tăng đều trong giai đoạn 2010-2019, nhất là thịt gia cầm năm 2019 đạt 61,86 nghìn tấn gấp 2,33 lần; sản lượng trứng gia cầm ước đạt 361,82 triệu quả tăng gấp 1,53 lần so với năm 2010.

Đối với ngành thủy sản, nghề khai thác xa bờ phát triển nhanh. Đến nay, tổng số tàu thuyền toàn thành phố có trên 1,7 nghìn phương tiện với tổng công suất

215,84 nghìn CV, công suất bình quân đạt 124,2 CV/phương tiện đây là mức công suất đảm bảo cho năng lực vươn khơi bám biển khai thác dài ngày trên Vịnh Bắc bộ. Hoạt động khai thác tiếp tục xu hướng xa bờ, sử dụng các phương tiện, máy móc hiện đại như: Máy tằm ngư, định vị nhằm tăng hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó với vị trí địa lý ven biển, ngành nuôi trồng có nhiều lợi thế về đa dạng hóa các khu vực sản xuất nước mặn, lợ và nước ngọt; đẩy mạnh xu hướng nuôi trồng đa loài, đa loại hình và thân thiện với môi trường, tập trung phát triển vào những sản phẩm có tiềm năng thế mạnh như ngao, tôm thẻ, cá vược, thủy sản lồng bè,... Đến nay sản lượng thủy sản ngày càng gia tăng không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn cung cấp nguyên liệu chế biến xuất khẩu.

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và toàn dân, cùng với việc đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, ngành, đơn vị.

Hải Phòng đã chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động,

tạo sự đồng thuận, thống nhất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp. Cùng với đó là rất nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình được triển khai, đáp ứng nhu cầu bức thiết trong từng giai đoạn nhất định. Theo đó, hỗ trợ cho mỗi xã về đích nông thôn mới để hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng, mức hỗ trợ năm sau cao hơn năm trước, cụ thể: Xã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2017 được hỗ trợ bình quân 22 tỷ đồng/xã; xã đạt chuẩn năm 2018 bình quân 24 tỷ đồng/xã; xã đạt chuẩn năm 2019 bình quân 25 tỷ đồng/xã...

Tính đến năm 2019, thành phố đã có 100% số xã (139/139 xã) hoàn thành xây dựng nông thôn mới, vượt trước một năm so với kế hoạch của thành phố và chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao, (bình quân toàn quốc là 50,26% và vùng Đồng bằng sông Hồng là 83,69%).

Đặc biệt, ngày 8/10/2020 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1531/QĐ-TTg công nhận huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Cát Hải là huyện đầu tiên của thành phố Hải Phòng đạt chuẩn nông thôn mới. Hai huyện



An Dương và Kiến Thụy chuẩn bị hoàn thành; các huyện còn lại đang được đẩy nhanh tốc độ xây dựng huyện nông thôn mới.

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X (về nông nghiệp, nông dân, nông thôn); nông thôn, nông nghiệp Hải Phòng đã đạt được những kết quả vượt bậc, tạo ra sự gắn kết, liên kết chặt chẽ giữa đô thị, cảng biển hiện đại với nông thôn. Nông thôn Hải Phòng thực sự đổi thay, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, hiệu quả sản xuất được nâng cao; người nông dân đã thực sự trở thành chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, thụ hưởng những thành quả của đổi mới mang lại.

Bên cạnh những thành tích đạt được, còn có những tồn tại, hạn chế như: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất chưa mạnh sang sản xuất rau màu và cây ăn quả; công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp chậm hình thành; sản phẩm có thương hiệu còn ít. Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp có chuyển biến nhưng kết quả chưa cao. Tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn còn diễn biến phức tạp, chất thải rắn thu gom và xử lý bằng công nghệ đơn giản. Công tác điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới còn chưa kịp thời, phù hợp với tình hình mới.

Để “Nông thôn Hải Phòng phải là miền quê đáng sống”, tiếp tục xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu thúc đẩy, nâng cao chất lượng toàn diện, gắn với giảm nghèo bền vững, đời sống vật chất khá giả, môi trường sống an toàn, đời sống tinh thần phong phú, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc theo tinh thần Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019

của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hải Phòng phấn đấu đến năm 2025 có 100% số xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Thu nhập bình quân đầu người nông thôn tăng 2-2,5 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025) dưới 0,2%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch (như đô thị) đạt 100%.

Để phấn đấu đạt được những mục tiêu đó, thành phố đặt ra những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, đó là:

Một là, cụ thể hóa các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương vào điều kiện thực tiễn của thành phố để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới với tinh thần, trách nhiệm cao nhất.

Hai là, tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trong đó đặc biệt coi trọng việc không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện, hướng tới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

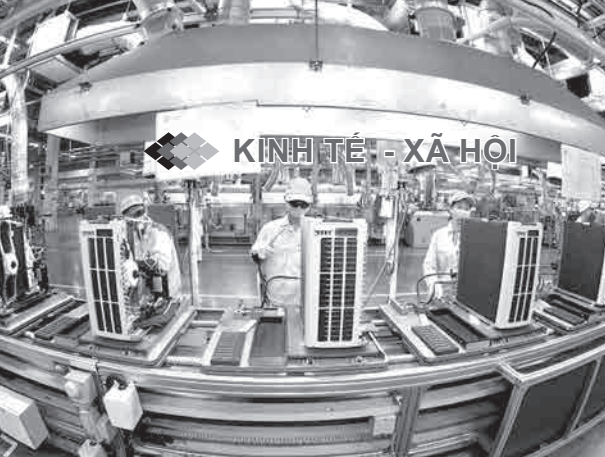
Ba là, xây dựng chi tiết quy hoạch phát triển các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp, các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng ưu tiên sản phẩm truyền thống, lợi thế vùng miền,

tận dụng năng lực nội sinh và gia tăng giá trị (các sản phẩm OCOP). Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới đảm bảo phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa của địa phương, quy hoạch vùng huyện. Xây dựng kế hoạch cụ thể phát triển đô thị gắn với gắn với xây dựng nông thôn mới đối với các huyện dự kiến phát triển thành quận.

Bốn là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ... Chú trọng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; xây dựng, nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất, mô hình kinh tế hiệu quả; tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn, các doanh nghiệp chế biến nông sản, các lĩnh vực tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn.

Năm là, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn cảnh quan môi trường nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp. Cải tạo, nâng cấp các khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung ở các xã, thị trấn trở thành khu xử lý rác thải thân thiện môi trường.

Sáu là, tiếp tục đầu tư hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ sở nông thôn, chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị; kết nối liên xã, huyện; xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các trung tâm cụm xã, các cụm công nghiệp, gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng, đảm bảo cho tiểu vùng trong huyện phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ... gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn./.



TIN ĐỊA PHƯƠNG

Hưng Yên:

Hoạt động đầu tư được duy trì và đảm bảo

Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên cho biết, tính chung 8 tháng đầu năm 2021, tổng vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt trên 2.359 tỷ đồng, tăng 75,9 tỷ đồng (3,33%) so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 708 tỷ đồng, tăng 0,88%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 856 tỷ đồng, giảm 0,54%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 794,9 tỷ đồng, tăng 10,32%.

Một số công trình, dự án có tiến độ và giá trị thực hiện lớn tiếp tục được đầu tư như: Dự án xây dựng đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376 ước thực hiện 17,5 tỷ đồng; Đường quy hoạch số 4, huyện Yên Mỹ - Giai đoạn 2 ước thực hiện 16,6 tỷ đồng; Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.385 km7+750 - km16+370 (đốc Nghĩa-Lương Tài) ước thực hiện 15,3 tỷ đồng; Giải phóng mặt bằng xây dựng đường ĐH.34 kéo dài, huyện Yên Mỹ ước thực hiện 15,2 tỷ đồng...

Về hoạt động đầu tư nước ngoài: Tính đến 20/8/2021, toàn tỉnh có 491 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 5.638.824 nghìn USD, trong đó, từ đầu năm đến nay có 7 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký là 134.421 nghìn USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: Nhật Bản có 170 dự án, vốn đăng ký là 3.439.262 nghìn USD, chiếm 60,99% tổng vốn đăng ký; Hàn Quốc có 142 dự án, vốn đăng ký 798.304 nghìn USD, chiếm 14,16%; Trung Quốc có 111 dự án, vốn đăng ký 748.192 nghìn USD, chiếm 13,27%.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên)

Nghệ An:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 8 tháng

đầu năm 2021 tăng khá so với cùng kỳ năm 2020

Theo Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, tính chung lại 8 tháng đầu năm 2021, chỉ số IIP toàn Tỉnh tăng 9,06%, trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 34,57%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,73%; sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,12%.

Một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng khá: Đá các loại 2,8 triệu m³, tăng 35,0% so với cùng kỳ năm 2020; dứa đóng hộp 6,5 nghìn tấn, tăng 35,9%; nước dứa tươi gần 2,0 triệu lít, tăng 23,6%; hàng thêu 1,3 triệu m², tăng 78,6%; phân urê 326,4 nghìn tấn, tăng 43,7%; phân NPK 84,5 nghìn tấn, tăng 36,7%; phân lân nung chảy 97,3 nghìn tấn, tăng 39,6%; modul camera 162,1 triệu cái, tăng 58,1%; kính máy ảnh 1,4 triệu cái, tăng 40,6%; xe ô tô chở hàng 5,6 nghìn chiếc, gấp 4,7 lần; cần gạt nước ô tô 9,3 triệu cái, tăng 61,7%; nước máy thương phẩm 28,2 triệu m³, tăng 17,2%.../.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An)

Thừa Thiên – Huế:

Vận tải hành khách và hàng hóa tháng 8/2021

đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2020

Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên – Huế cho biết, trong tháng 8/2021, lượng hành khách vận chuyển trên địa bàn Tỉnh ước đạt 956,3 nghìn hành khách, giảm 8,1% so với tháng trước và giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2020; hành khách luân chuyển đạt 45,0 triệu hành khách.km, giảm 5,7% so với tháng trước và giảm 18,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Dự ước hàng hóa vận chuyển tháng 8/2021 đạt 1.311,4 nghìn tấn, tăng 0,6% so với tháng trước và giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2020; hàng hóa



lưu chuyển đạt 117,8 triệu tấn.km, giảm 0,8% so với tháng trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Dự ước doanh thu vận tải, bốc xếp tháng 8/2021 đạt 250,6 tỷ đồng, giảm 0,9% so với tháng trước và giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2020./.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên – Huế)

Ninh Bình:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 8 tháng đầu năm 2021 tăng khá so với cùng kỳ năm 2020

Theo Cục Thống kê Ninh Bình, trong 8 tháng đầu năm 2021, doanh thu bán lẻ hàng hóa toàn Tỉnh ước thực hiện gần 22.436,3 tỷ đồng, tăng 21,3% so với 8 tháng 2020. Tất cả các nhóm hàng đều đạt mức tăng khá, cụ thể: lương thực, thực phẩm ước đạt trên 6.757,8 tỷ đồng, tăng 19,4%; hàng may mặc trên 1.697,9 tỷ đồng, tăng 24,2%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 2.496,2 tỷ đồng, tăng 16,7%; vật phẩm văn hoá, giáo dục 376,9 tỷ đồng, tăng 20,3%; gỗ và vật liệu xây dựng 3.710,2 tỷ đồng, tăng 19,1%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) 1.143,9 tỷ đồng, tăng 25,6%; phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng) 1.336,0 tỷ đồng, tăng 10,8%; xăng, dầu các loại 2.103,9 tỷ đồng, tăng 32,8%; nhiên liệu khác 486,8 tỷ đồng, tăng 22,3%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm 788,1 tỷ đồng, tăng 26,4%; hàng hoá khác 945,0 tỷ đồng, tăng 37,6%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác 593,6 tỷ đồng, tăng 22,1%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 8 tháng đầu năm 2021 ước đạt gần 3.166,7 tỷ đồng, tăng 33,6% so với cùng kỳ (trong đó: doanh thu lưu trú 222,3 tỷ đồng, tăng 30,5%; doanh thu dịch vụ ăn uống 2.944,4 tỷ đồng, tăng 33,8%); doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt gần 3,5 tỷ đồng, giảm 7,1%; doanh thu một số ngành dịch vụ khác 1.910,9 tỷ đồng, tăng 23,7%.../.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình)

Bình Định:

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 8 tháng đầu năm 2021 đạt khá

Cục Thống kê tỉnh Bình Định cho biết, tính chung 8 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn Tỉnh đạt khá: 1.129,8 triệu USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 873,1 triệu USD, tăng 22,2%, đạt 75,9% so kế hoạch năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm từ chất dẻo đạt 144,2 triệu USD, tăng 87%; sản phẩm gỗ đạt 325 triệu USD, tăng 46,1%; hàng thủy sản đạt 58,5 triệu USD, tăng 42,2%; sắn và sản phẩm từ sắn (chủ yếu tinh bột sắn) đạt 18,9 triệu USD, tăng 11,2%; xuất khẩu gạo đạt 39 triệu USD, tăng 8,4%. Trong khi đó gỗ đạt 145,6 triệu USD, giảm 5,6%; hàng dệt may đạt 98,6 triệu USD, giảm 15,6%; quặng và khoáng sản khác (chủ yếu là xuất khẩu đá, cát) đạt 32,6 triệu USD, giảm 1,9%; máy móc thiết bị phụ tùng đạt 0,8 triệu USD, giảm 5,5%; sản phẩm từ sắt thép đạt 0,3 triệu USD, giảm 40%.

Xuất khẩu trực tiếp 8 tháng đầu năm 2021 ước đạt 866,2 triệu USD, chiếm 99,2% kim ngạch xuất khẩu. Các mặt hàng được xuất khẩu đến 102 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 châu lục. Trong đó, Châu Á đạt 366,6 triệu USD, chiếm 42,3%; Châu Âu đạt 219,8 triệu USD, chiếm 25,4%; Châu Mỹ đạt 258,2 triệu USD, chiếm 29,8%. Chia theo quốc gia, Trung Quốc đạt 99,6 triệu USD, chiếm 11,5%; Nhật Bản đạt 91,7 triệu USD, chiếm 10,6%; Hồng Kông đạt 75,2 triệu USD, chiếm 8,7%; Đức đạt 67,3 triệu USD, chiếm 7,8%; Anh đạt 37,5 triệu USD, chiếm 4,3%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2021 ước đạt 256,7 triệu USD, tăng 26,9% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu hàng vải đạt 21,2 triệu USD, tăng 120,8% so cùng kỳ; nhập khẩu hàng thủy sản đạt 36,4 triệu USD, tăng 62,1%; nguyên phụ liệu dệt may đạt 55,2 triệu USD, tăng 44%; máy móc thiết bị đạt 42,4 triệu USD, tăng 31%.../.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bình Định)



HỆ THỐNG THỐNG KÊ QUỐC GIA TRONG CUỘC CÁCH MẠNG DỮ LIỆU

ThS. Lê Thị Thanh Huyền

Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế

“Cách mạng dữ liệu” giúp cung cấp dữ liệu phù hợp, kịp thời, có tính khả dụng cao làm bằng chứng cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách tốt hơn vì mục tiêu phát triển bền vững. Đây là một trong những mục tiêu, hành động cấp thiết của các quốc gia đang trên đường hội nhập và phát triển.

Thuật ngữ cách mạng dữ liệu (CMDL) được chính thức đề cập lần đầu tiên khi Tổng Thư ký Liên hợp quốc (LHQ) Ban Ki-moon thành lập Ban tư vấn cấp cao về chương trình nghị sự phát triển toàn cầu đến năm 2030. Theo đó, LHQ định nghĩa “CMDL là các hành động chuyển đổi cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của một chương trình phát triển phức tạp, cải tiến về cách thức sản xuất và sử dụng số liệu, thu hẹp khoảng cách dữ liệu để hạn chế sự phân biệt đối xử, nâng cao năng lực và hiểu biết về dữ liệu trong phân tích dữ liệu lớn và dữ liệu nhỏ, hiện đại hóa hệ thống thu thập dữ liệu, giải phóng dữ liệu để thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, phát triển các mục tiêu và chỉ tiêu mới”. Trong cuộc cách mạng dữ liệu này, cơ quan thống kê quốc gia đóng vai

trò mới đặc biệt quan trọng đó là “quản trị dữ liệu”, tuy nhiên không chỉ chính phủ các nước mà các cơ quan, tổ chức quốc tế, các cơ quan thống kê quốc gia mà khu vực tư nhân cũng cần tham gia vào CMDL.

Ứng dụng cách mạng dữ liệu trong hoạt động thống kê ở các nước

Đối với hoạt động thống kê, một cuộc CMDL thực sự sẽ dựa trên các nguồn dữ liệu hiện có và nguồn dữ liệu mới để tích hợp đầy đủ số liệu thống kê vào quá trình ra quyết định, thúc đẩy truy cập mở và sử dụng dữ liệu, cũng như đảm bảo tăng cường hỗ trợ cho các hệ thống thống kê. CMDL làm gia tăng đáng kể khối lượng dữ liệu số, được gọi là “dữ liệu lớn - big data” và không chỉ dừng lại ở đó, công nghệ tiên tiến đã giúp

giảm chi phí, tăng tốc độ thu thập và phổ biến số liệu, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về thông tin liên quan đến hoạt động thực tiễn. Nắm bắt các cơ hội mà cuộc CMDL mang lại, hệ thống thống kê quốc gia của các nước đã và đang áp dụng các công nghệ tiên tiến, phương pháp mới trong hoạt động thống kê để sản xuất số liệu thống kê chất lượng cao.

Tại kỳ họp lần thứ 45 của Ủy ban Thống kê LHQ đã quyết định thành lập Nhóm công tác toàn cầu của LHQ về Dữ liệu lớn phục vụ thống kê chính thức. Nhóm công tác đã phối hợp chặt chẽ với các quốc gia và các đối tác khu vực tư nhân tiến hành nghiên cứu sử dụng các nguồn dữ liệu phi truyền thống làm nguồn dữ liệu bổ sung cho số liệu thống kê chính thức. Kết quả nghiên cứu

cho thấy có thể thu được thông tin chi tiết bằng cách kết hợp dữ liệu từ các nguồn truyền thống - chẳng hạn như tổng điều tra, điều tra - với thông tin từ các nguồn dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn, dữ liệu mới.

Một số quốc gia đã tiên phong trong sử dụng nguồn dữ liệu phi truyền thống phục vụ mục đích thống kê, cụ thể: Thống kê Nam Phi đã sử dụng dữ liệu quét chi tiết từ các chuỗi bán lẻ làm dữ liệu đầu vào để tính chỉ số giá tiêu dùng; Thống kê Ca-na-đa sử dụng dữ liệu từ đồng hồ thông minh để theo dõi mức tiêu thụ điện; Nhóm Ngân hàng Thế giới phối hợp với chính phủ Cô-lôm-bi-a xem xét việc sử dụng hồ sơ chi tiết cuộc gọi để đo lường thu nhập và bất bình đẳng.

Bên cạnh đó, các cơ quan thống kê quốc gia còn áp dụng công nghệ mới trong thu thập số liệu thống kê thông qua sử dụng thiết bị phỏng vấn cá nhân có sự hỗ trợ của máy tính (CAPI) như máy tính bảng hoặc thiết bị cầm tay để nâng cao hiệu quả và mức độ chính xác của công tác thu thập dữ liệu điều tra và tổng điều tra. Ví dụ: Cơ quan thống kê quốc gia U-gan-đa đã áp dụng CAPI cho điều tra phân phối quốc gia năm 2011 - 2012, Ê-thi-ô-pi-a tiến hành Tổng điều tra Kinh tế-xã hội nông thôn năm 2013 - 2014 bằng CAPI, Nam Phi áp dụng CAPI trong điều tra Cộng đồng năm 2016, Sri Lan-ka tiến hành thử nghiệm CAPI cho các cuộc điều tra mẫu năm 2017. Việt Nam áp dụng CAPI trong điều tra giá, nghiên cứu về bạo hành phụ nữ năm 2019, điều tra Lao động việc làm và Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019.

Hệ thống thống kê quốc gia trong bối cảnh cách mạng dữ liệu

Hệ thống thống kê quốc gia bao gồm các tổ chức thống kê trong một quốc gia, thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý và phổ biến thông tin thống kê chính thức. Do đó, các cơ quan thống kê quốc gia là trung tâm cốt lõi của hệ sinh thái dữ liệu. Hệ sinh thái dữ liệu là sự kết hợp của cơ sở hạ tầng hoạt động và các ứng dụng được sử dụng để tổng hợp và phân tích thông tin. Một hệ sinh thái dữ liệu lớn hiện đại, được gọi là "ngăn xếp công nghệ", chứa ba yếu tố cơ bản gồm kiến trúc dữ liệu đáp ứng, phân phối trên quy mô lớn và quản lý dữ liệu thông minh dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI).

Trong bối cảnh của cuộc CMDL, hệ thống thống kê quốc gia hoạt động ngày càng mạnh, vai trò ngày càng thay đổi khi tiếp cận với các đối tác mới, áp dụng các phương pháp mới và trở thành một phần của hệ sinh thái dữ liệu lớn mới nổi. Hệ sinh thái dữ liệu này được hình thành từ nhiều cộng đồng người sản xuất và sử dụng dữ liệu ngoài hệ thống thống kê quốc gia, bao gồm cả cộng đồng xã hội dân sự, khu vực tư nhân, cộng đồng học thuật và khoa học, cũng như cộng đồng khu vực, quốc tế và các cơ quan của LHQ và các nhà sản xuất dữ liệu chuyên biệt.

Vai trò của hệ thống thống kê trong cuộc cách mạng dữ liệu

Trong cuộc CMDL hiện nay, ngoài vai trò là chủ thể thu thập, sản xuất và phổ biến thông tin thống kê, các cơ quan thống kê quốc gia cần tích cực phối hợp với các nhà sản xuất dữ liệu phi chính phủ, tìm kiếm các nguồn dữ liệu tốt nhất để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng người dùng tin. Xây

dựng quan hệ đối tác với các chủ thể dữ liệu mới là hết sức cần thiết để tận dụng triệt để lợi ích của CMDL và hiện đại hóa chức năng của hệ thống thống kê quốc gia. Cơ quan thống kê quốc gia cũng có thể cung cấp dịch vụ kiểm soát chất lượng, tư vấn về việc thực hiện đúng các tiêu chuẩn và sử dụng dữ liệu từ các cuộc tổng điều tra, điều tra và hồ sơ hành chính để ước tính "dựa trên cơ sở có thật" thu được từ dữ liệu lớn hoặc các nguồn phi tiêu chuẩn.

Sự tương tác giữa các cộng đồng được xác định bởi ràng buộc pháp lý, chính trị, công nghệ và tài chính, cũng như mối quan tâm chung trong việc tối đa hóa giá trị dữ liệu có sẵn thông qua hợp tác trao đổi các bên cùng có lợi. Với tư cách là cơ quan điều phối hệ thống thống kê quốc gia và nhà quản lý lượng lớn dữ liệu, các cơ quan thống kê quốc gia tạo ra giá trị thông qua giám sát việc sản xuất các số liệu thống kê đáng tin cậy và hỗ trợ những chủ thể khác trong giải thích ý nghĩa các số liệu thống kê đó. Với vai trò là chuyên gia về đo lường xã hội, kinh tế và môi trường, các nhà thống kê chính thức cung cấp dữ liệu đáng tin cậy và hữu ích phục vụ nghiên cứu, phân tích và hoạch định chính sách. Còn với vai trò là cơ quan độc lập, cam kết về tính minh bạch và tuân thủ các tiêu chuẩn, các cơ quan thống kê quốc gia đảm bảo chất lượng của số liệu thống kê chính thức và tạo niềm tin vào quy trình hoạch định chính sách.

Thách thức đối với hệ thống thống kê quốc gia trong cuộc cách mạng dữ liệu

Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững đặt ra

những thách thức to lớn cho các nhà thống kê, đòi hỏi một kiến trúc dữ liệu toàn cầu vì sự phát triển bền vững. Nhu cầu về dữ liệu ngày một tăng, cả dữ liệu quốc gia và khu vực, dữ liệu tổng hợp và dữ liệu phân tổ chi tiết.

Bên cạnh các tiêu chuẩn thông thường về độ tin cậy, tính kịp thời và phù hợp, tính nhất quán của cơ sở dữ liệu phát triển toàn cầu rất quan trọng, cần phải thống nhất theo thời gian và không gian. Chỉ khi dữ liệu được duy trì theo thời gian mới có thể sản xuất chuỗi số liệu cần thiết để đo lường nội hàm của quá trình phát triển. Và chỉ khi áp dụng các phương pháp nhất quán trên toàn thế giới, mới có thể so sánh giữa các quốc gia và châu lục, đảm bảo hỗ trợ toàn cầu sẽ đến được nơi cần nhất. Cuối cùng, chỉ khi các chính trị gia và người dùng tin thực sự sở hữu và tin tưởng vào số liệu thì họ mới thay đổi chính sách và suy nghĩ.

Để hiện thực hóa tham vọng của Chương trình nghị sự 2030, cần phải có hành động ở cấp địa phương, quốc gia, khu vực, toàn cầu và các cấp, các ngành. Hành động này phải được hỗ trợ bởi dữ liệu phù hợp với mục đích, tức là một kiến trúc dữ liệu toàn cầu, nơi dữ liệu được tạo ra ở địa phương và cấp quốc gia, được đánh giá về tính hợp lệ, sau đó được truyền tải

một cách hiệu quả đến các cấp quyết định khác nhau.

Thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi phải đầu tư vào thống kê và dữ liệu ở cấp quốc gia và quốc tế; nâng cao năng lực kỹ thuật và phương pháp luận mới; chuyển đổi hệ thống thống kê quốc gia để giúp các cơ quan thống kê quốc gia thực hiện vai trò mới là “các nhà quản lý dữ liệu chính”, điều phối và thẩm định thông tin quốc gia ngoài số liệu thống kê chính thức và tích hợp thông tin không gian địa lý và dữ liệu lớn; xây dựng một khung kiến trúc thống nhất để các bên liên quan đến dữ liệu khác nhau trên toàn cầu có thể làm việc cùng nhau một cách hiệu quả.

Trong cuộc CMDL, nhiều nguồn dữ liệu được sử dụng cho thống kê chính thức như dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn, dữ liệu cảm biến, viễn thám,...do đó yêu cầu chia sẻ dữ liệu, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư và ứng phó với các khó khăn kỹ thuật liên quan tới Dữ liệu lớn là những thách thức mà hệ thống thống kê luôn phải đối mặt. Bên cạnh môi trường pháp lý bảo vệ quyền riêng tư cũng cần có các quy định cụ thể cho phép các cơ quan thống kê quốc gia sử dụng dữ liệu lớn, dữ liệu vi mô nhạy cảm như bản ghi chi tiết cuộc gọi, ...

để phục vụ cho mục đích thống kê chính thức vừa đảm bảo uy tín và đạo đức nghề nghiệp, vừa giảm thiểu rủi ro rò rỉ thông tin cá nhân trong quá trình sử dụng.

Phương pháp phối hợp tốt hơn và quản trị phù hợp sẽ thu hút sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau trong hệ thống. Do đó, một hệ thống thống kê tốt là hệ thống thích ứng nhanh với những yêu cầu về tính kịp thời và tính phù hợp của số liệu, đồng thời tích hợp hài hòa hơn các giải pháp về kinh tế, xã hội và môi trường. Các nhà hoạch định chính sách và ra quyết định ngày càng ít tập trung vào một lĩnh vực số liệu thống kê cụ thể mà tìm kiếm nhiều hơn những số liệu thống kê ở nhiều lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn như tác động của dịch COVID-19 (số liệu thống kê hộ tịch) đối với các nền kinh tế (việc làm, GDP) và đối với xã hội (sức khỏe tinh thần, bạo lực gia đình, di cư). Đáp ứng nhanh và kịp thời các yêu cầu này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với hệ thống thống kê quốc gia.

Khuyến nghị đối với Thống kê Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập toàn diện, sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực của toàn cầu hóa, Thống kê Việt Nam không thể đứng ngoài quá trình phát triển của cuộc CMDL nếu muốn hoàn thiện và cải tiến hơn nữa quy trình sản xuất thông tin thống kê để tạo ra những thông tin chất lượng cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng đa dạng và phong phú của người dùng tin. Dưới đây là một số khuyến nghị nhằm tận dụng lợi thế mà CMDL mang lại cho hoạt động thống kê của Thống kê Việt Nam:



Một là, cần đầu tư hơn nữa vào các quy trình sản xuất và công nghệ mới, đồng thời cần thiết lập quan hệ đối tác với các chủ thể mới từ khu vực tư nhân, giới truyền thông và học thuật để tận dụng cuộc CMDL làm thời điểm thực hiện cú hích lớn cho các khoản đầu tư vào dữ liệu tốt hơn.

Hai là, cần xác định rõ và nắm bắt kịp thời vai trò mới là nhà quản trị dữ liệu cũng như tận dụng lợi ích mà vai trò mới mang lại trong bối cảnh CMDL. Thực hiện vai trò mới là nhà quản trị dữ liệu, danh tiếng của Tổng cục Thống kê sẽ nâng lên, là cơ hội để nâng cao nhận thức về dữ liệu truyền thống và các nguồn dữ liệu phi truyền thống phục vụ cho thống kê chính thức, tác động đến những tiêu chuẩn mà các cơ quan thu thập dữ liệu khác trong hệ thống nhà nước áp dụng.

Ba là, nắm bắt cơ hội của cuộc CMDL, tận dụng các nguồn dữ liệu phi truyền thống. Bên cạnh các nguồn dữ liệu truyền thống, khuyến khích đẩy mạnh sử dụng các nguồn dữ liệu phi truyền thống gồm dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn như dữ liệu điện thoại di động, dữ liệu vệ tinh, dữ liệu quét, dữ liệu giao dịch điện tử, dữ liệu ngân hàng, dữ liệu đo lường điện tử, ... Tổng cục Thống kê nên nắm bắt kịp thời những cơ hội này phục vụ cho hoạt động thống kê.

Bốn là, xác định mục tiêu và lĩnh vực cần đầu tư, hoàn thiện. Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam là cơ hội để đánh giá việc cung cấp số liệu thống kê hiện nay của Tổng cục Thống kê và định hình việc cung cấp dịch vụ trong tương lai. Bên cạnh hình thức phổ biến truyền thống, cần nghiên cứu và bổ sung thêm các hình thức phổ biến khác cập nhật xu hướng chung toàn cầu trong bối cảnh hiện tại như cung cấp dịch vụ truy cập dữ liệu vi mô cho các lĩnh vực nghiên cứu hoặc các trường đại học, trực quan hóa dữ liệu, dịch vụ bảo mật thông tin, sử dụng các công cụ mã hóa cho bảng phân ngành kinh tế, mã hóa địa lý. Tiến hành phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) về cung cấp dịch vụ hiện tại đồng thời so sánh việc cung cấp dịch vụ thống kê của Việt Nam với một cơ quan thống kê quốc gia khác mà mình mong muốn sánh ngang, có giai đoạn phát triển tương tự, nền văn hóa tương đồng. Đồng thời kịp thời nắm bắt cơ hội và lợi ích mà Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững mang lại. Đây là một chương trình phát triển có thể mang lại lợi ích cho Việt Nam và Thống kê Việt Nam khi và chỉ khi Tổng cục Thống kê xác định được đích cần đến và những lĩnh vực cần đầu tư, hoàn thiện./.

HOẠT ĐỘNG

M&A TOÀN CẦU TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ

Bích Ngọc

Bất chấp các tác động của đại dịch Covid-19 lên nền kinh tế của nhiều quốc gia, từ nửa cuối năm 2020 đến nay thị trường M&A thế giới đang có đà phục hồi mạnh mẽ với nhiều thương vụ đình đám.

Theo báo cáo xu hướng ngành M&A toàn cầu do Công ty kiểm toán PwC công bố vào tháng 2/2021, thị trường toàn cầu chứng kiến tăng trưởng mạnh về hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) trong nửa cuối năm 2020 với số thương vụ tăng 18% và tổng giá trị thương vụ tăng tới 94%, số giao dịch quy mô lớn (megadeal) tăng gấp đôi so với 6 tháng đầu năm.

Dữ liệu của Refinitiv cũng cho thấy, các hoạt động nhện nhíp trở lại trên thị trường M&A trong những tháng cuối năm 2020, giúp tổng giá trị các thương vụ M&A trên toàn cầu trong cả năm đạt mức 3.600 tỷ USD.

Ở cấp độ khu vực, theo PwC, so với 6 tháng đầu năm, số lượng thương vụ nửa cuối năm 2020



tại Châu Mỹ tăng 20%, tại khối các quốc gia Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi (EMEA) tăng 17%, tại Châu Á Thái Bình Dương tăng 17%. Tổng giá trị các thương vụ tại Châu Mỹ chứng kiến mức tăng lớn nhất lên tới trên 200%, phần lớn nhờ vào các giao dịch quy mô lớn diễn ra vào nửa cuối năm. Trong năm 2020, có tới 8/10 thương vụ M&A lớn nhất được chốt trong nửa cuối năm, trong đó có thể kể đến những thương vụ đình đám như hãng chip Nvidia (Mỹ) mua lại hãng thiết kế chip Arm Holdings của Anh từ Tập đoàn SoftBank (Nhật Bản) với trị giá 40 tỷ USD. Hãng chip AMD (Mỹ) thôn tóm đối thủ Xilinx với giá 35 tỷ USD. S&P Global của Mỹ chi 44 tỷ USD mua lại hãng nghiên cứu thị trường IHS Markit của Anh. Hãng dược AstraZeneca (Anh) bỏ ra 39 tỷ USD để sáp nhập hãng công nghệ sinh học Alexion (Mỹ)...

Điều đáng chú ý là ngành công nghệ đã dẫn dắt thị trường

M&A trong năm qua cả về số lượng và giá trị giao dịch. Chỉ trong cuối năm 2020, số thương vụ công nghệ tăng 34% và tăng 118% về giá trị. Số lượng thương vụ viễn thông tăng 15% với giá trị tăng đáng kể gần 300% nhờ có 3 thương vụ quy mô lớn. Theo phân tích của PwC, sở dĩ có sự trỗi dậy của ngành công nghệ trong thị trường M&A toàn cầu là do trong bối cảnh và thách thức mới của dịch bệnh Covid-19 đang tạo ra những nhu cầu và cơ hội đặc thù dành cho các dịch vụ công nghệ và kỹ thuật số, giúp hỗ trợ cho xã hội và doanh nghiệp nhanh chóng phục hồi sau đại dịch. Cùng với đó, trong sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0, việc liên tục đẩy nhanh tiến trình số hóa đã trở nên cấp thiết đối với các ngành kinh tế. Hơn nữa, nhu cầu đặt ra về tốc độ số hóa đã khiến nhiều doanh nghiệp ưu tiên chiến lược mua lại thay vì tự xây dựng (buy-versus-build),

để có được cơ sở hạ tầng kinh doanh cần thiết, giúp tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Bước sang năm 2021, đúng như kỳ vọng của nhiều chuyên gia kinh tế, thị trường M&A toàn cầu vẫn tiếp tục sôi động do lãi suất thấp, cổ phiếu tăng cao và nhiều công ty tập trung vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh giữa bối cảnh các nền kinh tế lớn trên thế giới đang phục hồi sau khi triển khai chiến dịch tiêm vaccine ngừa Covid-19. Theo số liệu phân tích của Refinitiv, tổng giá trị của các giao dịch M&A đang chờ xử lý và hoàn tất được công bố trong giai đoạn từ tháng 1-5/2021 đạt mức cao kỷ lục 2.400 tỷ USD. Chỉ tính riêng tháng 5 vừa qua, giá trị các vụ M&A toàn cầu đạt khoảng 532,9 tỷ USD, mức cao nhất so với cùng kỳ của các năm trước. Tính theo khu vực, Mỹ ghi nhận số vụ M&A với tổng giá trị lớn nhất thế giới trong giai đoạn từ đầu năm đến nay, đạt 1.300 tỷ USD,

tiếp đến là châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương khi lần lượt đạt 411 tỷ USD và 387 tỷ USD.

Về số thương vụ, trong 5 tháng đầu năm nay, tổng cộng có 428 thương vụ M&A với giá trị mỗi thương vụ hơn 1 tỷ USD, cao hơn nhiều lần so với con số 131 vụ trong cùng kỳ năm trước. Số thương vụ trong lĩnh vực công nghệ vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số thương vụ hoàn tất, đặc biệt là trong quý 2/2021. Một trong những thương vụ M&A đình đám có thể kể đến là việc hai công ty O2 và Virgin Media tuyên bố sáp nhập thành một doanh nghiệp viễn thông có giá trị 31 tỷ bảng Anh (gần 44,5 tỷ USD) vào ngày 7/5. Virgin Media vốn là một công ty viễn thông của Anh, chuyên cung cấp các dịch vụ điện thoại, truyền hình và Internet, hiện có khoảng 6 triệu khách hàng thuê bao dịch vụ cáp và hơn 3 triệu khách hàng thuê bao di động. Trong khi đó, O2 là nhà điều hành mạng điện thoại di động lớn nhất của Vương quốc Anh với khoảng 36,6 triệu khách hàng trên các mạng của mình, bao gồm Giffgaff, Tesco Mobile, Sky Mobile và Lycamobile. Giới chuyên gia cho rằng thương vụ sáp nhập hai công ty sẽ gây dựng nên một "gã khổng lồ" trong cung cấp dịch vụ Internet và di động lớn nhất nước Anh với 46 triệu thuê bao video, băng thông rộng và di động, trong khi doanh thu chung của họ trị giá 11 tỷ bảng Anh... Ngoài ra, việc sáp nhập sẽ tạo ra khoản tiết kiệm 6,2 tỷ bảng Anh, chủ yếu từ việc giảm chi tiêu vốn.

Cũng trong tháng 5/2021, với nỗ lực thúc đẩy tăng doanh thu sau khoảng 10 năm hoạt động, công ty cung cấp ứng dụng gọi

xe Gojek và công ty thương mại điện tử Tokopedia của Indonesia tuyên bố sáp nhập để tạo thành một công ty mới có tên gọi GoTo Group. Thương vụ sáp nhập này giữa có giá trị lên tới 18 tỷ USD và sẽ tạo ra một công ty Internet lớn nhất ở đất nước đông dân thứ 4 thế giới, với các mảng kinh doanh trải rộng trên khắp các lĩnh vực từ gọi xe, thanh toán số cho đến thương mại điện tử, giao hàng. Gojek và Tokopedia cho biết, sự kết hợp của họ sẽ tạo ra một hệ sinh thái bổ sung cho nhau và riêng biệt trên toàn cầu giữa lúc họ tìm cách gia tăng cạnh tranh với Grab và nền tảng thương mại điện tử Shopee thuộc sở hữu của Sea Group (Singapore).

Trong tháng 5/2021, thị trường M&A toàn cầu còn được chứng kiến thương vụ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Energy (thuộc BCG Group) chuyển nhượng 49% cổ phần công ty con của mình hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời áp mái là Skylar Energy cho SP Group của Singapore. SP Group hiện sở hữu, vận hành các doanh nghiệp lưới truyền tải, phân phối điện cùng như khí đốt ở Singapore và Australia, chuyên cung cấp giải pháp tổng thể về năng lượng bền vững. Việc nhận chuyển nhượng 49% cổ phần sẽ giúp Tập đoàn điện lực đến từ Singapore SP Group có một bước tiến nhanh vào mảng năng lượng tái tạo tại Việt Nam, hỗ trợ mục tiêu đầy tham vọng của Việt Nam là tăng tỷ lệ điện sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo lên khoảng 30% vào năm 2030. Năm 2020, Skylar đã lắp đặt gần 50 MW năng lượng mặt trời áp mái tại nhiều tỉnh, thành phố khắp Việt Nam. Giai đoạn 2021-

2022, Skylar dự kiến sẽ tiếp tục triển khai thêm 250 MWp điện mặt trời áp mái tại các nhà máy, khu công nghiệp Việt Nam.

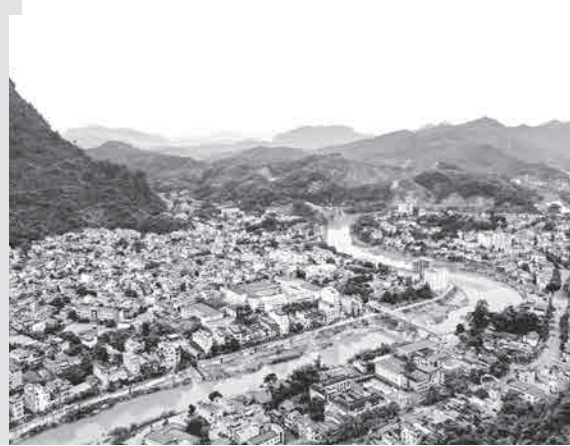
Theo đánh giá của các chuyên gia, dù đại dịch Covid-19 vẫn đang tạo ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế của nhiều quốc gia, song hoạt động giao dịch M&A những tháng cuối năm 2021 sẽ còn tiếp tục sôi động do việc tăng tốc số hóa và chuyển đổi đang trở thành ưu tiên hàng đầu của nhiều doanh nghiệp hậu Covid-19. Trong một cuộc khảo sát của PwC, 76% lãnh đạo doanh nghiệp cho biết, họ có kế hoạch phân bổ nhiều nguồn lực hơn cho chuyển đổi kỹ thuật số, đặc biệt trong phân tích dữ liệu, tự động hóa, đám mây, trải nghiệm khách hàng và chuyển đổi sản phẩm và dịch vụ. Bên cạnh đó, có 53% doanh nghiệp cho biết sẽ phân bổ nhiều hơn cho hoạt động M&A như một cách để đạt được các ưu tiên chiến lược chính của mình.

Tập đoàn nghiên cứu thị trường Euromonitor International dự báo hoạt động M&A đặc biệt sẽ tăng vọt tại khu vực Đông Nam Á trong năm 2021, vượt qua Mỹ và Trung Quốc - hai quốc gia dẫn đầu về số lượng giao dịch M&A toàn cầu, chiếm tới 38%. Các quốc gia như: Philippines và Việt Nam được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng nhanh, khoảng 26%. Thị trường M&A hứa hẹn sẽ nóng bỏng trong lĩnh vực truyền thông, mạng lưới phân phối, bán lẻ, bất động sản, công nghệ, sáng tạo...

Sự sôi động trở lại của thị trường M&A sẽ là niềm tin để nền kinh tế toàn cầu phục hồi trong trạng thái bình thường khi đại dịch vẫn đang có nhiều diễn biến phức tạp./.



SỨC VƯỜN LÊN CỦA MỘT THÀNH PHỐ TRẺ



Thành phố Hà Giang được thành lập ngày 27/9/2010 trên cơ sở mở rộng và nâng cấp thị xã Hà Giang. Hơn 10 năm xây dựng và phát triển, thành phố Hà Giang đã đạt được những thành tựu toàn diện trên tất cả các lĩnh vực và luôn là ngọn cờ đầu, tiên phong trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với tầm nhìn xây dựng thành phố Hà Giang trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, Thành phố tập trung điều chỉnh bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch phát triển, đảm bảo gắn kết, thống nhất với quy hoạch phát triển tổng thể và quy hoạch ngành của Tỉnh; tổ chức công bố công khai các nội dung chính, trọng tâm trong các quy hoạch để nhân dân biết và tổ chức thực hiện nghiêm các quy hoạch đã phê duyệt.

Được sự quan tâm của Trung ương và Tỉnh, trên địa bàn Thành phố đang triển khai nhiều dự án lớn trọng điểm như: Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)" - tiểu dự án tại Hà Giang Giang; Dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 2 đoạn từ km284+600 đến km285+995; Dự án Khu liên hợp thể thao và văn hóa tỉnh (giai đoạn 1); Dự án Mở rộng nghĩa trang xã Ngọc Đường; Dự án Đường lên trận địa và đài quan sát phòng không núi Mỏ Neo; Dự án Khu trung tâm thương mại, khách sạn và nhà ở thương mại Shop-House Hà Giang... Đây là những dự án hạ tầng quan trọng, góp phần thay đổi diện mạo đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế của Thành phố nói riêng và tỉnh Hà Giang

nói chung. Do đó, thời gian qua, Thành phố và các đơn vị liên quan đã đẩy mạnh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các gói thầu; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án, quyết tâm không để chậm tiến độ phải trả lại vốn.

Song song với các dự án lớn, Thành phố huy động, lồng ghép các nguồn lực đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện việc chỉnh trang đô thị, nâng cấp hệ thống giao thông, điện chiếu sáng khu dân cư, ngõ xóm. Nhờ vậy, bộ mặt đô thị Hà Giang ngày càng khang trang hơn, hoàn thiện hơn, nhiều công trình lớn có quy mô lớn, hiện đại được hình thành.

Trên cơ sở kết cấu hạ tầng ngày một đồng bộ, Thành phố đã tập trung triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, trong đó tập trung vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch. Cụ thể, Thành phố tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá tiềm năng, thể mạnh, đưa các sản phẩm OCOP vào thị trường tiêu thụ; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, thiết lập trật tự kỷ cương trong kinh doanh thương mại, dịch vụ; thu hút và khuyến khích phát triển các hình thức thương mại hiện đại như siêu thị, thương mại điện tử. Các loại hình dịch vụ vận tải, tín dụng, khám, chữa bệnh, vui chơi giải trí phát triển mạnh, chất lượng dịch vụ được nâng lên đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của xã hội.

Trong 5 năm trở lại đây, du lịch thành phố Hà Giang đã có sự

lột xác và thay đổi từng ngày. Với định hướng trở thành điểm dừng chân, tiếp đón du khách trên hành trình khám phá Cao nguyên đá và nhiều danh thắng khác trong toàn tỉnh, Thành phố đã tập trung vào việc phát triển các dịch vụ lưu trú, trung tâm mua sắm và thưởng thức ẩm thực địa phương. Đến với Hà Giang hôm nay, dạo quanh các phố phường không khó để bắt gặp những Trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp, hay những làng văn hóa du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hấp dẫn... Sự chuyển mình đúng hướng trong lĩnh vực du lịch đã mang lại nguồn lợi giúp kinh tế địa phương phát triển và tạo nhiều cơ hội để người dân vươn lên làm giàu.

Hơn 10 năm không phải là khoảng thời gian dài nhưng cũng đủ để đánh giá và ghi nhận về sự phát triển cùng những thành tựu mà Thành phố đã đạt được: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tiềm lực phát triển kinh tế được nâng lên; sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị trên một đơn vị diện tích; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; các hoạt động văn hoá - xã hội chuyển biến tích cực; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Với những thành tích đạt được thành phố Hà Giang được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương lao động hạng Nhất, hạng Ba, Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ và nhiều Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh./.

Trịnh Long



GIẢM NGHÈO - CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở HUYỆN MÈO VẠC TỈNH HÀ GIANG

Cụ thể hóa việc thực hiện chương trình giảm nghèo bằng nghị quyết, kế hoạch hành động

Bên cạnh việc chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách về giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh, những năm qua, huyện Mèo Vạc đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình và kế hoạch hành động để nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị, xã hội và người dân đối với công tác giảm nghèo, đồng thời thực hiện mục tiêu giúp người nghèo thay đổi nếp nghĩ, từng bước thoát nghèo bền vững. Ngay từ năm 2014, huyện ủy Mèo Vạc đã ban hành Kế hoạch số 127-KH/HU ngày 13/3/2014 về việc thực hiện giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo, phân công cho từng cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức, viên chức, đảng viên giúp đỡ, theo dõi trực tiếp từ 01 hộ nghèo trở lên. Kế hoạch số 127-KH/HU của huyện ủy Mèo Vạc tập trung vào việc giúp hộ nghèo lập kế hoạch phát triển kinh tế, tạo thu nhập và nâng cao khả năng tiếp thu, tiếp cận thông tin và áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhà nước trong công tác giảm nghèo: Nghị quyết số 09-NQ/HU, ngày 30/7/2016 về thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững đoạn 2016-2020. Và sau một thời gian thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU cho thấy hiệu quả tích cực, để nhân rộng mô hình giúp đỡ này, trong năm 2018, huyện ủy Mèo Vạc đã ban hành văn bản số 1992-CV/HU, ngày 06/11/2018 về việc phân công cán bộ, đảng viên giúp đỡ hộ nghèo, trong đó đã chỉ đạo các Đảng bộ, chi bộ rà soát và phân

Mèo Vạc là huyện thuộc vùng cao núi đá của tỉnh Hà Giang, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội rất khó khăn, do vậy trong nhiều năm qua Chương trình giảm nghèo luôn được coi là trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Huyện với nhiều giải pháp thực hiện hiệu quả.



công toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên thuộc các cơ quan tổ công tác, cơ quan phụ trách xã/thị trấn và cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trên địa bàn xã/thị trấn chịu trách nhiệm giúp đỡ, hỗ trợ từ 01 đến 02 hộ nghèo. Đến nay, sau hơn 05 năm thực hiện chủ trương “Đảng viên, đơn vị giúp đỡ hộ nghèo” đã có trên 6.976 hộ nghèo được giúp đỡ hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần, có 5.740 hộ thoát nghèo, trong đó: có 4.882 hộ nghèo đã vươn lên thoát nghèo bền vững.

Nâng cao thu nhập cho người lao động thông qua đẩy mạnh hoạt động dạy nghề và kết nối cung cầu lao động

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, tạo ra thu nhập cho người lao động, luôn được huyện Mèo Vạc coi là giải pháp quan trọng để giảm nghèo bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thời gian

qua, Huyện đã sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Trung ương, của Tỉnh phục vụ cho công tác dạy nghề, ban hành nhiều chính sách khuyến khích người lao động tham gia học nghề. Chuyển hướng hoạt động đào tạo nghề từ việc đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động và yêu cầu của thị trường lao động. Giai đoạn 2016 -2020 đã có trên 4,8 nghìn lao động được học nghề, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn Huyện đến cuối năm 2020 đạt 45%, trong đó tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đạt 38%. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói chung và lao động nghèo nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực, trên 80% lao động sau khi học nghề đã tự tạo việc làm mới hoặc tăng năng suất lao động, góp phần tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động, thúc đẩy giảm nghèo

bền vững. Các mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm có hiệu quả được nhân rộng ra ở nhiều địa phương trong Huyện, như dạy nghề thông qua các mô hình: kỹ thuật chăn nuôi lợn, nghề kỹ thuật trồng lúa, ngô lai, rau, làm khèn mông, cắt may trang phục các loại...

Để đào tạo nghề gắn liền với giải quyết việc làm, Huyện luôn chú trọng đến công tác giới thiệu việc làm, kết nối cung cầu lao động. Thông tin việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động, các chính sách đãi ngộ của các doanh nghiệp... được truyền tải thường xuyên, liên tục đến với người lao động thông qua nhiều hình thức như: Qua đội ngũ tuyên truyền viên; tin, bài, chuyên trang phát thanh truyền hình; thông báo tuyển dụng; tuyên truyền tại các chợ phiên; hệ thống loa truyền thanh cơ sở... Nhờ đó, đã có gần 2,3 nghìn lao động tìm được việc làm tại các công ty, doanh nghiệp ngoài tỉnh và đi xuất khẩu lao động. Đặc biệt, đã có trên 1,3 nghìn người đi làm việc tại Trung Quốc theo *"Biên bản thỏa thuận về quản lý lao động qua biên giới"*. Theo đánh giá, công tác hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Chương trình này đã giải quyết được vấn đề bức xúc, nổi cộm về lao động trái phép qua biên giới, cũng như tạo điều kiện để người lao động được đi làm việc hợp pháp, có thu nhập, qua đó vươn lên thoát nghèo.

Và những kết quả đáng ghi nhận

Với việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và đúng quy định, trong đó đặc biệt là những giải pháp như đã nói ở trên, công tác giảm nghèo của huyện Mèo Vạc đã thu được những kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo toàn Huyện giảm từ 66,01% năm 2016 xuống còn 35,99% năm 2020 và giảm 30,02% so với cuối năm 2015; tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm đạt 6%/năm, trong đó các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới tỷ lệ giảm bình quân hàng năm đạt 6,2%/năm (từ 69,74% đầu năm 2016 giảm xuống còn 38,73% cuối năm 2020).

Những kết quả của công tác giảm nghèo đã góp phần giúp huyện Mèo Vạc thực hiện thắng lợi nhiều chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn Huyện tiếp tục được tăng cường đầu tư, hoàn thiện; đời sống của người dân đặc biệt là người nghèo, hộ nghèo từng bước được cải thiện, người dân được tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản; an sinh xã hội và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, bộ mặt nông thôn khởi sắc, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên./

Thành Nam

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG...

(Tiếp theo trang 13)

Tuy nhiên, với không ít doanh nghiệp, đầu tư cho sản xuất xanh vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là về nguồn vốn. Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, đặc biệt với khối doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó trong việc tiếp cận với các nguồn vốn từ ngân hàng thương mại cho các dự án đổi mới, thay thế công nghệ và thiết bị có hiệu năng sử dụng năng lượng cao; cơ chế chính sách hỗ trợ giá điện tái tạo chưa có định hướng cụ thể dẫn dắt, chính sách chưa nhất quán và thiếu đồng bộ nên các chủ đầu tư thường rơi vào thế bị động; thiếu cơ sở hạ tầng đồng bộ và phù hợp cho phát triển năng lượng tái tạo trong khi năng lực quản lý và hỗ trợ đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, tại địa phương còn yếu kém... Báo cáo của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước) cho thấy, đến hết quý I/2021, dư nợ cấp tín dụng đối với các dự án xanh là gần 335 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,6% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tăng 0,46% so với năm 2020. Trong đó, tín dụng xanh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp xanh, chiếm hơn 39% tổng dư nợ tín dụng xanh; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm 37%. Tuy nhiên việc triển khai cung ứng vốn cho các doanh nghiệp phát triển xanh, bảo vệ môi trường vẫn cần quyết liệt hơn nữa.

Để huy động được đầu tư tư nhân, theo các chuyên gia, các chính sách của Chính phủ cần có tầm nhìn dài hạn hơn thay vì các chính sách ngắn hạn có tầm nhìn 5 năm để tạo sự tin tưởng của khối tư nhân. Hiện rất nhiều các khoản đầu tư của tư nhân nhưng chỉ ngắn hạn trong thời gian 4-5 năm, sau đó họ chuyển sang các lĩnh vực khác do lo sợ về rủi ro về mặt chính sách.

Có thể nói, chuyển đổi nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế xanh là xu hướng nhiều quốc gia trên thế giới đang hướng tới. Việt Nam đang đặt ra nhiều ưu tiên cho việc xây dựng nền kinh tế xanh và rất cần thu hút các nguồn vốn đầu tư vào các dự án phát triển bền vững. Vì vậy, cần có những sáng kiến và giải pháp đột phá để huy động đầu tư tư nhân vào các dự án mang lại hiệu quả về môi trường, xã hội và quản trị. Qua đó, góp phần tạo việc làm, đóng góp vào tăng trưởng toàn diện cũng như giúp Việt Nam hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) vào năm 2030./



BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐỒNG VĂN: Không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng khám chữa bệnh

Xác định nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh là khâu đột phá và lấy sự hài lòng của người bệnh làm tiêu chuẩn đánh giá, những năm qua, Bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện Đồng Văn đã thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ y tế, đầu tư trang thiết bị y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng khang trang, sạch đẹp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân các dân tộc trên địa bàn.

BVĐK huyện Đồng Văn là bệnh viện hạng II có quy mô 120 giường kế hoạch, bao gồm 15 khoa lâm sàng, 4 khoa cận lâm sàng, 4 phòng chức năng và 2 phòng khám đa khoa khu vực với hơn 110 cán bộ, viên chức, người lao động. Đồng Văn là một huyện nghèo còn nhiều khó khăn thách thức, song những năm trở lại đây, BVĐK huyện Đồng Văn đã đạt được nhiều thành tích trong công tác khám chữa bệnh. Trong năm 2020, Bệnh viện đã khám cho gần 22.180 lượt bệnh nhân (tăng 21% so với năm 2019); tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú là 8.933 lượt người (bằng 98% so với năm 2019) với tổng số ngày điều trị là 46.291 ngày (bằng 93% so với năm 2019). Trong năm 2020, Bệnh viện đã tiếp nhận và điều trị thành công bệnh nhân Covid-19 (ca bệnh số 268) và triển khai tốt các giải pháp giãn cách chống dịch góp phần khống chế dịch bệnh trên địa bàn.

Với phương châm lấy sự hài lòng của người bệnh là mục tiêu hàng đầu, Ban Giám đốc đã xây dựng kế hoạch dài hạn để cải tiến chất lượng bệnh viện; rà soát



Các y, bác sĩ BVĐK huyện Đồng Văn thăm, khám bệnh nhân.

Ảnh Báo Hà Giang

từng tiêu chí để có giải pháp cụ thể, tiếp tục duy trì các tiêu chí đạt mức cao, cải tiến các tiêu chí ở mức thấp. Bên cạnh đó, Bệnh viện đẩy mạnh việc thi đua thực hiện Chỉ thị 05 về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với những nhiệm vụ trọng tâm là “Đổi mới tinh thần, thái độ phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Theo đó, người bệnh khi vào viện được tiếp đón niềm nở, nhiệt tình, được phổ biến nội quy, quyền lợi và nghĩa vụ. Bệnh viện có đội ngũ nhân viên y tế hướng dẫn, phân loại tình trạng bệnh, không để xảy ra tình trạng người bệnh phải chờ quá lâu, có sự linh hoạt điều chỉnh người bệnh giữa các buồng khám hoặc tăng cường cán bộ khám khi có số lượng người bệnh đông. Bệnh viện đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các hoạt động như đầu

tư hệ thống lấy số thứ tự khám tự động, trang bị máy tính mới cấu hình tốt để phục vụ người bệnh tốt hơn, nhanh hơn.

Trong công tác khám, chữa bệnh, Bệnh viện đã nghiêm túc thực hiện quy chế chuyên môn về cấp cứu, hội chẩn, khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, kê đơn điều trị, thực hiện nghiêm chế độ trực nhằm giải quyết kịp thời tất cả những trường hợp cấp cứu. Trong thời gian điều trị, người bệnh được hướng dẫn tận tình, chăm sóc chu đáo, được theo dõi và xử lý kịp thời những diễn biến của bệnh; qui trình khám, chữa bệnh luôn đảm bảo nguyên tắc phòng dịch covid 19 của Bộ Y tế.

Một trong những giải pháp quan trọng để xây dựng và giữ vững niềm tin với người bệnh đó là không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực y tế. Thông qua



BVĐK huyện Đồng Văn triển khai dịch vụ “nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng” từ tháng 8/2020 để phục vụ nhân dân tốt hơn góp phần giảm tải tuyến trên

các chương trình của Bộ Y tế (đặc biệt là Đề án 585), Bệnh viện đã cử nhiều cán bộ tham gia học tập dài hạn tại các trường đại học hoặc tại các bệnh viện tuyến trên. Đến nay, Bệnh viện đã có 29 bác sĩ trong đó có 01 bác sĩ CKII, 12 bác sĩ CKI, 06 bác sĩ đa khoa, 06 bác sĩ CK sơ bộ, 04 bác sĩ y học cổ truyền.

Song song với đó, Bệnh viện đã triển khai thêm được các dịch vụ kỹ thuật cận lâm sàng mới như: định lượng HDL-C, định lượng LDL-C, định nhóm máu RhD, đo hoạt độ GGT...; ứng dụng có hiệu quả nhiều tiến bộ kỹ thuật vào chẩn đoán và điều trị; thực hiện thành công nhiều ca bệnh khó mà trước đây phải chuyển tuyến trên, giúp bệnh nhân có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng ngay từ tuyến đầu.

Bác sĩ CKII Sấn Văn Cương - Giám đốc BVĐK huyện Đồng Văn cho biết: *“Thời gian tới, Bệnh viện tiếp tục đầu tư mua sắm một số trang thiết bị thiết yếu theo kế hoạch. Đồng thời, do lượng bệnh nhân nhi chiếm tỷ trọng lớn nên Bệnh viện đã ký kết hợp tác chuyển giao kỹ thuật cao với Bệnh viện Nhi Trung ương để đào tạo, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Khoa Nhi của bệnh viện, ưu tiên cho bệnh nhi lên hàng đầu”.*

Cùng với việc làm tốt công tác khám chữa bệnh, BVĐK huyện Đồng Văn đặc biệt quan tâm, đầu tư xây dựng Bệnh viện “Xanh - Sạch - Đẹp” qua việc triển khai trồng cây xanh tạo bóng mát, đặt thêm ghế đá ở những nơi phù hợp cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân có thể ngồi thư giãn... Với tất cả những nỗ lực nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, BVĐK Đồng Văn thực sự trở thành điểm sáng trong ngành y tế tỉnh Hà Giang./.

Đình Đình

Xuất phát từ thực trạng đó, những năm gần đây, để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người dân và phòng chống dịch bệnh, Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn đặc biệt chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng chống dịch bệnh, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe, cũng như thông tin về tình hình dịch bệnh, các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đến với người dân. Theo số liệu báo cáo, từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2021, Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn đã thực hiện 3294 lượt tin bài truyền thông giáo dục sức khỏe đăng tải, phát thanh trên các phương tiện như: Đài phát thanh và trang thông tin điện tử của huyện; loa truyền thanh xã, bản; website của ngành; bản tin giáo dục sức khỏe tỉnh Hà Giang... Ngoài ra, hàng năm, cán bộ y tế của Trung tâm còn thực hiện hàng nghìn lượt truyền thông trực tiếp cho hàng chục nghìn lượt người dân thông qua các hình thức như: Tư vấn sức khỏe, nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm...

Cùng với đẩy mạnh công tác truyền thông, Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn luôn khắc phục khó khăn, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khám chữa bệnh ban đầu cho người dân. Trung tâm đã xây dựng bộ máy tổ chức ổn định tại các khoa, phòng và trạm Y tế xã, đồng thời thực hiện tốt quy chế phối hợp với phòng Y tế và Bệnh viện Đa khoa huyện trong việc triển khai các hoạt động y tế. Trung tâm cũng đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cho đội ngũ y, bác sĩ, kết hợp với tăng cường giáo dục y đức và thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế; thực hiện xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp tại các trạm Y tế xã, nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án bác sĩ gia đình trên địa bàn huyện.





NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI DÂN TRÊN CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN

Nằm ở vùng cao biên giới của tỉnh Hà Giang, Đồng Văn là một trong số 56 huyện nghèo nhất cả nước, dân số trên 75 nghìn người, phần lớn là đồng bào dân tộc Mông. Dân cư phân tán, trình độ dân trí thấp, người dân thiếu kiến thức và ý thức phòng chống dịch bệnh, đây là rào cản lớn đối với công tác y tế trên địa bàn Huyện, nhất là trong bối cảnh dịch Covid -19 đang bùng phát phức tạp trên phạm vi cả nước.



Đoàn thanh niên Trung tâm Y tế KCB tại xã Xà Phìn, huyện Đồng Văn

Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn luôn chủ động mở các đợt tiêm chủng, khám, chữa bệnh ban đầu để ngăn ngừa, phát hiện kịp thời dịch bệnh; tranh thủ sự ủng hộ, quan tâm của các cấp, các ngành để tiếp tục đầu tư hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho công tác y tế, nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phòng, chống dịch bệnh.

Nhờ làm tốt công tác "Phòng bệnh hơn chữa bệnh" nên Trung tâm đã thực hiện hiệu quả công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em.

Công tác phòng, chống sốt rét, lao và các bệnh lây nhiễm được triển khai đồng bộ, mang lại hiệu quả thiết thực, kiến thức và ý thức phòng chống dịch bệnh của người dân ngày một nâng lên. Đặc biệt, nhờ hệ thống cơ sở hạ tầng của mạng lưới y tế xã từng bước được đầu tư nâng cấp, với 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, giúp đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân.

Tuy nhiên, hiện nay tình trạng thiếu cán bộ y tế, đặc biệt là cán bộ y tế có chuyên môn cao khá phổ biến tại các đơn vị y tế

công lập trên địa bàn các huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh Hà Giang. Ngay như ở Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn, theo số liệu báo cáo đến cuối năm 2020, tổng số cán bộ của Trung tâm là 106 người (còn thiếu 14 cán bộ so với biên chế được giao), trong đó có 29 cán bộ nhân viên thuộc Trung tâm Y tế Huyện và 76 cán bộ nhân viên được phân bổ cho 17 trạm y tế xã, thị trấn. Hiện mới có 14/17 trạm y tế có nữ hộ sinh, 11/17 trạm có bác sĩ công tác; cán bộ phụ trách các chương trình mục tiêu Quốc gia còn chông chéo. Không chỉ thiếu về nhân lực, điều kiện và phương tiện làm việc cũng còn nhiều hạn chế, số lượng phòng làm việc còn thiếu, công năng sử dụng không phù hợp. Đáng chú ý, trang thiết bị mới đáp ứng được cơ bản cho yêu cầu khám, chữa bệnh và phòng chống dịch. Do vậy, để những đơn vị y tế công lập như Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn phát huy hiệu quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho người dân, rất cần sự đồng hành của các cấp, các ngành ở địa phương và Trung ương trong việc tiếp tục đầu tư hạ tầng, trang thiết bị và vật tư y tế, bổ sung thêm nhân lực để các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao./.

Hùng Minh

Đồng Văn: Tự hào vươn lên từ những khó khăn

Nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn phát huy truyền thống đoàn kết, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, ban hành các nghị quyết chuyên đề để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Kinh tế phát triển ổn định, duy trì tốc độ tăng trưởng khá; 38/39 chỉ tiêu đạt và vượt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, Huyện tập trung chỉ đạo đầu tư phát triển nền nông nghiệp sạch, ưu tiên việc đảm bảo an ninh lương thực thông qua việc duy trì, mở rộng diện tích ngô, lúa theo hướng thâm canh; thực hiện các mô hình trình diễn, tập huấn theo hướng cầm tay chỉ việc cho người dân. Để lĩnh vực chăn nuôi phát triển toàn diện, tạo khâu đột phá, Huyện chú trọng phát triển các loại con giống bản địa có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh; vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách hỗ trợ vốn vay phát triển đàn bò, ong; triển khai hiệu quả phương pháp thụ tinh nhân tạo cho đàn bò và ủ chua thức ăn cho đàn gia súc, xây dựng gia trại, trang trại chăn nuôi.

Xác định các sản phẩm OCOP có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, huyện Đồng Văn đã tạo điều kiện cho các chủ thể sản xuất ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, nhằm nâng cao chất lượng, hoàn thiện mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, từng bước khẳng định thương hiệu. Đến nay, trên địa bàn huyện có 12 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP. Trong đó: 3 sản phẩm đạt 4 sao, 9 sản phẩm đạt 3 sao và có 4 sản phẩm đã thực hiện dán nhãn OCOP lên bao bì và tem nhãn.

Đối với lĩnh vực du lịch - dịch vụ, trên cơ sở phát huy giá trị di sản địa chất, đa dạng sinh học

Là huyện biên giới, vùng cao, địa hình phần lớn là núi đá, Đồng Văn được coi là huyện đặc biệt khó khăn. Song với quan điểm “biến khó khăn thành cơ hội”, thời gian qua, huyện Đồng Văn đã ban hành các đề án, phương án, nghị quyết chuyên đề nhằm khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế đặc biệt trong lĩnh vực du lịch. Nhờ đó, phát triển kinh tế xã hội của huyện Đồng Văn đã có những chuyển biến tích cực. Đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện, diện mạo nông thôn miền núi đã thay đổi rõ rệt.

của Công viên Địa chất toàn cầu - Cao nguyên đá Đồng Văn cùng những nét văn hóa truyền thống, tín ngưỡng dân gian, phong tục, tập quán, các danh lam thắng cảnh, như: Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật Nhà Vương, Phố cổ Đồng Văn gắn với Lễ hội Hoa Tam giác mạch, Lễ hội Gầu Tào,... đã trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng, thu hút đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan. Nhờ đó, lượng khách đến tham quan ngày càng đông (giai đoạn 2016-2020, Huyện đón trên 1,7 triệu lượt khách tham quan). Riêng năm 2020, doanh thu lưu trú và dịch vụ ăn uống đạt 150,3 tỷ đồng, tăng 141,64% so năm 2015.

Những năm qua, kết cấu hạ tầng của Huyện từng bước cải thiện; diện mạo đô thị, nông thôn khởi sắc. Nhờ nỗ lực đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông, nhiều tuyến đường bê tông được cứng hóa; nhiều con đường hoàn thành với tiến độ nhanh, đảm bảo các tiêu chí về chất lượng trong xây dựng, kịp thời phát huy hiệu quả thiết thực cho nhu cầu đời sống



Kết cấu hạ tầng của huyện Đồng Văn được quan tâm đầu tư góp phần thúc đẩy tăng trưởng và thu hút đầu tư. Trong ảnh: Đường trục chính khu vực trung tâm thị trấn Đồng Văn được mở rộng, trang trí đẹp mắt

của đồng bào. Trong đó, tiêu biểu như tuyến đường liên thôn Đình Lũng - Mà Lũng, xã Tả Phìn hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2020.

Với lợi thế có 54,6 km đường biên, Đồng Văn đã chú trọng phát triển kinh tế biên mậu, thúc đẩy thương mại thông qua việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường từ thị trấn Phố Bàng - Mốc 379, xã Phố Là; xây dựng bãi tập kết hàng hóa, đỗ xe tại các lối mở; củng cố, duy trì hoạt động hiệu quả 6/9 chợ tại các xã, thị trấn biên giới. Nhờ đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2020 toàn Huyện đạt 530 tỷ đồng, vượt 110,32% chỉ tiêu nghị quyết, tăng 175,32% so với năm 2015.

Bên cạnh đó, Huyện đã làm tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, kêu gọi các tổ chức, cá nhân đến đầu tư tại Huyện. Trong nhiệm kỳ, Đồng Văn đã thu hút 16 dự án đầu tư tại huyện với số vốn trên 1.000 tỷ đồng. Ngoài ra, các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; chất lượng giáo dục - đào tạo được củng cố; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao; công tác phòng, chống dịch Covid-19 được thực hiện tốt; giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 6% trở lên,.. Có thể nói, đây chính là những động lực để kinh tế, xã hội địa phương ngày càng khởi sắc và đạt được những dấu mốc phát triển mới trong thời gian tới./.

P.V



BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC YÊN MINH MANG NHỮNG DỊCH VỤ Y TẾ TỐT NHẤT ĐẾN VỚI NGƯỜI DÂN

Những năm qua, Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh luôn nỗ lực nâng cao năng lực khám và điều trị, đổi mới toàn diện trong mọi hoạt động, thực hiện tốt mô hình bệnh viện đa khoa khu vực để hướng tới mục tiêu xuyên suốt là mang dịch vụ y tế tốt nhất đến với người dân.

Theo đó, Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh luôn là một trong những đơn vị y tế đi đầu của tỉnh Hà Giang trong việc đầu tư trang thiết bị, phát huy hiệu quả các mũi nhọn chuyên sâu, phát triển và ứng dụng các kỹ thuật mới vào chuẩn đoán và điều trị. Điển hình như: năm 2011 triển khai phẫu thuật nội soi; năm 2014 triển khai kỹ thuật siêu âm 4D, năm 2017 đầu tư hệ thống Tán sỏi Laze ngược dòng và hệ thống CT-Scanner; năm 2018 triển khai lọc thận nhân tạo; năm 2019 triển khai Hệ thống nội soi can thiệp đường tiêu hóa.

Bên cạnh đó, Bệnh viện luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, y, bác sĩ có trình độ chuyên môn để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh trong tình hình mới. Ngoài việc thường xuyên cử cán bộ đi học tập tại các đơn vị đào tạo về y, dược trong và ngoài tỉnh, Bệnh viện đã tận dụng tối đa các chương trình, dự án về đào tạo, chuyển giao kỹ thuật của Bộ Y tế và bệnh viện tuyến trên dành cho tuyến y tế cơ sở. Trong đó, Đề án bệnh viện vệ tinh đã đem đến cho các y, bác sĩ của Bệnh viện cơ hội được nâng cao tay nghề, được chuyển giao nhiều kỹ thuật chuyên sâu từ bệnh viện E mà gần đây nhất là kỹ thuật Nội soi can thiệp đường tiêu hóa. Ngoài ra, các dự án như HPET, dự án 585 đã góp phần đào tạo nhân



lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, nâng cao chất lượng nhân lực y tế cơ sở, đồng thời bổ sung thêm các trang thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động khám và điều trị. Đặc biệt, Đề án khám chữa bệnh từ xa, không những giúp Bệnh viện xử lý các ca bệnh khó, phức tạp mà còn giúp các y, bác sĩ của Bệnh viện có điều kiện cọ sát, học hỏi và nâng cao kinh nghiệm chuyên môn.

Bên cạnh đó, Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh xác định đổi mới tinh thần thái độ phục vụ là một trong những giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Bệnh viện đã quán triệt và triển khai kỹ cam

kết đến từng cán bộ, nhân viên về việc thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp; xây dựng phong cách, thái độ phục vụ văn minh, lịch sự; nói không với tiêu cực. Bệnh viện đã thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng để hỗ trợ người bệnh khi gặp khó khăn trong quá trình khám và điều trị; tiếp thu những ý kiến phản hồi của các cấp, các ngành và người dân để kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế trong hoạt động khám, chữa bệnh. Song song với đó, Bệnh viện thực hiện tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý và hoạt động; công khai quy trình, thủ tục khám, chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế; giá các dịch vụ



y tế để tạo thuận lợi cho người dân trong các hoạt động giao dịch. Mặt khác, Bệnh viện luôn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, chỉnh trang khuôn viên bệnh viện, giữ môi trường xanh-sạch - đẹp, qua đó tạo không khí thoải mái cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

Hiện, Bệnh viện đã triển khai được nhiều kỹ thuật chuyên môn sâu như: Mổ nội soi sản khoa, ngoại khoa, tiêu hóa; phẫu thuật cắt toàn bộ tử cung đường bụng; phẫu thuật cố định gãy xương bằng khung cố định ngoại vi; tán sỏi lazer ngược dòng; mổ nội soi phì đại tuyến tiền liệt; chạy thận nhân tạo; siêu âm 4D, CT, xét nghiệm sinh hóa tự động... Với những đổi mới đó, chất lượng các dịch vụ y tế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh ngày một nâng lên. Kết quả một số chỉ tiêu khám, chữa bệnh hàng năm của Bệnh viện đều đạt và vượt kế hoạch giao. Năm 2020, Bệnh viện đã khám và điều trị cho trên 46,2 nghìn lượt người, trong đó điều trị nội trú là trên 15,5 nghìn lượt người. Là bệnh viện hạng II, được giao là 180 giường bệnh, nhưng đến nay số giường bệnh thực tế của Bệnh viện đã lên tới 300 giường.

Có thể thấy, Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh đang có những bước vững chắc trên lộ trình tiến tới mục tiêu "mang những dịch vụ y tế tốt nhất đến cho người dân". Sự phát triển về chuyên môn, kỹ thuật của Bệnh viện đã tạo điều kiện cho người dân ở vùng sâu, vùng xa khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên, hạn chế rủi ro và tránh lãng phí cho người dân, cộng đồng và xã hội./

Minh Hùng

Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ là bệnh viện hạng II có quy mô 150 giường kế hoạch, bao gồm 11 khoa, 4 phòng chức năng và 02 phòng khám đa khoa khu vực. Những năm qua, được sự quan tâm, tạo điều kiện của ngành Y tế, tỉnh Hà Giang và huyện Quản Bạ, Bệnh viện được thụ hưởng các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đến nay, Bệnh viện có 03 nhà hai tầng phục vụ công tác điều trị; 01 khối nhà kỹ thuật hai tầng phục vụ công tác cấp cứu; 01 nhà hai tầng phục vụ công tác quản lý, khoa phòng chức năng và khoa khám bệnh... trên khuôn viên rộng gần 11 nghìn m². Các công trình được xây dựng kiên cố và được đầu tư bổ sung các trang thiết bị nhằm đáp ứng việc triển khai các dịch vụ, kỹ thuật mới như: Máy siêu âm màu trong chẩn đoán hình ảnh và điều trị, máy xét nghiệm sinh hóa, máy sinh hiển vi khám mắt, máy răng model ST-D520... Nhờ đó, nhiều kỹ thuật mới thuộc lĩnh vực ngoại khoa, chuyên khoa răng, chuyên khoa mắt được triển khai thực hiện đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

Với quan điểm lấy bệnh nhân là trung tâm, BVĐK huyện Quản Bạ đã nỗ lực không ngừng nhằm tạo ra chuyển biến toàn diện về chất lượng khám chữa bệnh. Trong đó, Ban Giám đốc Bệnh viện đặc biệt quan tâm đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. 3 năm vừa qua, có hàng chục lượt cán bộ, nhân lực y tế được cử đi đào tạo dài hạn tại các trường đại học với các lĩnh vực đào tạo từ chuyên khoa định hướng tới chuyên khoa sơ bộ, điều dưỡng, kỹ thuật viên... Nhờ quá trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục, Bệnh viện có thêm nhiều bác sĩ chuyên khoa sâu (CKI) ở các khoa, sản nhi, chẩn đoán hình ảnh, y học cổ truyền, hồi sức cấp cứu... Dưới sự lãnh đạo và định hướng của Ban Giám đốc, tập thể cán bộ, nhân viên y tế đã phát huy tinh thần đoàn kết,



Ngày càng có thêm các kỹ thuật, dịch vụ y tế tuyến trên được triển khai tại BVĐK Quản Bạ. Trong ảnh: Các bác sĩ của Bệnh viện đang thực hiện ca phẫu thuật

Bệnh viện đa khoa huyện Quán Bạ: NƠI NGƯỜI BỆNH GỬI GẮM NIỀM TIN

Thực hiện lời Bác Hồ dạy “Lương y như từ mẫu”, thời gian qua, Bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện Quán Bạ đã vượt khó để từng bước nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, y đức và triển khai các dịch vụ kỹ thuật, y tế chất lượng cao. Mặc dù tình hình dịch Covid -19 diễn biến phức tạp song Bệnh viện đã nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, từng bước tạo được niềm tin sâu sắc trong lòng người dân huyện Quán Bạ và các địa bàn lân cận.

dân chủ, nỗ lực hết mình, tận tâm với công việc vì sự phát triển chung của đơn vị.

Bác sĩ Hoàng Hoa Mân - Giám đốc BVĐK Quán Bạ cho biết: “*Nhằm tạo thuận lợi cho người dân, Ban lãnh đạo Bệnh viện đã xây dựng quy trình khám chữa bệnh theo hướng đơn giản hoá, áp dụng công nghệ thông tin, triển khai các phần mềm quản lý, tăng cường số lượng các phòng khám nhằm giảm thời gian chờ đợi cho người dân; tăng cường tập huấn cho cán bộ, nhân viên về phong cách thái độ phục vụ. Hằng năm, Bệnh viện tổ chức ký cam kết giữa nhân viên y tế với Trưởng khoa/phòng và giữa Trưởng khoa/phòng với lãnh đạo Bệnh viện về việc thực hiện thay đổi phong cách, thái độ phục vụ.* Bên cạnh đó, Bệnh viện triển khai đường dây nóng và số máy trực, sẵn sàng trả lời mọi thắc mắc của người bệnh 24/24h, bố trí các hòm thư góp ý tại các khoa phòng, qua đó lãnh đạo Bệnh viện kịp thời giải đáp các yêu cầu của người bệnh, phát hiện xử lý sai phạm, tuyên dương những hành động đẹp vì người bệnh.

Trong điều kiện huyện nghèo, người dân chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, để người dân thêm yên tâm khi khám và điều trị, Bệnh viện còn quan tâm hỗ trợ về điều kiện ăn, ở của bệnh nhân và người nhà trong thời gian ở viện.



Lãnh đạo UBND huyện Quán Bạ tặng quà, động viên đội ngũ cán bộ y tế của BVĐK Quán Bạ trước khi lên đường tham gia chống dịch tại TP. Hồ Chí Minh

Không chỉ sẻ chia về vật chất, tinh thần, trong những tình huống khẩn cấp, đội ngũ y bác sĩ, điều dưỡng của Bệnh viện sẵn sàng hiến máu để cứu người bệnh qua cơn nguy kịch. Qua mỗi lần như vậy, “phần thưởng” lớn nhất của đội ngũ y bác sĩ không chỉ là cảm ơn trên tay những bức thư cảm ơn của gia đình người bệnh mà còn là niềm vui khi chứng kiến sức khỏe của người bệnh dần hồi phục và cải thiện.

Với những biện pháp hiệu quả, thiết thực trong khám chữa bệnh, lượng bệnh nhân đến khám và điều trị tại BVĐK huyện Quán Bạ ngày một tăng cao. Nhiều trường hợp trước đây người bệnh phải chuyển tuyến thì giờ đây có thể thực hiện ngay tại tuyến huyện.

Năm 2020, tuy ảnh hưởng dịch Covid19 nhưng tổng số lần khám bệnh tại Bệnh viện đạt là 28.823 lượt người (vượt 35,6% so với kế hoạch và tăng 20,7% so với năm 2019); tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú đạt 9.872 lượt (vượt 16,1% so với kế hoạch và tăng 31,7% so với năm 2019); tổng số ca phẫu thuật là 910 ca (vượt so với kế hoạch 21,3% và tăng 38,7% so với năm 2019); số bệnh nhân phải chuyển tuyến còn 1.311 người (giảm 5% so với năm 2019). Kết quả này chính là sự ghi nhận những cố gắng của cán bộ, nhân viên y tế của Bệnh viện và khẳng định niềm tin của nhân dân trên địa bàn với công tác khám, chữa bệnh bệnh tại BVĐK huyện Quán Bạ đang ngày một nâng lên./

Long Đình

BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN HÀ GIANG:

HỘI TỤ VÀ KẾT TINH GIỮA Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI HIỆN ĐẠI

Bệnh viện Y dược cổ truyền (YDCT) tỉnh Hà Giang là bệnh viện chuyên khoa hạng II tuyến tỉnh. Bệnh viện có nhiệm vụ khám, chữa bệnh (KCB) đa khoa bằng y dược cổ truyền; sưu tầm, ứng dụng, kế thừa và phát huy các bài thuốc hay, môn thuốc quý trong dân gian; Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám và điều trị.

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, bác sĩ Nguyễn Thị Đức – Giám đốc Bệnh viện YDCT tỉnh Hà Giang cho biết: Hiện tại, Bệnh viện quy mô 120 giường theo kế hoạch; 5 phòng chức năng; 14 khoa lâm sàng và cận lâm sàng với tổng số 132 cán bộ, viên chức, người lao động. Những năm gần đây, Bệnh viện đã tiếp nhận, đào tạo được 25 bác sĩ chuyên khoa, cùng nhiều dược sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên... có trình độ đại học, cao đẳng. Lực lượng cán bộ nòng cốt này đã góp phần quan trọng nâng cao trình độ chuyên môn, thúc đẩy phát triển khoa học kỹ thuật cao tại bệnh viện, từng bước chiếm lĩnh thế mạnh của nền y học cổ truyền dân tộc với kỹ thuật không dùng thuốc kết hợp với thuốc y học hiện đại để nâng cao hiệu quả điều trị.

Với đặc thù khám chữa bệnh, thực hiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân bằng phương pháp Đông - Tây y kết hợp, các y, bác sĩ Bệnh viện YDCT Hà Giang đã đẩy mạnh khai thác, sử dụng các phương pháp chữa bệnh như: Châm cứu, đại trường châm, bấm huyệt, xoa bóp, tập vận động, phục hồi chức năng, tác động cột sống... Tích cực sưu tầm và bảo tồn nhiều bài thuốc quý trong dân gian. Cùng với đó, tư vấn, hướng dẫn người bệnh các kiến thức để họ chủ động bảo vệ sức khỏe như: Chế độ dinh dưỡng hợp lý, an toàn, cách sử dụng một số loại cây thuốc nam phổ biến, chế độ luyện tập phục hồi



Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh phối hợp với Bệnh viện Châm cứu Trung ương Tổ chức khai giảng lớp tập huấn chuyển giao gói kỹ thuật điều trị chăm sóc đặc biệt cho người liệt. Ảnh Tư liệu

chức năng... Trong 6 tháng đầu năm 2021, Bệnh viện đã sử dụng 1.818 đơn thuốc, 12.726 thang thuốc (gần 10.500 thang thuốc sắc) được phối chế bằng máy sắc tự động, hiện đại đưa vào điều trị và chăm sóc người bệnh.

Bên cạnh đó, Bệnh viện YDCT Hà Giang đã đầu tư và đưa vào sử dụng có hiệu quả nhiều trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị như: Máy laser nội mạch, laser CO2, laser chiếu ngoài, máy điều trị u xơ tiền liệt tuyến; máy điện phân, điện xung, máy sóng ngắn, máy vi sóng; máy phẫu thuật trĩ, máy điện châm không kim, máy xoa bóp tuần hoàn khí; máy xét nghiệm sinh hóa, máy xét nghiệm huyết học tự động. Ngoài ra, còn một số máy móc, dụng cụ để chế biến, sắc thuốc đông dược tại chỗ... Mặt khác, Bệnh viện còn thực hiện nhiều đợt tập huấn, chuyển giao công nghệ "Chẩn đoán và điều trị bệnh lý cột sống và thoát vị đĩa đệm" của Bệnh viện YDCT T.Ư; "Điều trị và chăm sóc đặc biệt cho bệnh nhân liệt, châm cứu, xoa bóp, cấy chỉ..." của Bệnh viện Châm cứu T.Ư; tiếp tục phát triển các dịch vụ kỹ thuật cấy chỉ, xông hơi thuốc bằng máy...

Tính riêng trong năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19, xong lượng bệnh nhân đến khám và điều trị bệnh tại bệnh viện vẫn ổn định. Tổng số bệnh nhân đến khám và điều trị trên 8,65 nghìn lượt, đạt 86,5% KH; Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú trên 2,1 nghìn lượt người, tăng 4,5% so với năm 2019; Công suất sử dụng giường bệnh nội trú đạt 78,2% KH, tăng 11% so với năm 2019.

Để không ngừng nâng cao chất lượng KCB, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, thời gian tới, Bệnh viện YDCT tỉnh Hà Giang sẽ tiếp tục kế thừa thế mạnh trong lĩnh vực y học cổ truyền; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, y đức và năng lực cho đội ngũ cán bộ, y bác sĩ. Tăng cường nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành công tác KCB. Thực hiện tốt các quy tắc ứng xử trong quá trình KCB, tất cả vì mục tiêu "Hướng tới sự hài lòng của người bệnh và sự phát triển bền vững của bệnh viện"./.

Trọng Nghĩa